

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN



THÔNG TIN
KHOA HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT

THÁNG 11/2016

**THÔNG TIN KHOA HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT**

Chịu trách nhiệm xuất bản:
SỞ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG NGHỆ AN

Chịu trách nhiệm nội dung:
TS. DƯƠNG XUÂN THAO

Ban biên tập:

Trưởng ban
ThS. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Phó ban
TS. NGUYỄN XUÂN LAI

Ban viên, Thư ký
TS. NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG

Ban viên
TS. DƯƠNG XUÂN THAO
TS. ĐỖ NGỌC ĐÀI
TS. NGUYỄN CÔNG NHẬT
TS. NGUYỄN THỊ LAN
ThS. TĂNG VĂN TÂN
ThS. VÕ THI DUNG
ThS. ĐOÀN TIẾN DŨNG
ThS. PHẠM THỊ MAI HƯƠNG

Trình bày và sửa bản in:
CN. NGUYỄN THỊ THÙY AN

In 100 cuốn, khổ 19 x 27cm tại Xi nghiệp In CP phát hành sách Nghệ An. Giấy phép xuất bản số: 127/2016/GP-STTTT Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 09 tháng 11 năm 2016.

In xong nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2016.

TT	MỤC LỤC	
	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	
1	Trần Thị Thanh Hương Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn Nghệ An giai đoạn 2016 - 2020	5
2	Võ Thị Hải Lê Thử nghiệm hiệu lực của thuốc trong điều trị bệnh do ancylostoma caninum ở chó	14
3	Nguyễn Thị Thương Uyên Quan điểm thực tiễn là quan điểm cơ bản của lý luận nhận thức	19
4	Hồ Thị Hoàng Lương Nghiên cứu tác động của RCEP tới quá trình chuyển hướng thương mại của Việt Nam	25
5	Nguyễn Khánh Ly Một số vấn đề về phương pháp học tập môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	34
TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM		
6	Nguyễn Lan Anh Mối quan hệ giữa trường Đại học Kinh tế Nghệ An và Doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo	40
7	Lê Thị Mỹ Tâm Nhận diện mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015 - 2016	45
8	Nguyễn Thị Tùng - Nguyễn Thị Lam Một số giải pháp tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên ở khoa Lý luận Chính trị	51
9	Hoàng Nam Hưng Hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, giảng viên được gì?	56

10	Nguyễn Thị An Nâng cao chất lượng giai đoạn thực tập tại trường cho sinh viên chuyên ngành kế toán tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An.	60
11	Trịnh Thị Lê Tác động hai mặt trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam giai đoạn 1988 - 2015	64
12	Nguyễn Thị Lan Hương Đối chiếu thành phần câu cơ bản Việt - Anh	70
13	Trần Thị Lê Na Ứng dụng của wordpress để tạo một website miễn phí mà bạn đọc quan tâm	76
14	Nguyễn Thị Lan - Nguyễn Mạnh Hưng Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giờ thảo luận trong giảng dạy các môn lý luận chính trị theo học chế tín chỉ	84
THÔNG TIN KHOA HỌC		
15	Nguyễn Thị Kim Dung Vai trò của giảng viên và sinh viên trong việc thực hiện giờ thảo luận các môn Lý luận Chính trị dưới hình thức thảo luận nhóm	87
16	Đình Chung Thành Lợi ích của thư điện tử	91
17	Sinh viên Cao Thị Thu Trà - Lớp Kế toán K2.06 Giờ thảo luận giúp ích gì cho sinh viên trong học tập các môn Lý luận Chính trị đối với đào tạo theo học chế tín chỉ	97
18	Sinh viên Lê Thị Hoài Thương - Lớp Quản trị kinh doanh K3 Cảm nhận của tân sinh viên K3 về buổi thảo luận nhóm đầu tiên của môn triết học Mác - Lênin	100
19	Sinh viên Nguyễn Thị Thùy Linh - Lớp Kế toán K1.02 Vì sao đa số sinh viên lựa chọn hình thức thảo luận nhóm trong giờ thảo luận các môn Lý luận Chính trị	103
20	Sinh viên Ngô Thị Phương Anh - Lớp Kế toán K1.04 Những hạn chế cần khắc phục trong giờ thảo luận nhóm các môn Lý luận Chính trị	107

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

*ThS. Trần Thị Thanh Hương
Khoa Quản trị Kinh doanh*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác đào tạo nghề cho người lao động nói chung và người lao động nông thôn nói riêng luôn được tỉnh Nghệ An coi trọng và tổ chức thực hiện thường xuyên, liên tục. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1956 phê duyệt đề án, đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, tỉnh Nghệ An cũng đã triển khai đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Nghệ An đến năm 2020. Từ khi triển khai (năm 2010) đến nay, mặc dù đã nâng cao được tỉ lệ lao động nông thôn được đào tạo nghề, nhưng chất lượng vẫn còn những hạn chế. Nghiên cứu này tập trung khảo sát, đánh giá công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn Nghệ An giai đoạn 2010 - 2015,

qua đó tìm ra những nguyên nhân của các hạn chế và đề ra một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn Nghệ An giai đoạn từ nay đến năm 2020.

II. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

2.1. Số lượng cơ sở dạy nghề và nghề được đào tạo

Trong giai đoạn 2010 - 2015, toàn tỉnh đã huy động được 48 cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn. Ngoài ra, đã khuyến khích một số doanh nghiệp, hợp tác xã có đủ điều kiện tham gia vào dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn.

**Bảng 2.1. Ngành nghề đào tạo cho lao động nông thôn Nghệ An
giai đoạn 2010 - 2015**

TT	Tên nghề đào tạo cho lao động nông thôn
<i>1</i>	<i>2</i>
I	Nghề phi nông nghiệp
1	Cơ khí
2	Cơ khí gò hàn
3	Công nghệ ô tô
4	Thêu ren
5	Mây tre đan

6	Dệt thổ cẩm
7	Đan lát truyền thống
8	Đánh bắt hải sản
9	Chế biến hải sản
10	Chế biến và bảo quản thực phẩm
11	Hàn
12	Mộc dân dụng
13	Kỹ thuật cốt thép - hàn
14	Sửa chữa điện thoại di động
15	Sửa chữa điện tử
16	Điện tử - điện máy
17	Máy công nghiệp
18	Máy dân dụng
19	Nê xây dựng
20	Kỹ thuật xây dựng
21	Cơ khí nông nghiệp
22	Thuyền viên
23	ĐK phương tiện nội thủy
24	Tin học văn phòng
25	Sửa chữa xe máy
26	Sửa chữa máy nông nghiệp
27	Điện dân dụng
28	Sửa chữa, lắp ráp máy tính
29	Nghiệp vụ nấu ăn
30	Kỹ thuật chế biến món ăn
31	Sản xuất hương trầm
32	Kỹ thuật làm bánh
II	Nghề nông nghiệp
1	KT nuôi nhím, lợn rừng
2	Chăn nuôi lợn
3	Chăn nuôi gia cầm
4	Trồng hoa, sinh vật cảnh
5	Nuôi trồng thủy sản
6	Nuôi cá nước ngọt
7	Chăn nuôi trâu, bò
8	Chăn nuôi dê
9	Chăn nuôi hươu
10	Ươm cây công nghiệp
11	Trồng, khai thác mủ cao su
12	Trồng chè
13	Kỹ thuật trồng trọt (lúa)
14	Kỹ thuật trồng ngô
15	Kỹ thuật trồng cam
16	Kỹ thuật trồng mía
17	Trồng dâu nuôi tằm

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

18	Nuôi ong lấy mật
19	Kỹ thuật trồng rau sạch, bí..
20	Trồng cây công nghiệp
21	Kỹ thuật ươm cây cảnh
22	Kỹ thuật ươm, trồng keo
23	Trồng nấm
24	Chăn nuôi thú y

Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An

Cơ cấu ngành nghề đào tạo đã được quy hoạch và phát triển tương đối hợp lý với yêu cầu thị trường lao động và dịch chuyển cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Trong cơ cấu ngành nghề đào tạo đã có sự tăng lên của các ngành nghề trong lĩnh vực công nghệ mới, các nghề trong lĩnh vực dịch vụ cũng phát triển mạnh, có những ngành nghề mà người lao động nông thôn tham gia học với số lượng lớn như May công nghiệp, Tin học văn phòng,...

Các hình thức đào tạo nghề được tổ chức linh hoạt, đa dạng: đào tạo chính quy tại cơ sở dạy nghề đào tạo lưu động tại các xã, thôn, bản, đào tạo tại các doanh nghiệp... đã tạo thuận lợi cho người học. Trong nhóm nghề phi nông nghiệp, nghề may công nghiệp có số lượng người lao động lựa chọn theo học nhiều nhất. Đáng chú ý năm 2014, có nhiều ngành không thu hút được người học như cơ khí gò hàn, đan lát truyền thống, đánh bắt hải sản...

2.2. Kết quả đào tạo nghề giai đoạn 2010 - 2015

Qua 5 năm thực hiện, công tác Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực:

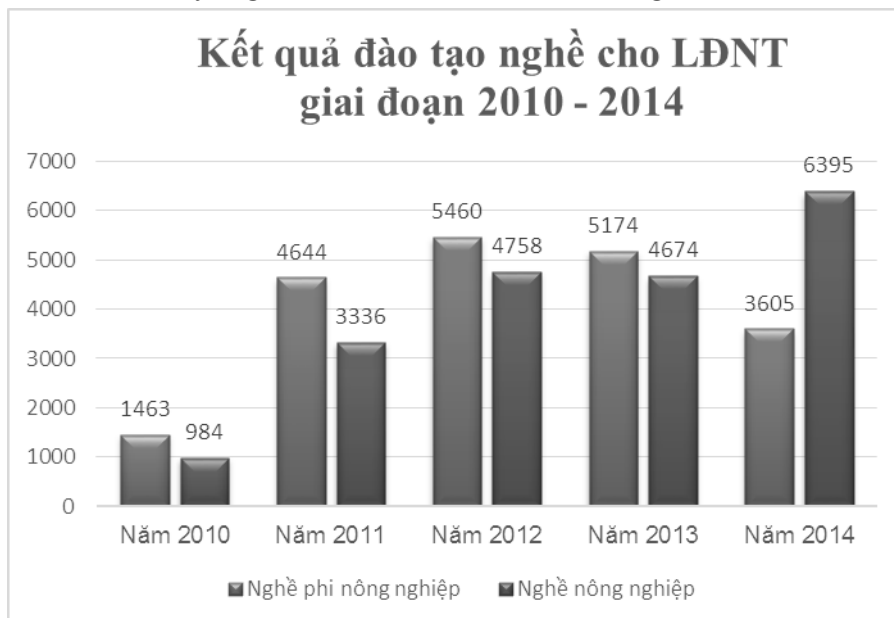
+ Đã có 268.213 lao động nông thôn tham gia học nghề, đạt 84,13% so với chỉ tiêu đặt ra tại Quyết định 3846/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Trong đó: số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề theo chính sách Đề án là 40.493 người (người học nghề nông nghiệp chiếm 49,75%, người học nghề phi nông nghiệp chiếm 50,25%). Số lao động nông thôn sau học nghề có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn là 30.029 người, đạt tỷ lệ 74,1%. Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh đã góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề của tỉnh từ 30% năm 2009 lên 46% năm 2014, bước đầu đã thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong nông thôn, góp phần thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Năm 2014, toàn tỉnh tuyển sinh đào tạo nghề cho 79.455 người, đạt 98% so với kế hoạch (cao đẳng nghề 4.131 người, trung cấp nghề 7.287 người, sơ cấp và dạy nghề thường

xuyên 68.037 người). Trong đó, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 9.543 người.

+ Đã chỉ đạo thí điểm các mô hình dạy nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp tại các huyện, thành phố, thị xã đạt kết quả cao. Đến nay, toàn tỉnh đã tổ chức được 140 lớp dạy nghề mô hình cho 4.544 người với tỷ lệ có việc làm, thu nhập ổn định đạt trên 80%. Nhiều địa phương đã triển khai thí điểm các mô hình dạy nghề có hiệu

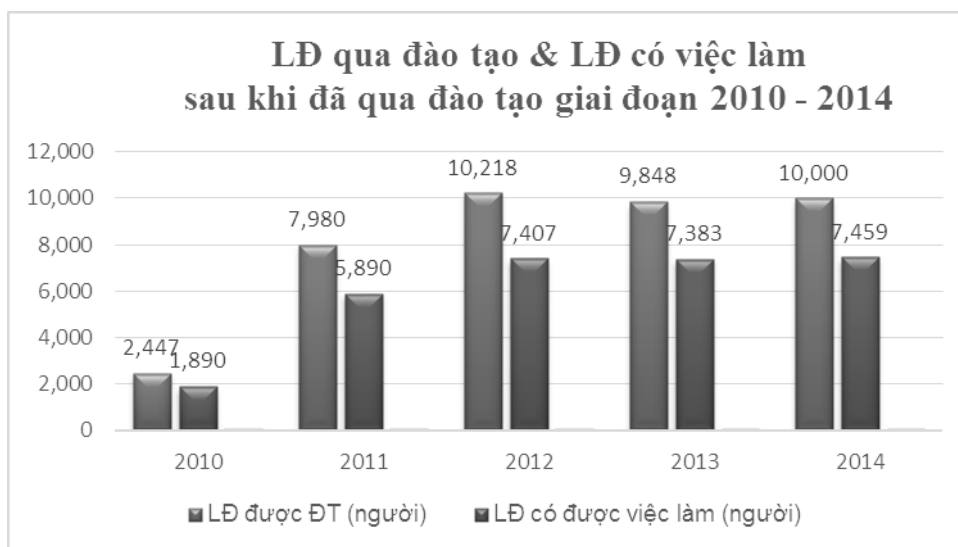
quả như: Yên Thành với nghề trồng nấm, may công nghiệp; Diễn Châu, Quỳnh Lưu với nghề mây tre đan, may công nghiệp, Thanh Chương với nghề chăn nuôi lợn, trồng hoa, mộc dân dụng; Nam Đàn với nghề trồng hoa cây cảnh, thêu ren; Nghĩa Đàn với nghề nuôi ong, nuôi gà; Con Cuông với nghề trồng cam, dệt thổ cẩm... Các mô hình dạy nghề đã góp phần tạo chuyển biến tích cực, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn.



Biểu đồ 2.1. Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn Nghệ An giai đoạn 2010 - 2014

Chất lượng đào tạo nghề thời gian gần đây đã có sự thay đổi và được nâng lên khá rõ nét, thể hiện qua số học sinh học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng sau khi tốt nghiệp tìm được việc làm và có thu nhập ổn định hàng năm đạt từ 85-

87%; một số nghề sau đào tạo đạt 100% lao động đều có việc làm, thu nhập ổn định. Số học sinh học sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên đã áp dụng và phát huy được kết quả học nghề để nâng cao năng suất lao động và tự tạo việc làm;



**Biểu đồ 2.2. Lao động nông thôn đã qua đào tạo
và lao động có việc làm sau khi đã qua đào tạo giai đoạn 2010 - 2014**

Năm 2015, đào tạo nghề theo Đề án 1956 cho hơn 10.000 người với 312 lớp (Nông nghiệp: 131 lớp với 4.261 người; phi nông nghiệp: 181 lớp với 5.957 người). Tỉnh đã tổ chức mở lớp dạy nghề mô hình cho 4.544 người với tỷ lệ có việc làm, thu nhập ổn định đạt từ 85 - 87%. Nhiều địa phương đã triển khai thí điểm các mô hình dạy nghề LĐNT có hiệu quả như: Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Thanh Chương, Nghĩa Đàn, Con Cuông... Số lao động nông thôn sau học nghề có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn là 30.029 người, đạt tỷ lệ 74,1%, bước đầu đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong nông thôn, góp phần thực hiện xây dựng nông thôn mới.

2.3. Đánh giá kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn Nghệ An giai đoạn 2010 - 2015

2.3.1. Hạn chế còn tồn tại

- Số người theo học còn chưa đạt định mức đề ra. Số lao động được hỗ trợ học nghề còn thấp. Vẫn còn tình trạng một số lao động nông thôn sau khi học nghề không tạo được việc làm, hoặc việc làm chưa thật bền vững, thu nhập chưa ổn định.

- Có những ngành nghề mở ra nhưng không thu hút được người theo học và có những ngành nghề số người theo học ít như: Đánh bắt hải sản, Chế biến hải sản, Chế biến và bảo quản thực phẩm, Điện tử - điện máy, Chăn nuôi hươu, Trồng, khai thác mỏ cao su...

- Có những ngành thời gian đầu người đi học rất đông, nhưng năm sau đó thì lại không có người nào theo học, điều này chứng tỏ rằng ngành học không mang lại hiệu quả cho người học, ngược lại, có ngành thời gian đầu không có người học, nhưng sau đó người đăng ký theo học khá đông. Hiện tượng này chứng tỏ người học còn học theo phong trào, chưa được định hướng nghề một cách chắc chắn, điều này sẽ gây lãng phí cho cả phía tổ chức cũng như người học nghề.

- Năng lực đào tạo của một số cơ sở dạy nghề còn hạn chế: cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ dạy và học nghề đã lạc hậu, không theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề còn thiếu và chưa đáp ứng với yêu cầu của công tác đào tạo nghề trong giai đoạn mới.

2.3.2. Nguyên nhân của các hạn chế

a. Nguyên nhân khách quan

- Người lao động có trình độ văn hóa thấp, chưa nhận thức đúng về lợi ích của học nghề nên chưa nhiệt tình tham gia học nghề; hình thức đào tạo lưu động tại xã, chi phí giáo viên cũng chiếm một khoản chi phí khá lớn.

- Người học vẫn còn tâm lý thụ động trong việc lựa chọn nghề học. Vẫn còn một bộ phận nhỏ người học

chưa hiểu hết ý nghĩa, trách nhiệm, quyền lợi khi học nghề; không xác định học để có nghề và có thu nhập, ổn định cuộc sống từ nghề đã học.

- Mặc dù người học đã có chủ động lựa chọn học các nghề phi nông nghiệp, nhưng do quy mô của các doanh nghiệp trên địa bàn đa số là ở quy mô vừa và nhỏ nên cũng phần nào gây khó khăn cho người học tìm được việc làm.

- Chính sách của Nhà nước chưa thực sự đủ mạnh để khuyến khích người học nghề. Khó khăn do ngân sách nhà nước bố trí cho dạy nghề nói chung và dạy nghề lao động nông thôn nói riêng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển quy mô và nâng cao chất lượng dạy nghề.

b. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp Ủy đảng, chính quyền cơ sở chưa thực sự quyết liệt, thiếu chủ động và đồng bộ. Công tác xây dựng kế hoạch, điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động còn hạn chế, chưa toàn diện.

- Trung tâm dạy nghề các huyện không có giáo viên chuyên sâu về dạy nghề nông nghiệp.

- Nguồn lực đầu tư cho dạy nghề mặc dù có tăng nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu. Số lượng cơ sở dạy nghề nhiều nên nguồn lực đầu tư có lúc còn

dàn trải, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng chưa cao. Định mức phân bổ chi sự nghiệp dạy nghề quá thấp nên các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

- Mỗi quan hệ phối hợp cung cấp thông tin cung - cầu lao động và liên kết đào tạo, sử dụng lao động qua đào tạo giữa cơ sở dạy nghề và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có nhu cầu sử dụng lao động chưa đồng bộ và hiệu quả chưa cao.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Trong thời gian tới, để công tác đào tạo nghề phát huy hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giúp cho người lao động chọn được nghề phù hợp và có thể phát huy được tay nghề sau đào tạo, tìm được việc làm, cần tập trung vào các giải pháp sau:

- **Một là**, các địa phương, trường, trung tâm dạy nghề phải làm tốt công tác khảo sát, đánh giá, tư vấn nghề cho người lao động. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu thị trường lao động, nhu cầu của người học, các trường, trung tâm dạy nghề mới có thể có căn cứ để đánh giá và

mở lớp phù hợp, tư vấn cho người học chọn lựa nghề phù hợp với khả năng và nhu cầu người học, lại có thể đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

- **Hai là**, xây dựng chương trình học phù hợp với yêu cầu thực tiễn, cập nhật nội dung, phương pháp dạy học tiên tiến. Trong nội dung học và thực hành cần chú trọng đến đào tạo kỹ năng cho người học để hỗ trợ người học có thể thích nghi nhanh với môi trường làm việc và yêu cầu của công việc.

- **Ba là**, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá kịp thời công tác giảng dạy, có điều tra, khảo sát khả năng tìm việc làm, thu nhập của người lao động sau khi được đào tạo. Đây sẽ là căn cứ để các cơ sở dạy nghề có điều chỉnh nghề đào tạo, bổ sung hoặc cắt giảm bớt danh mục ngành nghề đào tạo, tránh dàn trải quá nhiều ngành nghề sẽ gây lãng phí, không hiệu quả.

- **Bốn là**, trong quá trình khảo sát, làm kế hoạch đào tạo, cần chú ý gắn với kế hoạch phát triển của địa phương để lựa chọn nghề đào tạo cho phù hợp. Bên cạnh đó, khi xây dựng kế hoạch đào tạo cần tránh đào tạo tràn lan, không nhất thiết phải đào tạo nhiều nghề cho một xã hoặc cả xã chỉ học một nghề.

- **Năm là**, gắn liền chuỗi đào tạo - sản xuất, chế biến - tiêu thụ, mục tiêu là người lao động sau khi học có khả năng tìm được việc làm, hoặc sau khi học có thể tiến hành sản xuất & tiêu thụ được sản phẩm của mình. Có như vậy mới giải quyết được vấn đề sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, giúp người lao động có việc làm, hoặc tự tạo được việc làm và có thu nhập.

- **Sáu là**, về phía người lao động, ngoài việc được tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học nghề, người lao động cũng cần phải chủ động trong việc tìm hiểu các thông tin về ngành nghề đào tạo, biết rõ khả năng và nhu cầu của mình để chủ động tìm được nghề phù hợp để học và làm việc sau này.

- **Bảy là**, tăng cường nguồn lực đầu tư cho dạy nghề: Huy động, lồng ghép, quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư để đáp ứng yêu cầu đào tạo trong giai đoạn mới. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các trường dạy nghề chất lượng cao, trường nghề trọng điểm. Tiếp tục đầu tư nguồn lực cho Trung tâm Dạy nghề cấp huyện. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề: Rà soát, đánh giá lại các cơ chế chính sách đã ban hành, sớm điều chỉnh định mức chi sự nghiệp dạy nghề cho phù hợp với thực tiễn. Tăng cường sự phối hợp của các Sở: Lao động - TBXH, Giáo dục - Đào tạo và

UBND các huyện, thành phố, thị xã để chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS, THPT tham gia học nghề.

Trên đây là một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn Nghệ An trong thời gian tới, tuy nhiên, để có thể thực hiện được các giải pháp này cần chính quyền các cấp, các ngành ở địa phương và của Ban chỉ đạo thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn các cấp phải nêu cao vai trò trách nhiệm của mình trong công tác chỉ đạo, khảo sát, lựa chọn nghề để đào tạo. Bên cạnh đó cần tăng cường sự phối hợp của các Sở: Lao động - TBXH, Giáo dục - Đào tạo và UBND các huyện, thành phố, thị xã để chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS, THPT tham gia học nghề.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thời gian qua, hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Nghệ An đã đạt được những kết quả nhất định. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều hạn chế, làm giảm hiệu quả khi thực hiện chương trình như vẫn còn tỉ lệ người lao động sau khi được đào tạo không tìm được việc làm, kỹ năng của người lao động vừa thiếu vừa yếu chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Qua thực trạng đó, tác giả đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề lao động nông thôn Nghệ An trong giai đoạn tới, để các giải pháp này có thể mang lại hiệu quả, cần phải có sự chỉ đạo sát sao của tỉnh, các cơ quan quản lý về hoạt động đào tạo nghề, các trường, trung tâm, cơ sở đào tạo và đặc biệt là ý kiến của người học. Ngoài ra, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ sở dạy nghề với các doanh nghiệp vừa để xây dựng chương trình đào tạo và công tác đào tạo nghề phù hợp, vừa có hướng cho người lao động nông thôn sau khi được đào tạo sẽ có việc làm phù hợp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020;
2. UBND tỉnh Nghệ An, Quyết định phê duyệt đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Nghệ An đến năm 2020;
3. UBND tỉnh Nghệ An, Báo cáo sơ kết 5 năm tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;
4. UBND tỉnh Nghệ An, Báo cáo tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề năm 2015, nhiệm vụ đào tạo nghề 2016.

THỬ NGHIỆM HIỆU LỰC CỦA THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ BỆNH DO *ANCYLOSTOMA CANINUM* Ở CHÓ

TS. Võ Thị Hải Lê
Khoa Nông Lâm Ngư

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay trên thị trường có nhiều loại thuốc tẩy giun tròn đường tiêu hóa, trong đó 2 loại thuốc là mebendazole và pyrantel đã được sử dụng rộng rãi để tẩy trừ các loài giun tròn đường tiêu hoá cho chó. Phạm Sỹ Lăng và cs, (2009) [2] cho biết: từ những năm 80 của thế kỷ 20, các lacton đại phân tử vòng xuất hiện trên thị trường thuốc Thú y và có hiệu quả cao trong thực tiễn phòng chống ký sinh trùng, đặc biệt một số loại thuốc có hoạt phổ rộng như ivermectin, mebendazole, pyrantel có tác dụng trị cả nội và ngoại ký sinh trùng, thuận tiện cho người dùng và an toàn cho vật nuôi. Do đó, các hoá dược này được sử dụng rộng rãi trong phòng chống giun tròn.

Tuy nhiên, các tác giả Chu Thị Thom và cs, (2006) [4] lưu ý: việc lựa chọn các loại thuốc phù hợp và có tác dụng tốt phải dựa trên các tiêu

chuẩn, có hiệu quả cao, an toàn đối với vật nuôi, giá thành hợp lý. Để hướng dẫn người nuôi chó lựa chọn thuốc tẩy giun móc an toàn và hiệu quả, chúng tôi thử nghiệm lại hiệu lực tẩy trừ của thuốc mebendazole và pyrantel trên chó địa phương nuôi ở điều kiện Việt Nam qua thực nghiệm và trên thực địa.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Xác định hiệu lực tẩy trừ *A. caninum* của thuốc mebendazol và pyrantel

2.2. Phương pháp nghiên cứu

a. Xác định hiệu lực tẩy trừ *A. caninum* của thuốc mebendazol và pyrantel bằng phương pháp thực nghiệm.

b. Xác định hiệu lực tẩy trừ *A. caninum* của thuốc mebendazol và pyrantel bằng phương pháp thực địa

2.3. Đối tượng nghiên cứu: chó con bị bệnh do *A. caninum* trong tự nhiên và chó bị bệnh do *A. caninum* được gây nhiễm nhân tạo.

2.4. Bố trí thí nghiệm

2.4.1. Đánh giá hiệu lực tẩy trừ *A. caninum* của thuốc mebendazole và pyrantel trong thực nghiệm.

Chọn 10 chó con khỏe mạnh, đã được xác định không mắc các bệnh truyền nhiễm, không nhiễm ký sinh trùng đường tiêu hóa, chó khoảng 2 tháng tuổi.

Gây nhiễm ấu trùng L_3 của *A. caninum* cho chó. Sau thời gian 15 - 19 ngày, xét nghiệm phân tìm trứng *A. caninum*. Chia 10 chó đã gây nhiễm *A. caninum* thành 2 lô thí nghiệm, mỗi lô 5 chó.

- Lô 1: dùng thuốc mebendazol, liều 30 mg/kg thể trọng/ngày, dùng trong 3 buổi sáng liên tục trước khi cho chó ăn

- Lô 2: dùng thuốc pyrantel, liều 10mg/kg thể trọng, dùng trong 3 buổi sáng liên tục trước khi cho chó ăn.

- Xác định khối lượng chó, liều lượng thuốc và đường đưa thuốc vào cơ thể chó

- Tìm, đếm xác giun thải ra theo phân sau khi dùng thuốc 18 - 24 giờ.

- Mổ khám chó, tìm giun móc trong ruột non của chó sau thời gian dùng thuốc.

- Chỉ tiêu theo dõi:

+ Hiệu lực tẩy trừ *A. caninum* của mebendazol và pyrantel

+ Tỷ lệ sạch *A. caninum* của mebendazol và pyrantel

+ Độ an toàn của mebendazol và pyrantel với chó

2.4.2. Xác định hiệu lực tẩy trừ *A. caninum* của thuốc mebendazol và pyrantel trong thực địa

- Thí nghiệm được tiến hành trên thực địa, thuộc tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh.

- Mỗi địa điểm nghiên cứu, chọn 10 chó có độ tuổi 2 - 4 tháng tuổi bị nhiễm *A. caninum* với cường độ nhiễm từ > 500 trứng/gam phân.

- Mỗi địa điểm nghiên cứu, 10 chó được chia 2 thành lô thí nghiệm.

+ Lô thí nghiệm 1: 5 chó được dùng thuốc mebendazol, liều dùng 30mg/kg thể trọng/ngày, dùng trong 3 buổi sáng liên tục.

+ Lô thí nghiệm 2: 5 chó được dùng thuốc pyrantel, liều dùng 10mg/kg thể trọng.

- Xác định khối lượng chó, liều lượng thuốc và đường đưa thuốc vào cơ thể chó.

- Định lượng số trứng *A. caninum* trước khi cho chó dùng thuốc. Sau khi cho chó dùng thuốc 7, 14 và 21 ngày lấy phân chó xét nghiệm phân và định lượng số lượng trứng/ gam phân để xác định tỷ lệ hiệu lực và tỷ lệ sạch giun của thuốc.

- Chỉ tiêu theo dõi:

+ Hiệu lực tẩy trừ *A. caninum* của mebendazol và pyrantel qua định lượng trứng/ gram phân ở các ngày thứ

7, 14, ngày thứ 21 sau khi dùng thuốc.

+ Tỷ lệ sạch *A. caninum* của mebendazol và pyrantel

+ Độ an toàn của mebendazol và pyrantel với chó

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Hiệu lực của mebendazole và pyrantel tẩy trừ *A.caninum* trong thực nghiệm

Bảng 3.1. Hiệu lực tẩy *A.caninum* của mebendazole và pyrantel cho chó trong thực nghiệm

Số hiệu chó	Thuốc điều trị	Số giun ra theo phân (con)	Số giun trong ruột chó	Tổng số giun (con)
A1	Mebendazole (30 mg/kgP)	39	7	46
A2		36	0	36
A3		43	3	43
A4		39	0	39
A5		45	0	45
	Tổng	202	10	212
B1	Pyrantel (10 mg/kg P)	75	0	75
B2		81	3	84
B3		78	0	78
B4		96	6	102
B5		81	4	85
	Tổng	411	13	424

Với những chó dùng thuốc pyrantel để tẩy trừ cũng cho kết quả tương tự. Tổng số giun đếm được trong phân chó là 411 con, số giun thu được khi mổ khám là 13 con, tổng số giun thu được là 424 con. Như vậy, tỷ lệ hiệu lực của thuốc là 96,93%. Tỷ lệ sạch giun là 3/5 chó.

Quan sát các biểu hiện lâm sàng của chó sau khi dùng thuốc, kết quả cho thấy:

Kết quả nghiên cứu cho thấy: trong số 5 chó được dùng thuốc mebendazole, có 3 chó sạch giun với tổng số giun thải ra theo phân là 202, tổng số giun ở 5 chó thí nghiệm là 212. Như vậy, hiệu lực của thuốc mebendazole tính được là 95,28%. Tỷ lệ sạch giun là 3/5 chó.

không có chó nào ỉa chảy, không chó nào có dấu hiệu thần kinh như run rẩy, sùi bọt mép. Chúng tỏ thuốc mebendazole ở mức liều 30mg/kgP và pyrantel mức liều 10mg/kgP an toàn với chó.

3.2. Hiệu lực của mebendazole và pyrantel đối với chó nhiễm *A. caninum* trong thực địa

Kết quả cho thấy, phác đồ 1: mebendazole với liều 30 mg/kg P tẩy

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

giun móc cho chó có hiệu lực rất cao, tỷ lệ sạch trứng sau 7 và 14 ngày cho chó dùng thuốc là 80 - 93,3% , không có chó nào phản ứng với thuốc.

Ở phác đồ 2: pyrantel với liều 10mg/kg P cũng cho hiệu lực cao, tỷ lệ sạch trứng ở ngày thứ 14 và ngày thứ 21 sau khi cho chó dùng thuốc là 93,3%. Chỉ có 1 chó (6,6%) có biểu hiện mệt mỏi, nằm bệt, không muốn ăn. Sở dĩ, chó có hiện tượng trên, theo

chúng tôi, đây là con có cường độ nhiễm trùng cao nhất (800 trứng/gam phân), thể trạng yếu, thể trọng nhỏ hơn các chó khác, vì vậy khi dùng có các biểu hiện trên. Điều này phù hợp với cơ chế tác dụng của thuốc, vì theo Bùi Thị Tho (2003) [3] thì pyrantel có thể gây độc cho chó con và chó mang thai. Sau khi được tiêm thuốc trợ sức và chăm sóc, chó trở nên nhanh nhẹn hơn, không còn các biểu hiện trên.

Bảng 3.2. Hiệu lực tẩy *A.caninum* của mebendazole và pyrantel cho chó trong thực địa

Phác đồ tẩy	Số chó được tẩy	Hiệu lực của thuốc						Độ an toàn của thuốc			
		Sạch trứng sau 4 ngày		Sạch trứng sau 7 ngày		Sạch trứng sau 21 ngày		Có phản ứng		Số chết	
		Số chó	%	Số chó	%	Số chó	%	Số chó	%	Số chó	%
1	15	12	80,00	14	93,30	14	93,30	0	0,00	0	0,00
2	15	11	73,00	14	93,30	14	93,30	1	6,60	0	0,00

So sánh với hiệu lực tẩy trừ của cả 2 loại thuốc trong thực nghiệm thì tỷ lệ hiệu lực tẩy trừ *A.caninum* của 2 loại thuốc là tương tự nhau.

Nghiên cứu ở Việt Nam, Phạm Sỹ Lăng và cs, (1993) [1] cho biết: dùng mebendazole với liều 0,09g/kg P cho hiệu lực cao trong việc tẩy giun móc cho *A.caninum*, với tỷ lệ sạch giun là 93%, thuốc an toàn, tỷ lệ phản ứng 5% và không có chó chết do dùng thuốc.

IV. KẾT LUẬN

Từ kết quả xác định hiệu lực của thuốc mebendazole và pyrantel tẩy trừ *A. caninum* ở chó vùng nghiên cứu

và kế thừa kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước, chúng tôi đề nghị thuốc tẩy trừ và lịch tẩy trừ giun tròn đường tiêu hóa của chó như sau:

Người nuôi chó nên lựa chọn thuốc mebendazole và pyrantel vì hai loại thuốc này có phổ tác dụng rộng và hiệu lực tẩy trừ cao với các giun tròn đường tiêu hóa của chó như *T. canis*, *T. leonina*, *A. caninum* và cả *T.vulpis*.

- Lịch tẩy trừ giun đũa *T. canis*, *T. leonina* nên áp dụng lịch tẩy trừ của các tác giả trong nước đã đề xuất là 2 lần tẩy trong 1 năm, lần thứ nhất nên tẩy vào cuối mùa xuân, lần thứ hai nên tẩy vào cuối mùa thu cho cả

chó con và chó trưởng thành với mức liều 10mg/kg P với pyrantel và 10 đến 22mg/kgP của chó với mebendazole.

Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất lịch tẩy trừ *A. caninum* cho chó ở vùng nghiên cứu như sau:

- Chó nuôi nhốt chuồng nên tẩy 2 lần trong 1 năm, lần thứ nhất nên tẩy vào cuối mùa xuân, lần thứ hai nên tẩy vào cuối mùa thu cho cả chó con và chó trưởng thành với mức liều 10mg/kg P với pyrantel và 30mg/kgP của chó với mebendazole.

Những chó nuôi nhốt thường xuyên được gia chủ vệ sinh chuồng cũ, thức ăn được vệ sinh và tỷ lệ, cường độ nhiễm qua kiểm tra ở mức thấp nên tẩy 2 lần trong 1 năm là phù hợp.

Chó nuôi thả tự do nên tẩy trừ *A. caninum* 3 lần trong năm. Liều lượng và thuốc tương tự như trên./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Sỹ Lăng, Lê Thanh Hải, Phạm Thị Rât (1993), “Một số nhận xét về những loài giun tròn ký sinh ở thú ăn thịt ở vườn thú Thủ Lệ và chó cảnh, Kỹ thuật phòng trị”, *Công trình nghiên cứu Khoa học & Kỹ thuật 1990 - 1991*, Viện Thú y Quốc gia, Tr: 121 - 130.

2. Phạm Sỹ Lăng, Nguyễn Thị Kim Lan, Lê Ngọc Mỹ, Nguyễn Thị Kim Thành, Nguyễn Văn Thọ (2009), *Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng ở vật nuôi*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

3. Bùi Thị Tho (2003), *Thuốc kháng sinh và nguyên tắc sử dụng trong chăn nuôi*, Nxb Nông Thôn, Hà Nội.

4. Chu Thị Thom, Phan Thị Lại, Nguyễn Văn Tó (2006), *Phương pháp phòng chống bệnh giun sán ở vật nuôi*, Nxb Lao động, Hà Nội.

QUAN ĐIỂM THỰC TIỄN LÀ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA LÝ LUẬN NHẬN THỨC

*ThS. Nguyễn Thị Thương Uyên
Khoa Lý luận Chính trị*

Lý luận nhận thức hay còn gọi là nhận thức luận được hình thành ngay từ khi triết học mới ra đời. Nó nghiên cứu bản chất của nhận thức, những tính quy luật, những hình thức, những giai đoạn, trình độ của nhận thức cũng như con đường đi đến chân lý... Khi giải quyết vấn đề này, đã có nhiều trào lưu triết học đưa ra các nhận định khác nhau, nhưng trong đó chỉ có Mác đã xem xét hoạt động nhận thức trên cơ sở hoạt động thực tiễn, “nên đã đưa ra được những quan điểm đúng đắn về hàng loạt vấn đề phức tạp, nan giải của nhận thức, hình thành nên lý luận nhận thức thực sự khoa học”(1). Và trong lịch sử triết học, Mác là người đầu tiên nêu rõ vai trò quyết định của thực tiễn đối với nhận thức. Việc đưa phạm trù thực tiễn vào lý luận nhận thức là một bước chuyển biến cách mạng trong lý luận nhận thức nói riêng và trong triết học nói chung. Từ việc nghiên cứu quan điểm Mác về vấn đề này, ta có thể khẳng định: quan điểm

thực tiễn là quan điểm cơ bản của lý luận nhận thức.

Chủ nghĩa Mác- Lênin quan niệm thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng thì hoạt động thực tiễn chỉ có thể có được ở xã hội loài người; nó ra đời và phát triển cùng với sự ra đời và phát triển của xã hội loài người. Hoạt động thực tiễn không phải là hoạt động riêng lẻ của một người nào, nó cũng không phải là hoạt động riêng biệt nào. Thực tiễn là hoạt động vật chất của con người tác động vào thế giới xung quanh, bao gồm cả tự nhiên và xã hội; là loại hoạt động của chủ thể bộc lộ ra ngoài và tác động vào những sự vật, hiện tượng bên ngoài, là sự tác động giữa con người với thế giới xung quanh. Trên cơ sở hoạt động thực tiễn này, thế giới bộc lộ những đặc tính, những thuộc tính,

kết cấu, nội dung, bản chất, quy luật, v.v... của mình, nhờ đó con người tiếp nhận hình ảnh về những đặc tính, thuộc tính, kết cấu, nội dung, bản chất, quy luật, v.v... của thế giới xung quanh, tạo nên tri thức và hiểu biết của con người về thế giới.

Như vậy, thông qua hoạt động thực tiễn, nhờ hoạt động thực tiễn con người có được nhận thức về thế giới và quy luật của thế giới. Sự phản ánh như vậy rõ ràng không phải là giản đơn nảy sinh giữa chủ thể một cách trực tiếp, máy móc, mà phải thông qua trung gian của thực tiễn. Sự phản ánh đó chỉ bắt đầu, diễn biến và phát triển khi tạo nên sự tác động qua lại giữa chủ thể và khách thể.

Ph.Ăngghen đã vạch rõ: “Từ trước tới nay, khoa học tự nhiên, cũng như triết học, đã hoàn toàn coi thường ảnh hưởng hoạt động của con người đối với tư duy của họ. Hai môn ấy, một mặt, chỉ biết có tự nhiên, mặt khác, chỉ biết có tư tưởng. Nhưng chính việc con người biến đổi tự nhiên, với tính cách của giới tự nhiên, là cơ sở chủ yếu nhất và trực tiếp nhất của tư duy con người, trí tuệ của con người đã phát triển song song với việc người ta đã học cái biến thế giới tự nhiên” (2).

Giới tự nhiên là đối tượng, là khách thể của nhận thức. Giới tự nhiên có trước, là cái quyết định nhận thức, như vậy nội dung của nhận thức không thể là cái gì khác hơn là hình ảnh của giới tự nhiên được ghi lại trong đầu óc con người. Giới tự nhiên quyết định nội dung khách quan của nhận thức, do đó, hình ảnh của thế giới trong đầu óc con người phải là khách quan. Hình ảnh ấy chỉ nảy sinh và dần dần phát triển trên cơ sở của sự tác động qua lại giữa chủ thể và khách thể. Trong mối quan hệ đó, sự tác động qua lại giữa chủ thể và khách thể đóng vai trò là cơ sở của nhận thức; không có cơ sở đó, không có bất kỳ nhận thức nào, sự nhận thức của loài người ngày càng phát triển phong phú và đi sâu vào thế giới xung quanh là phụ thuộc vào quá trình và trình độ con người tác động vào thế giới xung quanh.

Điều đó vạch rõ nhận thức của con người không bao giờ được tách rời thực tiễn, nhận thức chỉ có ý nghĩa khi nó nhằm thúc đẩy thực tiễn, phục vụ cho thực tiễn, do đó thực tiễn cũng đóng vai trò là mục đích của nhận thức. Ph. Ăngghen đã viết: “Cũng như tất cả các khoa học khác, toán học sinh ra từ những nhu cầu của thực tiễn của con người: từ sự đo đạc diện tích và sự

đong lường sức chứa của những cái bình, từ sự tính toán thời gian và chế tạo cơ khí” (3).

Trong mối quan hệ giữa thực tiễn và nhận thức, mỗi bước diễn biến, thực tiễn lại thúc đẩy nhận thức tiến lên, phản ánh một nội dung mới về tự nhiên, do đó thực tiễn cũng đóng vai trò là động lực của nhận thức. Ph. Ăngghen đã khẳng định điều trên đây như sau: “ Ngay từ đầu; khi xã hội có những nhu cầu về kỹ thuật, thì xã hội thúc đẩy khoa học hơn mười trường đại học” (4).

Quan điểm trên của chủ nghĩa Mác - Lênin về thực tiễn đã hoàn toàn bác bỏ các loại quan điểm duy tâm, vì nó phủ nhận hoạt động thực tiễn của con người và xuyên tạc hoạt động thực tiễn của con người xem như là hoạt động của thần linh. Trong triết học tư sản hiện đại cũng lưu hành những quan điểm sai lầm, chẳng hạn như chủ nghĩa thực dụng quan niệm thực tiễn là cái gì đem lại “lợi ích của mình”.

Quan điểm thực tiễn của chủ nghĩa Mác-Lênin còn khẳng định mối khăng khít giữa nhận thức và thực tiễn, khẳng định vai trò thực tiễn là cơ sở chủ yếu nhất và trực tiếp nhất của nhận thức, là mục đích, là động lực của nhận thức. Từ đó vạch rõ cách hiểu sai lầm và hạn

chế của chủ nghĩa duy vật cũ về thực tiễn. Các nhà triết học duy vật cũ không có quan điểm đầy đủ, rõ ràng về thực tiễn, họ không hiểu vai trò của thực tiễn đối với lợi ích của xã hội loài người nói chung, cũng như đối với nhận thức nói riêng. Nhà duy vật Pháp Đoni Đidô coi thực tiễn là quan sát trực quan hoặc là hoạt động thí nghiệm khoa học của nhà bác học trong phòng thí nghiệm. Dĩ nhiên quan sát thiên văn, thí nghiệm khoa học cũng là hoạt động thực tiễn, nhưng toàn bộ hoạt động thực tiễn không phải chỉ có thế. Nhà triết học duy vật cổ điển Đức, Phoiobac loại trừ thực tiễn ra khỏi triết học, ông cho hoạt động thực tiễn không có liên quan gì đến triết học. Triết học không phải là cơ sở lý luận cho việc cải tạo thế giới, mà chỉ là để giải thích cho thế giới. Ông còn coi thực tiễn là cái gì “ti tiện”, là hành động con buôn “ô ướ”.

Như vậy, quan điểm triết học trước Mác khác với triết học Mác-Lênin xưa cũng như nay, hoặc đã hoàn toàn phủ nhận hoạt động thực tiễn của con người, hoặc đã thần bí hóa thực tiễn, coi thực tiễn không dính dáng gì đến quá trình nhận thức hoặc hiểu thực tiễn một cách hạn chế trong phạm vi quan sát trực quan hoặc thí nghiệm

khoa học trong phòng thí nghiệm. Tất cả các quan điểm triết học đó hoặc tách rời nhận thức với thực tiễn, hoặc đối lập nhận thức với thực tiễn, do đó không thể giải quyết được mối quan hệ giữa nhận thức và thực tiễn, không hiểu được vai trò của thực tiễn đối với nhận thức, cũng như của nhận thức đối với thực tiễn.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng coi toàn bộ hoạt động thực tiễn của loài người bao gồm ba hình thức: thực tiễn sản xuất vật chất, thực tiễn chính trị - xã hội (Trong điều kiện xã hội chia thành giai cấp đối kháng) và thực tiễn thực nghiệm khoa học .

Thực tiễn sản xuất vật chất là hình thức thực tiễn cơ bản. Sản xuất vật chất là sự tác động qua lại giữa con người và giới tự nhiên. Khi chưa có con người, chưa có xã hội loài người, thì loài động vật, do nhu cầu sinh sống đã có sự tác động qua lại với môi trường xung quanh. Loài động vật cao cấp đã sử dụng một số vật tự nhiên, như hòn đá, cây que chẳng hạn, để tìm kiếm thức ăn, mà dần dần đã biết dùng một số vật tự nhiên khác, chế tạo ra một vật mới có những đặc tính mà ở vật tự nhiên vốn trước đó không tự bộc lộ ra. Với những vật mới đó, con người tác động vào giới tự nhiên để

tìm kiếm thức ăn có hiệu quả hơn. Đó là những công cụ sản xuất đầu tiên của loài người. Tìm kiếm thức ăn với những công cụ do mình chế tạo ra, loài người đã tự cải tạo bản thân mình và dần dần phát triển lên. Hoạt động bằng những công cụ do mình tạo ra như vậy tác động vào giới tự nhiên để phục vụ những nhu cầu về ăn, mặc, ở, v.v... là hoạt động lao động sản xuất đầu tiên của loài người. Cùng với hoạt động sản xuất vật chất, con người còn trao đổi với nhau những kinh nghiệm lao động, do đó tiếng nói ra đời, bộ óc loài vượn biến đổi dần dần thành bộ óc người. Nội dung của hình ảnh về thế giới bên ngoài, những kinh nghiệm được biểu đạt qua tiếng nói đã mang hình thái ý thức, và nhận thức xuất hiện. Từ thực tiễn lao động sản xuất và nhận thức gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động qua lại nhau, thực tiễn ngày càng rộng rãi, nhận thức ngày càng phong phú.

Thực tiễn sản xuất vật chất thể hiện mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và giới tự nhiên là nguồn gốc, là cơ sở chủ yếu nhất và trực tiếp nhất cho mọi nhận thức của con người về giới tự nhiên.

Hình thức thực tiễn thứ hai là hoạt động chính trị - xã hội (Đấu tranh giai

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

cấp, đấu tranh dân tộc, ...). Hoạt động chính trị - xã hội là sản phẩm của sự phát triển của sản xuất trong điều kiện của xã hội tư hữu và bản thân nó có tác dụng giải phóng lao động, giải phóng dân tộc bị áp bức, bóc lột để thúc đẩy xã hội tiến lên, thúc đẩy sản xuất phát triển. Hoạt động chính trị - xã hội thể hiện mối quan hệ giữa con người với con người trong điều kiện xã hội chia thành giai cấp đối kháng. Qua hoạt động chính trị - xã hội đã hình thành những hiểu biết của con người về xã hội, về giai cấp, về các hiện tượng trong mọi lĩnh vực cuộc sống của con người, của xã hội nói chung, của các giai cấp, tập đoàn, lực lượng xã hội, của các dân tộc, v.v ... nói riêng.

Vì xã hội chia thành giai cấp có lợi ích đối kháng, nên mọi nhận thức của con người về xã hội đều phản ánh hiện thực xã hội thông qua lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc nhất định. Trong xã hội có đối kháng giai cấp, nhận thức tư tưởng về xã hội của giai cấp thống trị trong đời sống tinh thần của xã hội. Những cái gọi là “khoa học xã hội” đó đều không phải là khoa học chân chính, nó bóp méo xuyên tạc hiện thực, không phản ánh đúng bản chất và quy luật của các hiện tượng, sự vận động, phát triển của xã hội, của lịch

sử. Tất cả đều chịu ảnh hưởng của các loại thế giới quan tôn giáo, định mệnh chủ nghĩa, hoặc thế giới quan triết học duy tâm (duy tâm chủ quan hay duy tâm khách quan, hoặc thuyết không thể biết). Những cái gọi là “khoa học xã hội” biểu hiện của hệ tư tưởng của giai cấp tư sản đế quốc và của các lực lượng phản động, phản cách mạng hiện đại đều là giả tạo, là xuyên tạc hiện thực, giả danh khoa học.

Khoa học xã hội với sự chỉ đạo của thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, mới là khoa học xã hội chân chính, phản ánh bản chất và quy luật của các hiện tượng xã hội, phản ánh bản chất và quy luật của sự phát triển xã hội nói chung, là bản chất và quy luật của lịch sử hiện đại của xã hội loài người đang quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới nói riêng.

Chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng Cộng Sản Việt Nam, đội tiên phong chiến đấu, bộ tham mưu của giai cấp vô sản Việt Nam đã nghiên cứu, phản ánh bản chất và quy luật vận động phát triển của xã hội Việt Nam, trong cách mạng dân tộc dân chủ, trong chiến tranh cách mạng, cũng như trong cách

mạng xã hội chủ nghĩa thể hiện qua các đường lối của các Đại hội Đảng, qua các nghị quyết của các Hội nghị Trung ương Đảng và qua các chủ trương, chính sách cụ thể của Nhà nước. Chân lý đã được Bác Hồ cô đúc lại “Không gì quý hơn độc lập tự do”, đã phản ánh đầy đủ nhất và quy luật vận động của cách mạng Việt Nam. Học thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác- Lênin cho ta chiếc chìa khóa để tìm hiểu quy luật phát triển của lịch sử xã hội, để chứng minh sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Hình thức thực tiễn thứ ba là hoạt động thực nghiệm khoa học, đây là loại hoạt động của con người tác động vào giới tự nhiên, nhưng thông qua những điều kiện và hoàn cảnh chủ động sắp xếp, bố trí của con người. Bằng hình thức hoạt động thực tiễn này, con người cũng đã nghiên cứu và phát hiện bản chất và quy luật khách quan của thế giới xung quanh, khái quát nên những nguyên lý, quy luật của khoa học tự nhiên và khoa học - kỹ thuật; hình thức thực tiễn này cũng gắn liền với sản xuất và phục vụ cho sản xuất.

Mối quan hệ giữa ba loại thực tiễn trên đây là nền tảng của mối quan hệ

giữa các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, giữa khoa học triết học và các khoa học cụ thể khác.

Tóm lại, mối quan hệ giữa nhận thức và thực tiễn thật sự là khăng khít, không thể tách rời. Quá trình nhận thức gắn liền với quá trình thực tiễn, lấy hoạt động thực tiễn làm cơ sở, làm mục đích, làm động lực thúc đẩy. Song, nhận thức không phản ánh hiện thực một cách thụ động mà có vai trò như kim chỉ nam vạch phương hướng cho thực tiễn, chỉ rõ những phương pháp hành động có hiệu quả nhất để đạt mục đích của thực tiễn. Như vậy, mỗi bước tiến lên của thực tiễn là dựa vào sự chỉ đạo của nhận thức, và ngược lại mỗi bước tiến lên của nhận thức là kết quả của quá trình thực tiễn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2000), *Triết học Mác-Lênin chương trình cao cấp*, tập 2, NXB Chính trị Quốc gia, trang 217.
2. C. Mác và Ph.Ăngghen (1994). *Toàn tập*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tập 20, trang 720.
3. F.Engen (1971). *Chống Duyrinh*, NXB Sự thật, Hà Nội, trang 65.
4. Mác-Engen (1971). *Tuyển tập*, tập 2, NXB Sự thật, Hà Nội, 1971, trang 614.

NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA RCEP TỚI QUÁ TRÌNH CHUYỂN HƯỚNG THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM

ThS. Hồ Thị Hoàng Lương
Khoa Quản trị Kinh Doanh

Được đánh giá là Hiệp định thương mại tự do quan trọng hàng đầu đối với nền kinh tế Việt Nam cho đến thời điểm hiện nay, Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) là một hiệp định đầy tham vọng hướng tới mục tiêu hình thành quan hệ đối tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và 6 đối tác trong khu vực đã ký Hiệp định thương mại tự do (FTA) với ASEAN (ASEAN+1) bao gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và New Zealand. Sự thành công của các vòng đàm phán trong khuôn khổ RCEP sẽ là cơ hội để các nước thành viên nói chung và Việt Nam nói riêng tạo ra những thay đổi lớn trong hoạt động thương mại, đặc biệt là sự chuyển hướng thương mại nhằm tận dụng những lợi thế mà RCEP mang lại. Bài viết sẽ phân tích và đánh giá tác động của RCEP đến quá trình chuyển hướng thương mại của Việt Nam.

1. Giới thiệu về Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)

Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Regional Comprehensive Economic Partnership) được viết tắt là RCEP, là một hiệp định thương mại do ASEAN lãnh đạo, liên kết các nền kinh tế của 16 quốc gia khu vực châu Á - Thái Bình Dương bao gồm 10 thành viên ASEAN và 6 quốc gia mà ASEAN đã ký hiệp định thương mại tự do gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và New Zealand hướng tới mục tiêu thiết lập một khối thương mại tự do lớn nhất thế giới. Mục tiêu của RCEP là “tạo ra một thỏa thuận thương mại toàn diện nhằm tăng cường hội nhập kinh tế giữa các thành viên liên quan. Các vấn đề chính đang được đàm phán liên quan đến thương mại hàng hóa - dịch vụ, đầu tư, hợp tác kinh tế - kỹ thuật và giải quyết tranh chấp”.

Được khởi xướng từ năm 2012, vòng đàm phán đầu tiên của RCEP diễn ra vào ngày 9/5/2013, tính đến tháng 10 năm 2016, RCEP đã trải qua 14 phiên đàm phán. Các nội dung trong các vòng đàm phán chủ yếu xoay quanh các vấn đề về: Thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, phòng vệ thương mại, quy tắc xuất xứ, hợp tác kinh tế kỹ thuật, dịch vụ viễn thông, thương mại điện tử, dịch vụ tài chính, thủ tục hải quan và thuận lợi hóa thương mại, kiểm dịch và vệ sinh động thực vật, thủ tục tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa.

Với sự tham gia của 16 nước trong khu vực Đông Á, RCEP hứa hẹn sẽ tạo ra khu vực thương mại rộng lớn và được kỳ vọng sẽ mang lại lợi ích kinh tế rất lớn cho các nước thành viên, đặc biệt với những nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu ở Đông Nam Á sẽ có nhiều cơ hội hơn trong tiếp cận các thị trường lớn trong khu vực. Đồng thời RCEP cũng sẽ góp phần thúc đẩy dòng đầu tư từ các quốc gia phát triển hơn sang các quốc gia đang phát triển và cùng hội nhập toàn diện vào các hoạt động kinh tế khu vực.

2. Vai trò của RCEP đối với các nước thành viên

Một hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa ASEAN và các đối tác trong khu vực sẽ giúp kết nối sáu hiệp định thương mại tự do ASEAN+1 đã có (gồm ASEAN với lần lượt từng nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, New Zealand và Ấn Độ), tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp dễ dàng khai thác lợi ích của các hiệp định đã có và thúc đẩy chuỗi sản xuất trong khu vực. Như vậy, hiệp định RCEP giúp hài hòa các cam kết, quy định trong FTA ASEAN+1 hiện nay, đặc biệt là quy tắc xuất xứ và thuận lợi hóa thương mại.

Khi đàm phán RCEP thành công sẽ củng cố việc dịch chuyển kinh tế toàn cầu từ Phương Tây sang Phương Đông. RCEP bao gồm khu vực kinh tế rộng lớn với dân số khoảng 3,4 tỷ người (chiếm 50% dân số thế giới), tạo ra 40% tổng giá trị thương mại toàn cầu và 30% tổng GDP toàn thế giới. RCEP sẽ giúp tăng thêm khoảng 644 tỷ USD thu nhập cho toàn khu vực nhờ sự lưu chuyển tự do của dòng hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và lao động giữa các nền kinh tế thành viên. RCEP cũng cải thiện đáng kể Hiệp định thương

mại tự do FTA ASEAN+1 đã ký kết giữa ASEAN với các đối tác đối thoại, bằng cách tích hợp thành một hiệp định toàn diện và khẳng định vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc kinh tế khu vực. Trong tương lai, RCEP sẽ là chất xúc tác cho các sáng kiến hội nhập khu vực hài hòa hơn. RCEP được nhìn nhận là một trong những con đường hướng đến hình thành một khu vực thương mại tự do ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

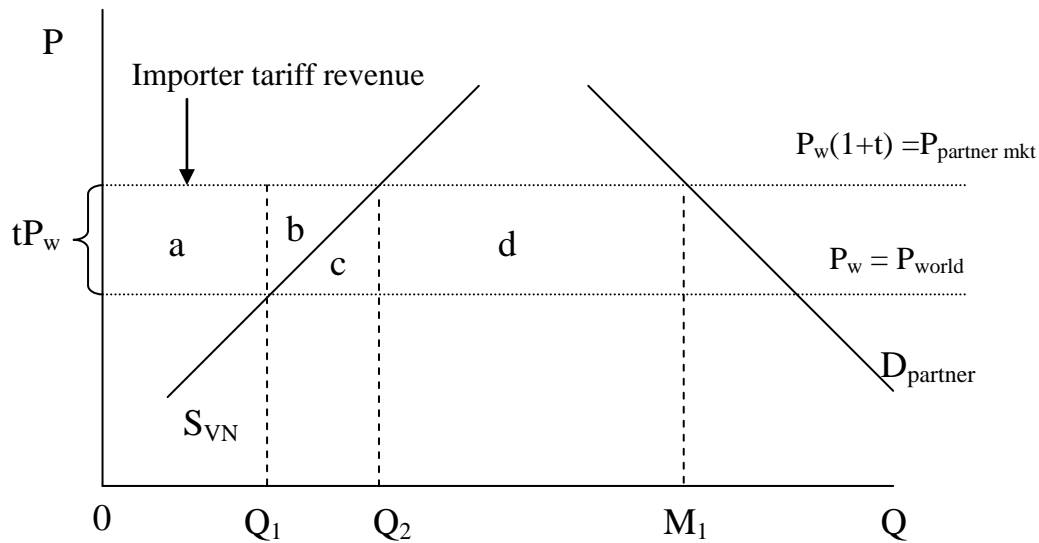
3. Tác động của RCEP đối quá trình chuyển hướng thương mại của Việt Nam

Thương mại là lĩnh vực chịu tác động lớn nhất trong khuôn khổ của RCEP, các tác động chính là tạo lập thương mại, chuyển hướng thương mại, thất thu thuế, tác động về điều kiện thương mại (giá xuất khẩu tương đối so với giá nhập khẩu) và khoản mất không (mất hiệu quả kinh tế) trong đó ảnh hưởng lớn nhất từ RCEP đối với Việt Nam chính là quá trình chuyển hướng thương mại.

Các đối tác thương mại chủ yếu của Việt Nam từ trước tới nay vẫn tập trung vào các thị trường Trung Quốc, ASEAN, Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản. Tuy nhiên tỷ trọng thương

mại vẫn chưa xứng với tiềm năng thương mại của Việt Nam, mặt khác ưu đãi từ các FTA Việt Nam đã ký vẫn chưa thực sự thông thoáng để thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Cán cân thương mại giữa Việt Nam với các thị trường này vẫn thường bị thâm hụt. Do đó, sự thành công của RCEP sẽ gỡ bỏ tối đa các rào cản trong quan hệ thương mại của Việt Nam với các thành viên và tạo nên quá trình chuyển hướng mạnh mẽ trong hoạt động thương mại của Việt Nam.

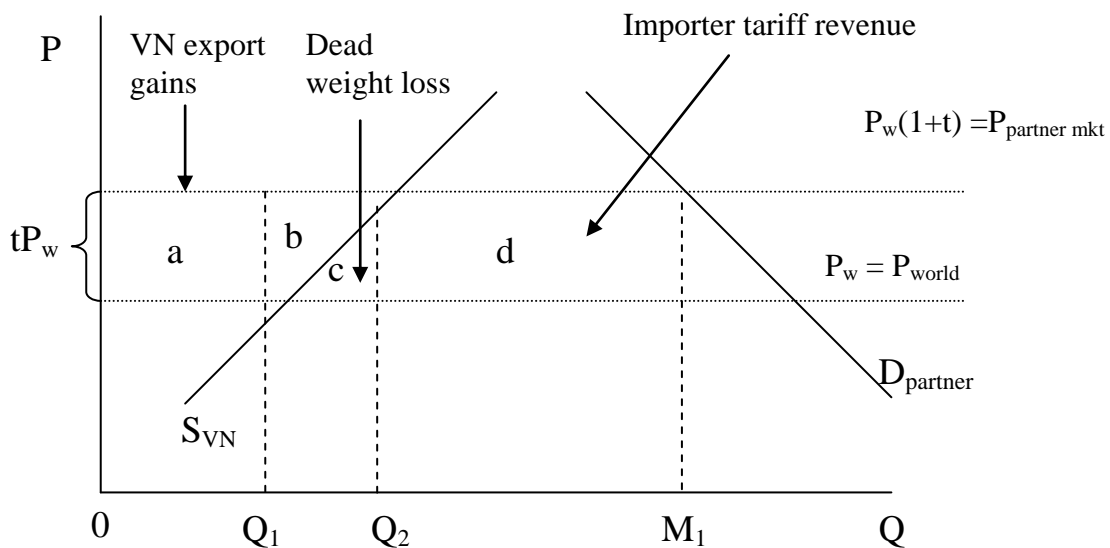
Ưu đãi quan trọng mà RCEP dành cho các nước thành viên là thực hiện việc giảm thuế nhập khẩu. Từ đó Việt Nam sẽ chịu các tác động quan trọng bao gồm tạo lập thương mại (khi xuất khẩu của các nước thành viên FTA có chi phí thấp sẽ thay thế các nhà sản xuất trong nước có chi phí cao) và chuyển hướng thương mại (khi thương mại của các nước ngoài FTA có chi phí thấp được thay thế bằng các nước thành viên FTA có chi phí cao do được hưởng ưu đãi). Các tác động này có thể được minh họa bằng hai đồ thị đơn giản dưới đây.



Đồ thị 1: Tác động đối với thương mại Việt Nam khi chưa tham gia RCEP

Đồ thị trên thể hiện kết quả khi Việt Nam chưa tham gia RCEP và tiến hành xuất khẩu vào một nước thành viên RCEP, lúc này Việt Nam phải chịu thuế suất tối huệ quốc MFN giống như những nước không

phải thành viên khác. Đồ thị thể hiện lượng xuất khẩu (Q_1), lượng nhập khẩu (M_1) và doanh thu thuế ($a + b + c + d$) của nước nhập khẩu khi thuế quan là t và giá trong nước là $P_w(1+t)$.



Đồ thị 2: Tác động đối với thương mại Việt Nam khi tham gia RCEP

Đồ thị 2 cho thấy tác động đối với Việt Nam tham gia RCEP với thuế suất ưu đãi, lúc này Việt Nam sẽ có cơ hội tăng xuất khẩu lên Q_2 và đạt mức doanh thu xuất khẩu được bằng diện tích $(a+b+c)$, đây lại chính là phần thiệt hại thương mại của những nước không phải là thành viên của RCEP. Đây được gọi là sự chuyển hướng thương mại. Điều đó cũng có nghĩa là doanh thu thuế nhập khẩu bị giảm đi bằng diện tích $(a+b+c)$. Một phần của khoản thất thu $(a + b)$ được chuyển sang nước xuất khẩu nhưng phần c là “khoản mất không” vì nước xuất khẩu vẫn phải chịu thêm chi phí sản xuất hàng xuất khẩu cao hơn chi phí sản xuất hàng xuất khẩu có khả năng cạnh tranh trên thế giới. Chi phí tăng thêm này khiến nước xuất khẩu trở thành nhà cung ứng hàng hóa chi phí cao, chỉ có thể tăng xuất khẩu khi các đối thủ cạnh tranh khác trên thế giới bị thua thiệt vì mức thuế mà nước xuất khẩu được hưởng thuế suất giảm do ưu đãi đặc biệt.¹

Như vậy, tác động đối với Việt Nam khi tham gia RCEP là sự chuyển hướng thương mại mạnh mẽ từ các nước ngoài RCEP vào trong RCEP để được hưởng những ưu đãi từ thuế quan nhằm gia tăng giá trị thương mại cho đất nước. Nhất là khi các nước Đông Á vốn là đối tác kinh tế lớn của nước ta chiếm đến 56% tổng kim ngạch thương mại hai chiều của Việt Nam. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, số liệu 7 tháng đầu năm 2016 cho thấy, Đông Á là thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của nước ta với kim ngạch trên 38,85 tỉ USD, tương đương 38,85% tổng kim ngạch xuất khẩu. Đây cũng là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với giá trị hơn 69 tỉ USD, chiếm 73,11% tổng kim ngạch nhập khẩu.

¹ EU-MUTRAP, 2015, *Báo cáo đánh giá tác động của Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) đối với nền kinh tế Việt Nam*, trang 18, 19

**Bảng 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với các nước RCEP
7 tháng đầu năm 2016**

Thị trường	Nhập khẩu		Xuất khẩu	
	Kim ngạch (triệu USD)	Tỷ trọng	Kim ngạch (triệu USD)	Tỷ trọng
ASEAN	13.215	13,97	9.527	9,85
Trung Quốc	27.329	28,88	10.855	11,22
Hàn Quốc	17.502	18,50	6.033	6,24
Nhật Bản	8.153	8,62	7.952	8,22
Ấn Độ	1.468	1,55	1.501	1,55
Úc	1.293	1,37	1.516	1,57
New Zealand	211	0,22	198	0,20
Tổng	69.171	73,11	37.582	38,85

(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

Với những cam kết giữa các nước thành viên dành cho nhau trong hoạt động thương mại, RCEP sẽ giúp Việt Nam cải thiện tiếp cận các thị trường đầu tư và xuất khẩu của ASEAN và các đối tác (cả nước phát triển và đang phát triển) với nhu cầu đối với hàng hóa và dịch vụ đa dạng. Đồng thời RCEP hứa hẹn sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào thị trường khu vực nhờ giảm mức thuế nhập khẩu và cộng gộp chi phí xuất xứ nguyên liệu nhập khẩu, đặc biệt khi các đối tác trong hoạt động thương mại của Việt Nam chủ yếu là ASEAN, Trung Quốc và Nhật Bản. Chẳng hạn như trước đây, nhiều hàng hóa của Việt Nam có nguyên liệu đầu vào chủ

yếu từ Trung Quốc nên khi xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ không được hưởng ưu đãi thuế suất. Nhưng nếu RCEP cho phép cộng gộp giá trị nguyên liệu nhập khẩu từ các nước tham gia đàm phán, bao gồm cả Trung Quốc, thì hàng hóa của ta có nguyên phụ liệu từ Trung Quốc sẽ được ưu đãi thuế khi vào Nhật.

Như vậy, tham gia RCEP sẽ tạo ra các tác động tích cực giúp đẩy mạnh sự chuyển hướng thương mại của Việt Nam. Thực tế cho thấy khi Việt Nam tham gia AFTA (1996) với cam kết xóa bỏ 97% dòng thuế được hoàn tất vào năm 2018 đã tạo ra được những sự chuyển hướng thương mại tích cực giúp đẩy mạnh

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Tính trung bình giai đoạn 2010 - 2015, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đã tăng gấp 2 lần và đạt 327,76 tỷ USD vào năm

2015. Điều này cho thấy khi các cam kết của RCEP được thực hiện sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước thành viên.

Bảng 2. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường FTA

(Đơn vị: %)

STT	Tên nước, khu vực	Trước FTA	Sau FTA
1	ASEAN	-	18*
2	Trung Quốc	18	23
3	Hàn Quốc	13	31
4	Nhật Bản	15	19
5	Australia	11	11
6	<u>New Zealand</u>	3	37
7	Ấn Độ	-	53

*Ghi chú: *Tốc độ tăng trưởng trung bình từ năm 2002 tới nay*

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tác động của RCEP đối với quá trình chuyển hướng thương mại của Việt Nam có tính hai mặt, mặc dù RCEP được đánh giá là toàn diện và hài hòa hơn so với các FTA ASEAN+1 vì có cân nhắc sự khác biệt về trình độ phát triển của từng nước để có hình thức thỏa thuận thương mại phù hợp. Tuy nhiên, hiệp định này có thể tạo ra một dòng dịch chuyển thương mại bất lợi cho doanh nghiệp trong nước. Hiện nay, chúng ta đang có ưu thế cạnh tranh với Trung Quốc khi xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản nhờ hiệp định

song phương giữa Việt Nam - Nhật Bản. Chẳng hạn như hàng dệt may của Việt Nam xuất khẩu sang Nhật được hưởng thuế ưu đãi là khoảng 10%, so với mức thuế 15 - 20% hàng dệt may xuất khẩu từ Trung Quốc, sản phẩm da giày của Việt Nam chịu thuế dưới 5%, còn từ Trung Quốc chịu thuế 30%... Khi Nhật Bản và Trung Quốc đi đến một thỏa thuận thương mại trong khuôn khổ RCEP để giảm thuế quan, lợi thế cạnh tranh nói trên của doanh nghiệp Việt Nam sẽ không còn. Cũng như các nước Lào, Campuchia và Myanmar,

Việt Nam sẽ phải đương đầu với sức ép cạnh tranh lớn vì các doanh nghiệp yếu kém về quy mô vốn, về năng lực thiết bị, trình độ công nghệ, kỹ năng quản lý và lao động, cũng như chưa có tầm nhìn, chiến lược kinh doanh hợp lý. Bên cạnh đó, quy mô sản xuất của nền kinh tế Việt Nam tương đối nhỏ, năng suất hạn chế, chất lượng và khả năng quản trị rủi ro kém hơn nhiều so với mặt bằng trên thị trường quốc tế.

4. Giải pháp chuyển hướng thương mại hiệu quả cho Việt Nam từ RCEP

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang ngày càng gia tăng, thách thức chính là cơ hội cho những nền kinh tế năng động phát triển. RCEP với yêu cầu hội nhập toàn diện sẽ là cánh cửa mới cho hàng hóa Việt Nam rộng đường tới các thị trường trong khu vực và thế giới. Tuy vậy, để có thể chuyển hướng thương mại hiệu quả từ RCEP, Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, các ngành thương mại, dịch vụ, hàng hóa của Việt Nam cần phải làm quen với việc những rào cản thương mại sẽ được hủy bỏ và cạnh tranh với các đối tác thương mại bên ngoài bởi theo

đánh giá của Bộ Công Thương, RCEP là cơ hội để hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu sau năm 2015, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước tham gia.

Thứ hai, Việt Nam cần chủ động để nắm bắt tốt nhất các điều kiện thuận lợi mà RCEP đem lại cũng cần phải nhìn rõ thách thức đặt ra vì RCEP không chỉ là FTA ASEAN+6 mà nó là sự tổng hợp và đem lại nhiều lợi ích lớn hơn về kinh tế, tự do thương mại và sản xuất trong khu vực.

Thứ ba, Việt Nam cần điều chỉnh pháp luật của mình cho phù hợp với luật chơi chung, tránh những xung đột lợi ích hoặc các điều kiện khi tham gia vào các FTA, tạo điều kiện để các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như cần chuẩn những biện pháp rào cản kỹ thuật cần thiết để bảo vệ các mặt hàng của Việt Nam trước hàng hóa các đối thủ cạnh tranh, đặc biệt là Trung Quốc.

Thứ tư, Việt Nam cần phải nhanh chóng thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN, tập trung phát triển thương mại dịch vụ nhất là du lịch, tạo thuận lợi cho khách du lịch đi lại thông qua hệ thống đường không, đường bộ, đường biển dễ dàng, nhanh chóng,... đang phát huy tác dụng.

Cuối cùng, để chuyển hướng thương mại hiệu quả Việt Nam cần phát huy được vai trò của các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp không chỉ học cách cạnh tranh mà còn cần nỗ lực nâng cao khả năng kết nối, tham gia các chuỗi, mạng sản xuất, phân phối, hiểu và tuân thủ pháp luật, nắm rõ các cam kết mà Việt Nam đã ký kết với các đối tác liên quan đến ngành lĩnh vực kinh doanh sản xuất của mình, đồng thời phải biết chuyển đổi, cải tổ để vượt qua khó khăn để tự định vị, xác định đối tác, kết nối thị trường nhằm tham gia mạng lưới sản xuất trên thế giới trên cơ sở phát triển bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. EU-MUTRAP (2015), *Báo cáo đánh giá tác động của Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) đối với nền kinh tế Việt Nam*, Dự án hỗ trợ chính sách thương mại và đầu tư của Châu Âu.
2. *RCEP - Cơ hội và thách thức đối với Cộng đồng kinh tế ASEAN và các nước CLM*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế do Dự án hỗ trợ chính sách và thương mại Châu Âu (MUTRAP) và Trung tâm hỗ trợ Hội nhập WTO Tp. Hồ Chí Minh tổ chức ngày 24/10/2014 tại Tp. Hồ Chí Minh.
3. Kim Ngọc, Trần Ngọc Sơn (2015), *Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực: cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 9 (94).
4. <http://www.hoinhap.org.vn/chuyen-de/hiep-dinh-dang-dam-phan/rcep/tin-tuc-damphan/7628-vong-dam-phan-rcep-dau-tien-datnen-tang-cho-cac-vong-dam-phan-ke-tiep.html>.
5. <http://www.trungtamwto.vn/cachiepdingkhac/toa-dam-tham-van-voi-congdong-doanhngiep-ve-hiep-dinh-doi-tac-kinh-te-toan-dien>
6. <http://customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/>

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Khánh Ly

Khoa Lý luận Chính trị

Tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”, Đảng ta khẳng định: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học... tập trung dạy cách học, cách nghĩ và tự học, theo phương châm “giảng ít, học nhiều”. Chuyển quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Bồi dưỡng khát vọng học tập suốt đời. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược vô cùng quan trọng trong việc đào tạo ra nguồn nhân lực có đủ phẩm chất năng lực, có tư duy độc lập, năng động, tự chủ, sáng tạo, thích ứng với sự biến đổi không ngừng của xã hội.

Để thực hiện được nhiệm vụ đó, trong quá trình dạy học các môn học ở nhà trường nói chung, dạy học môn *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* ở trường nói riêng, bên cạnh việc đổi mới chương trình, giáo trình, đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm

tra - đánh giá, cần phải chú trọng đổi mới, hướng dẫn phương pháp học tập cho sinh viên theo hướng tích cực nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học, chất lượng đào tạo. Bởi phương pháp học tập khoa học chính là cách thức khai thác hiệu quả nhất năng lực của mỗi cá nhân, là động lực chính của quá trình giáo dục - đào tạo.

1. Sự cần thiết phải đổi mới phương pháp học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam ở các trường đại học, cao đẳng

Sinh viên của tất cả các trường đại học, cao đẳng đều phải làm quen với môn *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh). Mục tiêu của học phần *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* là giới thiệu, phân tích và lý giải để sinh viên nắm được đầy đủ quan điểm,

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

chủ trương, đường lối và quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ, trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước hiện nay.

Đây là môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên năm thứ ba. Tuy nhiên, hầu hết sinh viên không “mặn mà” với môn học này, thậm chí có tâm lí “ngại” học nên kết quả thi không cao, học lại thi lại nhiều, sai lệch trong tư tưởng, lối sống,... Tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng đó, chúng tôi thấy có cả nguyên nhân khách quan lẫn nguyên nhân chủ quan, trong đó không thể không nhấn mạnh đến ý thức, thái độ, phương pháp học tập của sinh viên đối với môn học:

- Sinh viên chưa ý thức cao việc tự giác, tích cực trong học tập môn *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, phổ biến vẫn là sự thụ động, ỷ lại vào giảng viên, vào tài liệu có sẵn.

- Vì không xác định đúng đắn mục tiêu môn học nên nhiều sinh viên có thái độ thờ ơ, chủ quan, bất cần.

- Hầu hết sinh viên chưa biết cách học, cách nghiên cứu, cách lập kế hoạch hoạt động của môn học.

- Sự trao đổi, học hỏi của sinh viên với giảng viên bộ môn diễn ra quá ít.

Ngày nay, với quan điểm giáo dục hiện đại là “phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu” để học tập suốt đời, việc đổi mới phương pháp học tập phải được chú trọng nhằm tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên hình thành và phát triển những kỹ năng cần thiết như: kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phản biện, tranh luận...

Cùng với những bước khởi động khả thi về đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên thì việc đổi mới phương pháp học tập của chính sinh viên là một yếu tố quan trọng trong sự thống nhất biện chứng của quá trình dạy học môn *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* theo hướng tích cực. Bởi lẽ, nếu thầy tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy mà không có sự tương tác tích cực trở lại của trò thì việc dạy - học không thể đạt hiệu quả.

Thực tiễn trên cho thấy, việc đổi mới phương pháp học tập của sinh viên đối với môn *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* là việc làm cấp bách, có ý nghĩa quan trọng trong quá trình đào tạo và tự đào

tạo nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* theo học chế tín chỉ hiện nay ở các trường cao đẳng, đại học nói chung, trường Đại học Kinh tế Nghệ An nói riêng.

2. Hướng dẫn phương pháp học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam theo hướng tích cực

Cũng như các môn khoa học khác, dạy học môn *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* theo phương pháp tích cực luôn gắn liền với việc tăng cường hoạt động tự học của sinh viên. Để giúp các em có phương pháp học tập tốt, giảng viên cần hướng dẫn cho họ cách học, cách đi tới kiến thức trên cơ sở đó tiếp tục tự học tập suốt đời.

Hướng dẫn cách học, cách đi đến kiến thức phải giúp người học đạt được: Biết cách xây dựng kế hoạch và thời gian biểu tự học hợp lý; biết cách thức làm việc độc lập; biết cách phân tích, tổng hợp, so sánh; biết cách ôn tập, lượng giá kiến thức một cách tự giác; cách tranh luận và biết trình bày quan điểm của mình,...

Qua kinh nghiệm nhiều năm giảng dạy, chúng tôi đưa ra một phương pháp học gồm 6 bước để chúng ta cùng tham khảo, góp ý cho hoàn chỉnh thêm:

Bước 1: Sinh viên tự nghiên cứu đọc tài liệu trước ở nhà

Việc đọc tài liệu trước để sinh viên chủ động khi nghe giảng và tiếp thu bài giảng một cách không bị động. Nhưng đọc cái gì, đọc như thế nào để có hiệu quả thì giảng viên phải có hướng dẫn cụ thể cho sinh viên về các yêu cầu, khuyến khích sinh viên đọc và hướng dẫn nội dung cần đọc cũng như hướng dẫn phương pháp đọc.

Trước hết, giảng viên cần hướng dẫn cụ thể cho sinh viên cần phải đọc tài liệu nào? Phần nào? Theo những gợi ý nào?

Điều dễ nhận thấy, phương pháp nghiên cứu và học tập của sinh viên bị ảnh hưởng của những câu hỏi trong bài kiểm tra họ sắp phải làm. Do đó, nhiều sinh viên sẽ đọc và suy nghĩ cẩn thận nếu bài kiểm tra yêu cầu đọc và suy nghĩ sâu. Vì thế, giảng viên cần tuyên bố dứt khoát cho người học biết vì sao mình lại yêu cầu sinh viên đọc tài liệu, giáo trình đó và mình muốn họ học được gì từ đó.

Thứ hai, giảng viên cần hướng dẫn phương pháp đọc cho sinh viên.

Trước hết là hướng dẫn khái quát những thao tác cơ bản khi đọc một tài liệu như: khi đọc một tài liệu cần hiểu nội dung như thế nào? Suy nghĩ về

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

mục đích viết của tác giả, mối quan hệ giữa những điều đọc được với các điều đã học, cách sử dụng những kiến thức đã đọc như thế nào?.

Sau đó, giảng viên gợi ý cho sinh viên làm những việc sau đây:

+ Nhìn vào những đầu mục trước khi nghiên cứu chương sách cần đọc.

+ Ghi ra giấy những câu hỏi mà họ muốn có lời giải đáp.

+ Ghi ra bên lề những ghi chú trong khi đọc.

+ Gạch chân hoặc tô màu những khái niệm quan trọng.

Thứ ba, giảng viên phải có biện pháp kiểm tra, khuyến khích việc đọc của sinh viên.

Sinh viên sẽ tích cực đọc tài liệu khi giảng viên có yêu cầu rõ ràng và kiểm tra, đánh giá kết quả đọc một cách chặt chẽ. Họ sẽ thực sự tích cực đọc khi nhận thấy việc đọc đó là cần thiết cho việc tham gia quá trình dạy học của giảng viên và bồi bổ kiến thức cho bản thân.

Thủ thuật đầu tiên để khuyến khích sinh viên đọc là giảng viên cần dùng thường xuyên câu này: “Như các anh chị đã đọc trong phần...” hoặc nêu câu hỏi: “Cảm nghĩ (Nhận xét) của anh chị khi đọc vấn đề...”.

Thủ thuật thứ hai là yêu cầu sinh viên trả lời hoặc viết một bài trong

vòng vài phút vào đầu tiết học với chủ đề: “Ý tưởng hay nhất (hay nhận thức sâu sắc nhất) mà bạn có được sau khi đọc phần...”.

Khi thiết kế các đề kiểm tra, thi hết học phần không được bỏ qua phần giao cho sinh viên tự học để họ thấy tầm quan trọng của phần kiến thức tự học.

Bước 2: Sinh viên tập trung nghe giảng trên lớp

Điều đó có nghĩa là sinh viên không được nói chuyện riêng, làm việc riêng trong giờ học, phải tập trung chú ý cao độ vào lời giảng của thầy cô thì sinh viên mới hiểu được mọi ngọn nguồn của vấn đề, đặc biệt là những vấn đề khó (chỗ mà sinh viên đọc ở nhà không thể hiểu được). Đồng thời khi tập trung chú ý, sinh viên sẽ tranh thủ được những kiến thức sâu rộng của thầy cô mà trong sách không có. Điều này tạo tin tưởng và hứng thú cho sinh viên cũng như được gợi mở những ý tưởng mới cho việc nghiên cứu khoa học của mình.

Bước 3: Sinh viên tham gia thảo luận

Việc tập trung nghe giảng không có nghĩa là sinh viên chỉ biết tiếp nhận kiến thức từ giáo viên, chấp nhận tất cả mọi vấn đề một cách dễ dàng. Khi có những thắc mắc cũng như khi yêu cầu được trả lời, yêu cầu phải giải quyết, sinh viên có cơ hội để trao đổi,

tranh luận với thầy cô, với bạn bè, qua đó hiểu sâu hơn, nhớ lâu hơn về bài học. Tích cực tham gia hỏi - đáp, thảo luận, sinh viên còn có điều kiện để khẳng định bản thân, rèn luyện kỹ năng phát hiện, phân tích, thuyết minh trước đám đông cũng như sự tự tin, mạnh dạn và vững vàng trong quan điểm chính kiến.

Bước 4: Sinh viên chủ động, tự mình ghi chép bài giảng của giảng viên, ý hay của bạn

Sau khi đã đọc trước, sinh viên đã hình dung được trình tự giảng của giảng viên, cũng như các nội dung giảng viên sẽ giảng, thì cùng với quá trình nghe giảng và nghe trao đổi, thảo luận, sinh viên phải chủ động ghi chép những nội dung cần thiết, những nội dung ngoài sách đã đọc do thầy cô mở rộng, phát triển thêm và những ý hay mà bạn bè phát biểu. Việc sinh viên tự mình ghi chép bài giảng mà không phải chép bài giảng của thầy cô giúp sinh viên chủ động bắt óc suy nghĩ, không tiếp nhận một cách thụ động.

Tự mình ghi chép bài giảng của thầy cô sẽ luyện cho sinh viên cách ghi chép không chỉ ở buổi lên lớp mà sẽ ghi chép được trong các buổi nói chuyện chuyên đề một cách đầy đủ và ý thức tự lập trong việc nghiên cứu các đề tài.

Bước 5: Sinh viên tự hệ thống bài

Sau khi đọc trước, nắm bài một cách khái quát, nghe giảng để làm rõ và sâu sắc hơn những vấn đề mình đã đọc, tự ghi chép các ý mở rộng sâu sắc hơn của thầy, những ý cơ bản, then chốt của bài, kể cả những ý của sinh viên sáng tạo. Khi về nhà sinh viên tự mình soạn lại theo đúng trình tự của bài đã học, nhưng với nhận thức của mình và cô đọng nhất. Sinh viên sẽ dựa vào bài soạn lại này để ôn tập.

Bước 6: Sinh viên ôn tập thường xuyên

Hiện nay, sinh viên có thói quen là khi nào sắp sửa thi mới dở bài ra học một cách bị động, nhớ nhớ, quên quên... Cách học đó là do sinh viên không có thói quen ôn tập thường xuyên, đã nhầm lẫn giữa ôn và học. Một vài ngày nhà trường dành cho ôn trước khi thi thì các em lại biến thành học trước khi thi, như vậy hiệu quả chắc chắn là thấp và không thể nhớ được bài vì khối lượng học quá nhiều. Do vậy, các em tính đến chuyện “học tủ”, “làm phao”, “quay cóp”. Vì thế, giảng viên cần hướng dẫn cho sinh viên cách ôn tập thường xuyên và nên kiểm tra bài cũ thường xuyên. Các cụ ta có câu: “Mưa dầm thấm lâu”. Đã có từng bài do chính mình hệ thống lại, các em phải gỡ ra

xem lại thường xuyên, làm như vậy các em sẽ hiểu và nhớ lúc nào không hay. Giúp cho ôn thi dễ dàng hơn và mang lại hiệu quả cao.

Nếu tạo cho sinh viên có thói quen, tính kiên nhẫn để sinh viên thực hiện đủ 6 bước cần thiết tối thiểu kể trên sẽ giúp cho việc học tập của sinh viên đi vào nề nếp và tránh được những tiêu cực trong thi cử. Thực hiện 6 bước trên, sinh viên rất cần sự động viên hướng dẫn cụ thể, nhắc nhở thường xuyên của các thầy cô giáo. Khi đã có sinh viên làm tốt được phương pháp này thì cần nhân rộng, tạo ra phong trào học tập theo hướng tích cực đó, chúng ta nhất định sẽ nâng cao được chất lượng học tập môn *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* của sinh viên lên một bước cao hơn.

Hướng dẫn phương pháp học tập môn *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* ở các trường đại học, cao đẳng nói chung, trường Đại học Kinh tế Nghệ An nói riêng là vô cùng cần thiết bởi đây là khâu quan trọng quyết định đến chất lượng học tập của sinh viên nói riêng và chất lượng giáo dục - đào tạo nói chung nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn lực con người trong thời

kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Để thực hiện tốt nhiệm vụ đó, cần có sự thống nhất trong bộ môn và khoa về việc hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học tập tích cực đối với môn *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*; đồng thời cần phải có những yêu cầu đối với sinh viên về phẩm chất và năng lực thích ứng với phương pháp dạy học mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Khánh Bằng (2001), *Phương pháp dạy học và dạy cách học ở đại học*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm, Hà Nội.
2. TS. Nguyễn Duy Bắc (2004), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dạy và học môn học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường đại học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 04/11/2013)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Cảnh Toàn (1998), *Quá trình dạy tự học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

MỐI QUAN HỆ GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN VÀ DOANH NGHIỆP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

ThS. Nguyễn Lan Anh
Khoa Quản trị kinh doanh

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam đang từng bước gia nhập sân chơi quốc tế bằng việc thực hiện tham gia vào các tổ chức định chế kinh tế thế giới song phương và đa phương. Đặc biệt, khi Việt Nam chính thức là thành viên của WTO, AEC và mới đây nhất là thành viên của TPP đã đưa toàn bộ nền kinh tế của Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội cũng như thách thức. Lĩnh vực giáo dục cũng không nằm ngoài quy luật đó, cũng bắt đầu tiến hành mở cửa từng bước và dần dần phải mở cửa hoàn toàn để tạo điều kiện cho các quốc gia thành viên được hoạt động bình đẳng trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, với chức năng chính là đào tạo lực lượng lao động được trang bị đầy đủ kỹ năng và kiến thức nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế thì hơn lúc nào hết đang đặt Nhà trường trước thách thức lớn - phải hiểu rõ thị trường lao động, các tổ chức, doanh nghiệp đang cần người lao động với những kỹ năng,

trình độ và kiến thức gì để từ đó mới gắn vào chương trình đào tạo nhằm mục tiêu sau thời gian học tập các sinh viên ra trường sẽ đáp ứng được các yêu cầu này. Do đó, đổi mới chương trình đào tạo, phương thức đào tạo để nâng cao chất lượng, tạo ra “sản phẩm” tốt đáp ứng nhu cầu của xã hội là một trong những yếu tố quan trọng nhất giúp các nhà trường đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh này. Muốn giải quyết được vấn đề này, các nhà trường cần phải nghiêm túc có các chính sách nhằm nâng cao mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp - tổ chức tiếp nhận “sản phẩm” đầu ra của nhà trường.

II. LỢI ÍCH CỦA QUAN HỆ HỢP TÁC GIỮA NHÀ TRƯỜNG - DOANH NGHIỆP

Mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp được hiểu như là những giao dịch giữa các trường đại học và các tổ chức sản xuất kinh doanh vì lợi ích của cả hai bên. Mối quan hệ hợp tác giữa nhà

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

trường và doanh nghiệp là điều có ý nghĩa rất quan trọng. Sự hiệp lực giữa trường đại học với nhà nước và các doanh nghiệp được coi là động lực cốt yếu của những xã hội và những nền kinh tế dựa trên tri thức.

Trường đại học là nơi đào tạo ra những lao động có trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động. Do đó, ngoài việc nâng cao trình độ chuyên môn nhà trường cần phải thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp để hiểu được các tổ chức đó có yêu cầu cụ thể gì về chất lượng lao động từ đó nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời, doanh nghiệp là nơi sử dụng nguồn lao động - “sản phẩm” đầu ra của nhà trường, doanh nghiệp muốn có được lực lượng nhân lực phù hợp với tổ chức thì cách thức hiệu quả nhất đó là đặt hàng trực tiếp với các “cơ sở sản xuất” - các trường đại học, cao đẳng.

Đẩy mạnh việc hợp tác này và khai thác giá trị của nó có thể giúp nhà trường tháo gỡ những khó khăn về tài chính, và giúp các doanh nghiệp đạt được hoặc duy trì ưu thế cạnh tranh trong thị trường năng động ngày nay, đồng thời đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế của quốc gia và đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động (Carayon (2003), Gibb & Hannon (2006), Storm (2008), Razvan & Dainora (2009).

Có thể định nghĩa quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp là tất

cả mọi hình thức tương tác trực tiếp hay gián tiếp, có tính chất cá nhân hay tổ chức giữa trường đại học và các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ lẫn nhau vì lợi ích của cả hai: hợp tác trong nghiên cứu và phát triển, kích thích sự vận động năng động qua lại của giảng viên, sinh viên và các nhà chuyên môn đang làm việc tại các doanh nghiệp; thương mại hóa các kết quả nghiên cứu; xây dựng chương trình đào tạo; tổ chức học tập suốt đời; hỗ trợ các nỗ lực sáng nghiệp và quản trị tổ chức. Những năm gần đây, nhiều trường ĐH rất có ý thức về những cách thức phong phú họ có thể đóng góp trực tiếp cho xã hội, như là tổ chức học tập suốt đời, hỗ trợ các nỗ lực sáng nghiệp, giao lưu với các doanh nghiệp. Nhờ đó, những giá trị và lợi ích đạt được qua hợp tác với các doanh nghiệp đã trở thành ngày càng quan trọng đối với các trường và ngày càng được công nhận rộng rãi. Những lợi ích cơ bản có được trong mối quan hệ hợp tác này bao gồm:

- Đối với nhà trường:

+ Nâng cao thương hiệu, uy tín của nhà trường thông qua tỷ lệ lượng sinh viên ra trường có việc làm nhờ được hưởng thụ chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp;

+ Có thể tận dụng được cơ sở vật chất và nguồn nhân lực của các doanh

nghiệp trong quá trình đào tạo sinh viên thông qua các chương trình tham quan thực tế, kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp cho sinh viên;

+ Có cơ hội cao trong việc tiếp cận với các chương trình hợp tác, các nghiên cứu khoa học từ thực tiễn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đối với sinh viên:

+ Có cơ hội tốt để hoàn thiện kỹ năng sống, kỹ năng làm việc thực tế từ đó giúp sinh viên vận dụng hiệu quả những kiến thức được học ở nhà trường vào công việc trong tương lai.

+ Có cơ hội cao để nhận được các tài trợ, các học bổng từ các nhà quản trị doanh nghiệp.

+ Có cơ hội cao hơn trong vấn đề việc làm ngay sau khi ra trường.

- Đối với doanh nghiệp:

+ Có cơ hội tuyển dụng được nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu công việc của tổ chức với nguồn cung lao động bền vững, giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực trong tổ chức;

+ Có thể khai thác được nguồn chất xám của các giảng viên trong nhà trường thông qua các chương trình hợp tác, các hợp đồng thỏa thuận được ký kết giữa nhà trường và doanh nghiệp;

+ Có được hình ảnh tốt hơn trong xã hội và các cơ quan quản lý vĩ mô khi hợp tác chặt chẽ với các trường, từ

đó có được các ưu đãi hơn khi tham gia trong thị trường.

III. THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN VỚI CÁC DOANH NGHIỆP

Trường đại học Kinh tế Nghệ An mặc dù mới được nâng hạng từ trường Cao đẳng lên Đại học vào năm 2014 nhưng cũng đã nhận thức được những lợi ích cũng như quy luật tất yếu trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội nên đã có những bước đi đúng đắn trong thời gian qua. Ban giám hiệu nhà trường cũng đã có những chỉ đạo trong hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên như một số các hoạt động thường niên:

- Tổ chức cho các sinh viên năm cuối đi trải nghiệm thực tế ở tập đoàn Hồng Hải. Đây là hoạt động thường niên của nhà trường nhằm tạo điều kiện cho những sinh viên năm cuối rèn luyện kỹ năng như kỹ năng xử lý các mối quan hệ, kỹ năng quản lý nhân lực, ...

- Chương trình thực hành nông nghiệp, là chương trình liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp OLECO của quốc gia Israel. Đây cũng là một trong những hoạt động vô cùng ý nghĩa đối với các sinh viên chuyên ngành kỹ thuật. Là cơ hội lớn để các em vừa rèn luyện tay nghề, học ngoại ngữ, hiểu biết thêm nền văn hóa, kinh

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

tế của một quốc gia có thể mạnh về nông nghiệp.

- Hàng năm, nhà trường cũng hỗ trợ về mặt thời gian, kinh phí để một số phòng, khoa tổ chức các chương trình gặp gỡ, giao lưu giữa sinh viên với các doanh nghiệp trong tỉnh. Các chương trình này đã thu hút được sự quan tâm của các sinh viên cũng như các doanh nghiệp, tạo ra sự đổi mới hơn trong cách tiếp cận cũng như cách đào tạo của giảng viên trong các bài giảng trên lớp cho các sinh viên.

Tuy nhiên, do yếu tố lịch sử nhà trường vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, như:

- Cơ sở vật chất, nguồn tài chính còn hạn hẹp do đó các hoạt động giao lưu, quỹ dành cho hợp tác giữa nhà trường - cựu sinh viên - doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn.

- Mối liên kết giữa nhà trường và cựu sinh viên đang rất lỏng lẻo, chưa được nhà trường đưa vào trong kế hoạch, chiến lược hành động để xem như đây là một trong những sợi dây liên kết bền vững và hiệu quả nhất với doanh nghiệp;

- Chưa có lộ trình rõ ràng để tiến hành thu thập, đánh giá và sử dụng các thông tin liên quan đến các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của khối sinh viên mà nhà trường đào tạo từ các doanh nghiệp;

- Mối quan hệ hợp tác hai bên cùng có lợi giữa nhà trường và các doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến việc thu thập các thông tin để phục vụ công tác đào tạo, các hoạt động tham quan thực tế doanh nghiệp, thực tập, kiến tập tại doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn.

- Hiện nay nhà trường đã thành lập bộ phận quan hệ doanh nghiệp, tuy nhiên các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp mới mang tính sơ khai, khai thác từ các mối quan hệ cá nhân của các thành viên trong bộ phận là chủ yếu. Thậm chí, bộ phận này chưa có được sự kết nối chặt chẽ với các giảng viên, các cán bộ quản lý của nhà trường. Vì vậy, hiệu quả hoạt động chưa tương xứng với quy mô của nhà trường.

IV.MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM NÂNG CAO MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG VỚI CÁC DOANH NGHIỆP

Tầm quan trọng của mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học với doanh nghiệp đã được khẳng định trong rất nhiều công trình nghiên cứu, các số liệu điều tra và trong hoạt động thực tiễn. Trong thế trận cạnh tranh ngày nay cũng như vai trò quyết định của chất lượng nguồn nhân lực trong việc nâng cao lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động cho doanh nghiệp. Cả nhà trường cũng như doanh nghiệp đã

dần thừa nhận tầm quan trọng của nhau trong chiến lược phát triển bền vững của tổ chức mình.

Do đó, trường đại học Kinh tế Nghệ An không muốn bỏ qua yếu tố có khả năng giúp nhà trường phát triển bền vững cần thiết lập và quản trị thật tốt mối quan hệ giữa trường với các doanh nghiệp. Một số biện pháp mà nhà trường có thể thực hiện gồm:

- Nhà trường cần xây dựng chiến lược hợp tác với doanh nghiệp trong suốt quá trình phát triển. Thậm chí nhà trường cần thể hiện rõ trong tầm nhìn, sứ mạng của mình để từ đó làm cho các doanh nghiệp tin tưởng và yên tâm hơn để hợp tác với nhà trường.

- Hoàn thiện quy trình quản lý hoạt động duy trì và phát triển mối quan hệ với doanh nghiệp. Nhà trường cần xây dựng những nhiệm vụ cụ thể cho Phòng quan hệ và hợp tác doanh nghiệp như: Định kỳ khảo sát nhu cầu về chất lượng sinh viên, nhu cầu hợp tác của doanh nghiệp với nhà trường; Tư vấn, hỗ trợ định hướng nghề cho các sinh viên đang theo học ở nhà trường...

- Nhà trường cần xây dựng chính sách đãi ngộ, các nội dung hợp tác với doanh nghiệp cho các giảng viên trong quá trình giảng viên thu hút được các chương trình, dự án liên kết với doanh nghiệp;

- Quy định rõ chế độ thù lao, cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đã

tham gia hợp tác trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

- Có kế hoạch mời các doanh nghiệp tham gia vào một số hoạt động như: các hoạt động thực hành, kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp; xây dựng quy trình đánh giá sinh viên có sự tham gia của doanh nghiệp; xây dựng các quy định cho các cán bộ giảng viên trong quá trình tham gia giảng dạy, làm công tác nghiên cứu khoa học cần phải có các hoạt động thể hiện sự gắn kết, quan hệ với doanh nghiệp;

- Phát huy vai trò của cựu sinh viên của nhà trường, bởi vì đây chính là nhân tố quan trọng nhất giúp nhà trường có thông tin chính xác về chất lượng các chương trình giảng dạy, các đề xuất khả thi để có chất lượng đầu ra phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động. Đồng thời đây là lực lượng mà nhà trường có thể chủ động hơn trong vấn đề liên lạc cũng như trong khả năng khai thác thông tin./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gibb & Hannon (2006), "*Why is the entrepreneurial Unieversity important?*", Swansea University.

2. Phạm Thị Ly (2013), "*Hướng tới hệ thống giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu xã hội một số nhận định và khuyến nghị*", Báo cáo nghiên cứu của Bộ giáo dục đào tạo.

3. PGS.TS Trần Đăng Hòa (2015), "*Khảo sát thị trường lao động, sinh viên và cựu sinh viên POHE*".to

NHẬN DIỆN MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2015 - 2016

*ThS. Lê Thị Mỹ Tâm
Khoa Quản trị Kinh Doanh*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhận thức về mô hình tăng trưởng kinh tế đang được Đảng bộ tỉnh Nghệ An quan tâm, quán triệt và từng bước đưa vào thực hiện trong thực tiễn phù hợp với điều kiện kinh tế tỉnh. Cụ thể theo Báo cáo Chính trị tại Đại hội XII của Đảng đã xác định định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng trong thời gian tới: “Kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh”. Tuy nhiên giai đoạn hiện nay tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh có tăng nhưng chưa bền vững, chưa phát huy lợi thế sẵn có như lao động giá rẻ, tài nguyên thiên nhiên khoáng sản nhiều, vị trí địa lý có biển có du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú, hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu... Điều đó đòi hỏi các cá nhân, doanh nghiệp và các cơ quan đoàn thể phải nỗ lực hơn nữa nâng cao nhận thức nhận diện được mô hình tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong thời gian qua để từ đó tìm ra nguyên nhân, xác định

điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức để đưa ra các giải pháp thiết thực góp phần thúc đẩy kinh tế tỉnh nhà.

Chính vì lý do đó, bài viết này tác giả đã dựa trên cơ sở lý thuyết về mô hình tăng trưởng kinh tế, phân tích, đánh giá thực trạng tăng trưởng kinh tế tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010-2015, đưa ra nhận định mô hình tăng trưởng giai đoạn hiện nay.

II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

1. Nhận thức về mô hình tăng trưởng kinh tế

1.1. Mô hình tăng trưởng kinh tế

Việc xác định nội hàm và chỉ tiêu đo lường khái niệm tăng trưởng kinh tế thường được nghiên cứu gắn với phương thức đạt được tốc độ tăng trưởng cao, ổn định, từ đó hình thành những mô hình tăng trưởng kinh tế. Cho đến nay có rất nhiều định nghĩa khác nhau về mô hình tăng trưởng kinh tế, cụ thể:

Theo Từ điển bách khoa về kinh tế học và luật học (tiếng Nga), mô hình tăng trưởng kinh tế là mô hình kinh tế lượng phản ánh sự thay đổi theo thời

gian của các chỉ số kinh tế thể hiện sự phát triển, sự lớn lên của tổng thể nền kinh tế cũng như các ngành, các đơn vị kinh tế riêng biệt của nền kinh tế dưới các dạng mối quan hệ toán học.

Theo PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn, mô hình tăng trưởng kinh tế là một cách diễn đạt quan điểm cơ bản nhất về sự phát triển kinh tế thông qua các biến số kinh tế và mối liên hệ giữa chúng. Mục đích của các mô hình này là mô tả phương thức vận động của nền kinh tế thông qua mối liên hệ nhân quả giữa các biến số quan trọng trong quá trình phát triển sau khi đã tước bỏ đi sự phức tạp không cần thiết bằng những diễn đạt có thể bằng lời văn, sơ đồ hoặc toán học.

Như vậy, có thể hiểu mô hình tăng trưởng kinh tế là sự phản ánh khái quát những đặc tính chủ yếu của phương thức tăng trưởng kinh tế thể hiện các yếu tố tăng trưởng và mối quan hệ tương hỗ giữa chúng với nhau trong điều kiện lịch sử cụ thể nhất định.

1.2. Nền tảng tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế thường được đo bằng chỉ số tốc độ tăng trưởng GDP do Tổng cục Thống kê tính toán và công bố định kỳ. Đây không phải là thước đo hoàn hảo của tăng trưởng kinh tế, song có tính phổ dụng và tương đối toàn diện so với các chỉ tiêu khác. Tăng trưởng kinh tế nhanh có thể đạt được thông qua:

(i) Gia tăng đầu vào

(ii) Tăng hiệu quả sử dụng các nguồn lực thông qua việc nâng cao hiệu quả kỹ thuật

(iii) Nâng cao hiệu quả phân bổ

(iv) Phát triển khoa học công nghệ

Do đó, trong phát triển thường có khuynh hướng tăng trưởng theo chiều rộng, hay tăng trưởng theo chiều sâu, hay tăng trưởng bền vững (bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường), cụ thể:

Tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng: trong điều kiện hiệu quả sử dụng nguồn lực không đổi, tăng trưởng vẫn có thể được đẩy nhanh nhờ gia tăng các đầu vào của nền kinh tế như lao động, vốn và tài nguyên thiên nhiên. Theo cách hiểu này, nền kinh tế được xem là “tăng trưởng theo chiều rộng”.

Tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu: Trong điều kiện các đầu vào của hoạt động kinh tế (lao động vốn tài nguyên thiên nhiên) là ít thay đổi (hay không đổi), nền kinh tế vẫn đạt được tăng trưởng nhờ gia tăng hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tức là “tăng trưởng theo chiều sâu”. Do sự đa dạng của hoạt động kinh tế nên việc đo lường hiệu quả sử dụng nguồn lực là không dễ dàng. Hiệu quả của việc sử dụng tổng hợp các yếu tố được đo bằng các chỉ số như tốc độ tăng năng suất nhân tố tổng hợp (còn gọi là TFP), năng suất lao động và hệ số ICOR.

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Tăng trưởng bền vững: Trong điều kiện nguồn lực đầu vào không phải là “vô hạn”, tăng trưởng không chỉ hiểu đơn thuần là tăng thu nhập bình quân đầu người mà phải gắn với phát triển bền vững, chú trọng tới cả ba nhân tố (kinh tế, xã hội và môi trường) để duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong dài hạn, tăng thu nhập cần phải gắn với tăng chất lượng cuộc sống hay tăng phúc lợi và xóa đói giảm nghèo.

II. NHẬN DIỆN MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2015-2016

2.1. Thực trạng tăng trưởng kinh tế tỉnh Nghệ An giai đoạn năm 2011-2015

Trong những năm qua kinh tế tỉnh Nghệ An đã đạt được một số

thành tựu: GDP bình quân giai đoạn 2011-2014 đạt 7,84%. GRDP bình quân năm 2014 đạt 56.741 tỷ đồng tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,5%, trong đó khu vực nông nghiệp đã đóng góp 1,29 điểm %, khu vực công nghiệp xây dựng đóng góp 2,8 điểm %, khu vực dịch vụ đóng góp 2,99 điểm %, thuế đóng góp 0,41 điểm %.

Khu vực nông nghiệp năm 2014 đạt 14.411 tỷ đồng tăng 4,39% so với năm 2013, trong đó ngành lương thực tăng 3,71%; rau tăng 3,11% cộng với ngành chăn nuôi gia súc gia cầm vẫn phát triển khá dẫn đến lượng xuất chông tăng, sữa bò tăng làm gia tăng thêm giá trị cho khu vực nông nghiệp.

Bảng 1: Điểm đóng góp vào tăng trưởng của các ngành giai đoạn 2011-2014

Năm	GRDP (tỷ đồng)	Tốc độ tăng GRDP (%)	Nông nghiệp (%)	Công nghiệp xây dựng (%)	Dịch vụ (%)	Thuế (%)
2010	42.196	-	-	-	-	-
2011	46.779	10,86	1,49	6,78	2,88	-0,28
2012	49.634	6,1	0,86	1,45	3,8	- 0,03
2013	53.069	6,92	1,11	2,06	3,26	0,49
2014	56.741	7,5	1,29	2,8	2,99	0,41

Nguồn: Cục thống kê Nghệ An

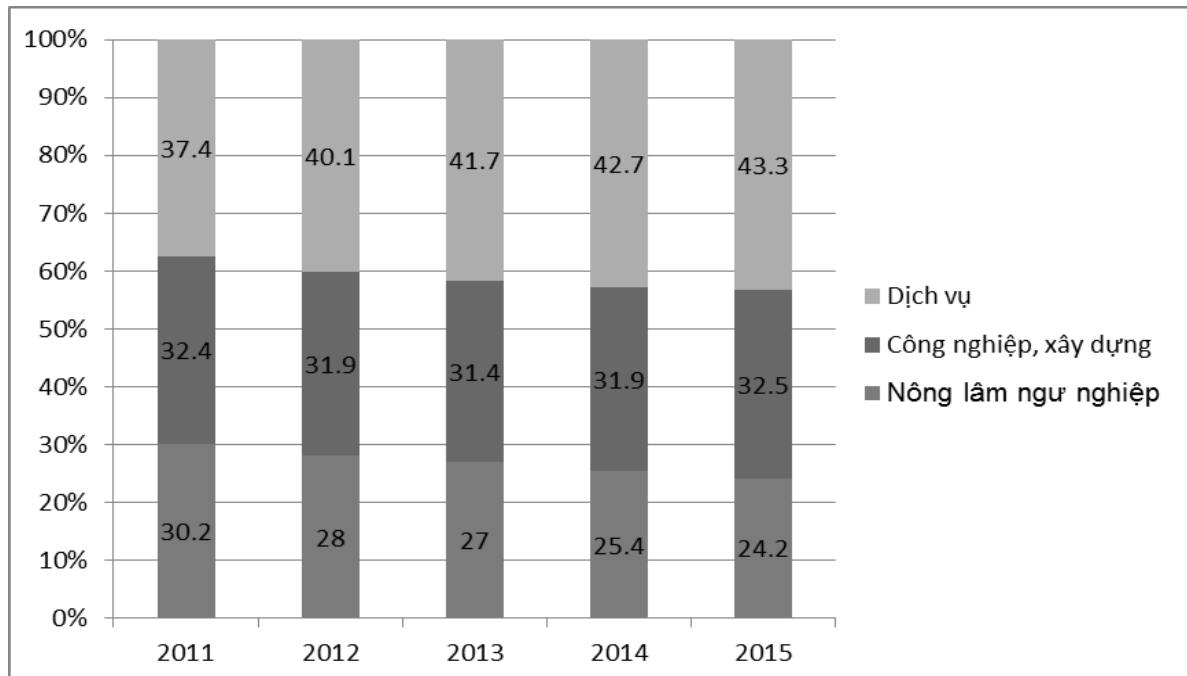
Khu vực công nghiệp dịch - xây dựng năm 2014 đạt 16.259 tỷ đồng tăng 8,66% so với năm 2013, đây là mức tăng cao so với các năm trước. Nguyên nhân do các ngành công nghiệp tỉnh Nghệ An đã bắt đầu phục hồi, đã có các sản phẩm mới và các

sản phẩm đầu vào cho xây dựng đã tăng trở lại như đá xây dựng, gạch, xi măng, tấm lợp kim loại..., ngoài ra các ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm từ rau và động vật đã bắt đầu phát triển làm cho giá trị tăng thêm của khu vực này đạt loại khá.

Khu vực dịch vụ vẫn tiếp tục phát triển khá do mức bán lẻ, doanh thu vận tải, chi thường xuyên tăng khá so với cùng kỳ năm trước nên năm 2014 ước đạt 23.189 tỷ đồng tăng 7,45% so với năm 2013. Trong đó giá trị tăng thêm ngành bán buôn, bán lẻ tăng 8,14%; dịch vụ lưu trú ăn uống tăng 9,84%; tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tăng 6,79%; y tế tăng 20,2%...

Cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Nghệ An có bước chuyển dịch theo hướng tích cực: tăng tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp xây dựng, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Năm 2010, cơ cấu nông nghiệp đạt 29,35%; công nghiệp - xây dựng 31,7%; dịch vụ 38,94% , năm 2015 con số tương ứng là nông nghiệp đạt 24,2%; công nghiệp - xây dựng 32,5%; dịch vụ 43,3%.

Sơ đồ 1: Cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2015



Nguồn: Cục Thống kê Nghệ An

Theo số liệu cơ cấu ngành kinh tế qua các năm nhận thấy tỷ trọng các khối ngành thay đổi không đáng kể. Ngành công nghiệp, xây dựng năm 2012 là 31,9; năm 2013 là 31,4; năm 2014 là 31,9; năm 2015 là 32,5. Khối ngành dịch vụ năm 2014 là 25,4; năm 2015 là 24,2.

Hệ số hiệu quả vốn đầu tư ICOR của tỉnh trong giai đoạn 2002-2014 cho thấy khả năng sử dụng vốn đầu tư thiếu hiệu quả trong từng giai đoạn. Nếu so sánh ICOR từng năm (so với cả nước) trong từng thời điểm có thể nhận thấy có thời kỳ sử dụng vốn hiệu quả nhưng cũng có thời kỳ sử

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

dụng vốn kém hiệu quả, cụ thể hệ số ICOR năm 2005 là 5,12 (5,51); năm 2012 là 8,01 (6,1) và năm 2014 là 6,14 (6,1).

Tỷ lệ tăng vốn trung bình các năm khoảng 9,91% và tăng lao động 3,2%, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh lên tới 72%.

Bảng 2. Hệ số ICOR của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2002-2014

Năm	ICOR	Tăng vốn (%)	Tăng lao động (%)	Tăng yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) (%)
2002	4,28			
2003	4,02	9,404	5,678	4,702
2004	4,77	9,335	4,233	4,783
2005	5,12	10,01	-0,678	4,820
2006	4,77	10,111	3,856	3,473
2007	4,79	10,110	3,974	4,267
2008	4,8	10,518	1,422	3,235
2009	7,48	10,402	0,349	-3,263
2010	5,16	10,456	3,290	4,844
2011	4,85	11,456	4,437	1,608
2012	8,01	10,089	3,998	-3,613
2013	6,89	9,411	4,946	0,098
2014	6,14	8,943	1,343	3,203
2002-2014		9,91	3,2	2,79

Nguồn: Cục thống kê Nghệ An

Giai đoạn 2001 - 2014, tỷ lệ tăng tổng năng suất các nhân tố không ổn định, tính trung bình đóng góp của tổng năng suất các yếu tố vào tăng trưởng kinh tế chỉ đạt xấp xỉ 2,79%. Mặc dù tỷ lệ đóng góp của TFP trung bình không quá thấp, song có hai vấn đề cần quan tâm là: thứ nhất, số điểm % đóng góp của TFP là không lớn dẫn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp hơn so với tiềm năng, thứ hai điểm phần trăm của TFP không ổn định, lên xuống thất

thường cũng tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

2.2. Mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015-2016

Dựa vào đánh giá thực trạng trên ta thấy rằng mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2010 - 2015 trung bình đạt 7,89% nhưng điểm đóng góp cho tốc độ tăng trưởng của khối ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ còn khá khiêm tốn, tỷ trọng các ngành kinh tế qua các năm không thay đổi nhiều,

hệ số ICRO qua các năm cao hơn so với cả nước chứng minh rằng khả năng sử dụng vốn thiếu hiệu quả, đóng góp của tổng năng suất các nhân tố vào tăng trưởng xấp xỉ 27,8% bên cạnh đó tỷ lệ tăng vốn trung bình các năm khoảng 9,91% và tăng lao động 3,2% đóng góp vào tăng trưởng trên 72%.

Như vậy mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Nghệ An hiện nay là mô hình tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng vốn và lao động là các nhân tố chính đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Cơ cấu các ngành chưa hợp lý, các nguồn lực kinh tế - xã hội còn lãng phí chưa tận dụng khai thác triệt để. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa tạo sức lan tỏa để thúc đẩy kinh tế trên phạm vi toàn tỉnh.

III. KẾT LUẬN

Mô hình tăng trưởng kinh tế là một nội dung quan trọng trong phát triển kinh tế, việc xác định đúng mô hình tăng trưởng sẽ định hướng và chỉ ra các giải pháp thiết thực nhằm xác định mục tiêu hợp lý cần đạt được trong giai đoạn tiếp theo, đưa mô hình tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng sang mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu có sử dụng yếu

tố theo chiều rộng kết hợp; chuyển từ mô hình tăng trưởng kinh tế không chỉ dựa trên việc khai thác những lợi thế sẵn có (lao động, tài nguyên) để thực hiện tăng trưởng nhanh trong ngắn hạn, sang mô hình tăng trưởng trên cơ sở liên tục nâng cấp các lợi thế và tạo dựng những lợi thế mới dựa trên các tiêu chí năng suất hiệu quả cao và khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế ngày càng lớn trên địa bàn tỉnh Nghệ An./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục thống kê tỉnh Nghệ An (2015), *Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2015*, Nhà xuất bản thống kê.
2. Ngô Thắng Lợi (2013), *Kinh tế phát triển*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
3. Nguyễn Ngọc Sơn (2016), *Định hướng và giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế tỉnh Nghệ An đến năm 2020, tầm nhìn 2030*, Nghệ An.
4. Nguyễn Văn Hậu (2012), *Mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia- sự thật, Hà Nội.
5. UBND tỉnh (2013), *Quyết định số 327/QĐ-UBND (2013) về việc ban hành chương trình hành động thực hiện đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn liền với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020*, Nghệ An.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG SINH VIÊN Ở KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TS. Nguyễn Thị Tùng - Th.S Nguyễn Thị Lam
Khoa Lý luận Chính trị

Hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) là hai nhiệm vụ hết sức quan trọng của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An. Hai nhiệm vụ này có mối quan hệ biện chứng với nhau. Thực hiện chủ trương chung của Đảng uỷ, Ban giám hiệu, hoạt động NCKH của sinh viên được Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế, các khoa cũng như các tổ chức trong trường đặc biệt quan tâm, qua đó khơi dậy nguồn sáng tạo, đam mê NCKH của sinh viên, hướng các sinh viên đến những đề tài mang tính thực tiễn cao để khoa học thực sự đi vào cuộc sống mang lại sự đam mê và hiệu quả kinh tế, tránh lãng phí.

Tổ chức tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học không chỉ có ý nghĩa nâng cao tiềm lực, uy tín khoa học của nhà trường mà còn trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Vì vậy những

năm gần đây được Đảng uỷ, Ban giám hiệu nhà trường đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động NCKH nói chung và NCKH của sinh viên nói riêng và cũng coi đây là nhiệm vụ cơ bản trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên.

Nhận thức được tầm quan trọng giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhằm: “Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập của sinh viên, hình thành năng lực tự học cho sinh viên; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội”⁽¹⁾, trong nhiều năm qua Khoa Lý luận chính trị đã chủ động, đôn đốc

⁽¹⁾ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về Về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

các giảng viên tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho sinh viên, giúp sinh viên làm quen với môi trường nghiên cứu khoa học, chuẩn bị hành trang để sinh viên bước vào cuộc sống một cách tự tin nhất.

Hoạt động NCKH của sinh viên được triển khai dưới nhiều hình thức, như: viết tiểu luận môn học, viết bài đăng trên thông tin khoa học, tạp chí, thảo luận trên diễn đàn học thuật... trong những hoạt động đó khoa Lý luận Chính trị mới tập trung hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, tìm hiểu về thân thế cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh mục đích là giúp sinh viên tiếp cận và làm quen với NCKH, rèn luyện tư duy sáng tạo, phong cách làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

Đa số giảng viên đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học. Sinh viên ngày càng có nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò và ý nghĩa của nghiên cứu khoa học trong những năm tháng còn ngồi trên ghế nhà trường.

Năm học 2015 - 2016, khoa Lý luận Chính trị phối hợp với Đoàn thanh niên tổ chức cuộc thi "*Tìm hiểu thân thế sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh*" chào mừng

kỷ niệm 126 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2016), đã giúp sinh viên nâng cao hiểu biết về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tuyên truyền, giáo dục đạo đức cách mạng cho Đoàn viên, thanh niên. Bồi dưỡng cho thế hệ trẻ lòng yêu nước, có ý chí hoài bão, lòng tự hào, kính yêu vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Cuộc thi đã thu hút được 286 sinh viên tham gia, trong số đó ban giám khảo đã lựa chọn được 46 bài đạt kết quả cao vào vòng 2 và kết quả chung cuộc có 10 bài đạt giải gồm: 1 giải nhất, 2 giải nhì, 3 giải ba và 4 giải khuyến khích. Sau cuộc thi đã để lại cho các em học sinh, sinh viên và khán giả một lần nữa khắc sâu tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và "vận dụng có hiệu quả những tư tưởng của Người vào việc học tập và rèn luyện, phấn đấu vươn lên của mỗi học sinh, sinh viên, góp phần xây dựng Đại học Kinh tế Nghệ An thành trường trọng điểm quốc gia", đó cũng chính là cảm nhận của sinh viên Lê Văn Lanh - chi đoàn Chăn nuôi thú Y K2.2 và nhiều bạn khác.

Cũng trong năm học này, Khoa lý luận Chính trị triển khai chọn sinh viên viết tiểu luận các môn đó là: Những nguyên lý cơ bản của Chủ

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

nghĩa Mác-Lênin; Lịch sử các học thuyết kinh tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhìn chung công tác nghiên cứu khoa học trong sinh viên của khoa Lý luận Chính trị đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Đánh dấu bước phát triển trong phong trào NCKH của sinh viên. Năm học qua có 156 sinh viên tham gia làm tiểu luận thuộc Bộ môn Nguyên lý - Lịch sử học thuyết kinh tế. Trong đó, có 62/156 tiểu luận được xếp loại xuất sắc - chiếm 39,75%; Loại giỏi 61/156 - chiếm 39,10%; Loại khá 29/156 - chiếm 18,59%; Loại trung bình 4/156 - 2,56%. Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam có 82 sinh viên tham gia làm tiểu luận. Trong đó có 62/156 tiểu luận được xếp loại xuất sắc - chiếm 43,90%; Loại giỏi 41/82 - chiếm 50%; Loại khá 4/82 - chiếm 4,88%; Loại trung bình 1/82 - 1,22%. Hội đồng khoa học của khoa đã và sẽ tổ chức khen thưởng sinh viên có thành tích tiêu biểu trong hoạt động nghiên cứu khoa học

Nhìn chung các tiểu luận phân tích, lập luận chặt chẽ, lôgic, số liệu điều tra khảo sát trung thực, hệ thống các giải pháp đưa ra cơ bản có tính khả thi cao.

Bên cạnh kết quả đã đạt được còn có một số hạn chế nhất định. Đó là:

1. Khả năng vận dụng lý luận và thực tiễn của sinh viên nhìn chung còn nhiều hạn chế.

2. Sinh viên lựa chọn các đề tài do Khoa đề xuất, chưa chủ động đề xuất chủ đề của đề tài nghiên cứu.

3. Khả năng lập đề cương đề tài của sinh viên, bước đầu mới làm quen nên hiệu quả chưa cao, phải chỉnh sửa nhiều lần.

4. Một số sinh viên và giảng viên hướng dẫn chưa phối hợp chặt chẽ; sinh viên không thường xuyên tham khảo tiếp thu ý kiến của giảng viên hướng dẫn. Ngược lại một số giảng viên khi được phân công hướng dẫn sinh viên viết tiểu luận còn chưa thực sự quan tâm hướng dẫn tận tình, sâu sát... Chính vì vậy, quá trình nộp tiểu luận của một số sinh viên còn chậm, vội vàng, đến ngày chẵn rồi mới mang tiểu luận tới cho giảng viên hướng dẫn.

Từ thực trạng hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa Lý luận Chính trị trong những năm vừa qua. Tôi xin đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hoạt động NCKH của khoa Lý luận Chính trị nói riêng và của các khoa

khác tại trường Đại học kinh tế Nghệ An nói chung như sau:

Một là: phải nhận thức sâu sắc hơn nữa về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên và có kế hoạch cụ thể giúp sinh viên NCKH ngay từ đầu khoá học, cần sớm phát hiện tài năng trong sinh viên, nhằm bồi dưỡng và tạo nguồn để họ trở thành sinh viên tiêu biểu.

Hai là: phát huy vai trò tích cực, chủ động của sinh viên trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Sinh viên cần xác định đúng động cơ và phải có thái độ nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Quán triệt sâu sắc các quy định hướng dẫn của khoa, chủ động lựa chọn vấn đề nghiên cứu phù hợp với trình độ, khả năng nghiên cứu của bản thân. Nêu cao tinh thần tự giác, độc lập trong nghiên cứu, tự rèn luyện cho bản thân có phong cách và phương pháp làm việc khoa học, chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu, bố trí thời gian một cách hợp lý để vừa hoàn thành tốt tiểu luận môn học, đề tài khoa học, vừa hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập của môn học khác.

Ba là: phân công giảng viên hướng dẫn phải là người có năng lực, tận tâm, tận tình trong nghiên cứu khoa học và

lựa chọn đề tài thích hợp, tạo điều kiện để giảng viên hướng dẫn chủ động thực hiện những định hướng của mình trong việc bồi dưỡng sinh viên.

Trong quá trình hướng dẫn sinh viên NCKH, người hướng dẫn cũng sẽ đồng thời tự mình phải làm việc, phải NCKH. Ngược lại, sinh viên NCKH sẽ hỗ trợ cho giảng viên, tạo nên một tập thể hoạt động khoa học có hiệu quả trong Nhà trường; tăng cường trách nhiệm của giảng viên hướng dẫn sinh viên NCKH, khi hướng dẫn sinh viên NCKH không chỉ đơn thuần hướng dẫn nội dung mà còn hướng dẫn sinh viên nâng cao thái độ, trách nhiệm, phương pháp và kỹ năng NCKH cho sinh viên. Quá trình hướng dẫn phải đảm bảo tính trung thực, khách quan và cần có phương pháp phù hợp mang tính định hướng, gợi mở, nhằm phát huy tính năng động sáng tạo của sinh viên.

Đối với giảng viên có nhiều thành tích trong hướng dẫn sinh viên với NCKH, Khoa và nhà trường cần có chế độ khen thưởng kịp thời, xây dựng các tiêu chí đánh giá thi đua về hoạt động hướng dẫn sinh viên NCKH trong giảng viên và giữa các khoa.

Bốn là: dựa vào Đoàn thanh niên, kết hợp hoạt động cả bề nổi lẫn chiều sâu; hàng năm Hội đồng khoa học và

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

đào tạo của các khoa kết hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội sinh viên tổ chức các hội nghị sinh viên NCKH của từng khoa và khoa chuyên ngành, sau đó lựa chọn những báo cáo, những bài tham luận có chất lượng tham gia Hội nghị sinh viên NCKH cấp trường nhằm tạo sức lan tỏa cho sinh viên, thu hút sinh viên NCKH.

Năm là: đề tài NCKH của sinh viên phải đảm bảo tính phù hợp, để đạt được điều đó cần xác định mục tiêu, đối tượng nghiên cứu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, theo sát với yêu cầu môn học. Kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học vận dụng vào từng lĩnh vực cụ thể.

Để nâng cao chất lượng hoạt động NCKH trong sinh viên, Ban giám hiệu nhà trường cần biểu dương rộng rãi, cấp chứng nhận kết quả NCKH, tặng điểm thưởng cho sinh viên có công trình NCKH đạt kết quả cao. Sự quan tâm này sẽ tạo động lực và sức lan tỏa trong sinh viên và cộng đồng

để sinh viên phấn đấu toàn diện. Như vậy chất lượng đào tạo và vị thế của trường sẽ được nâng cao.

Trong những năm qua, khoa Lý luận Chính trị nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu, phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế, hy vọng rằng trong những năm tiếp theo, khoa Lý luận Chính trị nhận được sự quan tâm hơn nữa của Đảng ủy; Ban giám hiệu và các tổ chức liên quan để hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Nghệ An sẽ có nhiều tiến bộ hơn, có nhiều đề tài có giá trị khoa học và thực tiễn, nhiều bài báo được đăng tại tạp chí Thông tin khoa học của trường và các Tạp chí khoa học chuyên ngành./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về Về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 19/ 2012/ TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

HƯỚNG DẪN SINH VIÊN LÀM TIỂU LUẬN, GIẢNG VIÊN ĐƯỢC GÌ?

ThS. Hoàng Nam Hưng

Khoa Lý luận Chính trị

1. Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên trong trường đại học

Nghiên cứu khoa học trong các trường Đại học và Cao đẳng là nhiệm vụ bắt buộc đối với giảng viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khả năng tiếp cận các nguồn thông tin khác nhau cũng như tri thức khoa học trong nước và thế giới. Đối với sinh viên, đây là hoạt động quan trọng giúp sinh viên vận dụng phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong học tập và trong thực tiễn, trong đó sinh viên bước đầu vận dụng một cách tổng hợp những tri thức đã học để tiến hành hoạt động nhận thức có tính chất nghiên cứu, bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp đặt ra để từ đó có thể mở rộng và hoàn thiện vốn kiến thức của mình.

Hoạt động nghiên cứu khoa học mang lại những ý nghĩa thiết thực đối với cả giảng viên và sinh viên. Bằng

nhiều hình thức tiếp cận khác nhau như viết tiểu luận kết thúc môn học, viết báo cáo thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp... Nghiên cứu khoa học sẽ rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy sáng tạo, khả năng phê phán, bác bỏ hay chứng minh một cách khoa học những vấn đề đặt ra, rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp kiến thức, tư duy logic, xây dựng tinh thần hợp tác, giúp đỡ nhau trong học tập. Trên cơ sở đó, nghiên cứu khoa học sẽ tạo ra những bước đi ban đầu để sinh viên tiếp cận với khoa học và cuộc sống, gắn lý luận với thực tiễn. Chính vì vậy, ngày 28/11/2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT về chế độ làm việc đối với giảng viên (Quyết định 64). Trong quá trình triển khai thực hiện, tuy cách nghĩ, cách làm của mỗi trường có thể khác nhau tùy vào điều kiện cụ thể nhưng phải khẳng định rằng nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ không thể thiếu của mỗi giảng viên đại học.

Tại điều 39, chương 5 của Luật giáo dục đại học (được *Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012*), quy định về việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học, năng lực nghiên cứu và khả năng ứng dụng khoa học và công nghệ của giảng viên; hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho người học; phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An ban hành theo Quyết định số 228/QĐ-ĐHKT, ngày 12 tháng 4 năm 2016 đã quy định một số hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên với các hình thức như:

(1) Trao đổi phương pháp, kinh nghiệm học tập ở bậc đại học dưới dạng tổ chức theo diễn đàn, xêmina, câu lạc bộ khoa học về: Phương pháp nghiên cứu một đề tài khoa học, cách trình bày tiểu luận, đồ án môn học, chuyên đề, luận văn tốt nghiệp...

(2) Tham gia các cuộc thi về KH & CN do các tổ chức trong nước tổ chức (các trường, bộ và các tổ chức khác).

(3) Tham gia thực hiện các đề tài KH & CN dưới sự hướng dẫn của cán bộ khoa học trong và ngoài nhà trường theo sự phân công của bộ môn.

Mục đích của các hoạt động này đều nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của mục tiêu đào tạo; đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước cũng như quá trình hội nhập sâu rộng của Việt Nam với thế giới.

2. Vai trò của việc làm tiểu luận đối với sinh viên

Trước hết, với chủ trương của đề xuất của khoa Lý luận Chính trị, chủ trương của trường Đại học Kinh tế Nghệ An đã cho phép sinh viên (10 đến 15% số của một lớp) viết tiểu luận thay thế cho bài thi kết thúc học phần các môn học mà khoa Lý luận Chính trị đảm nhiệm đã bước đầu giúp sinh viên củng cố, mở rộng và hiểu sâu hơn các kiến thức cơ bản của môn học thông qua quá trình tự nghiên cứu giáo trình và các loại tài liệu có liên quan đến môn học.

Bên cạnh đó, làm tiểu luận còn nhằm giúp sinh viên từng bước làm quen với việc tìm kiếm và tra cứu tài liệu chính thống (tài liệu xuất bản) phục vụ cho việc triển khai nội dung của tiểu luận, cũng như là bước tập dượt quan trọng cho sinh viên làm báo cáo thực tập tốt nghiệp cuối khóa, viết khóa luận tốt nghiệp... từ đó có thể

viết những bài báo khoa học, thực hiện các đề tài khoa học liên quan đến chuyên môn.

Hơn nữa, bài tiểu luận đồng thời là bài thi hết học phần. Vì vậy, có thể khuyến khích những sinh viên có chí hướng phấn đấu, say mê học tập, muốn tìm tòi nghiên cứu các vấn đề liên quan đến môn học, phấn đấu học tập để đạt được điểm số khá và giỏi.

3. Thông qua việc hướng dẫn tiểu luận cho sinh viên, kiến thức chuyên môn và khả năng nghiên cứu khoa học của giảng viên ngày càng được nâng cao

Trong hai năm học 2014-2015 và 2015-2016, khoa Lý luận Chính trị đã phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận thay thế cho bài thi hết học phần, qua thực tế triển khai cho thấy hoạt động này đã góp phần nâng cao trình độ cho giảng viên của khoa, điều đó được thể hiện thông qua các kết quả sau:

Thứ nhất, giảng viên đóng vai trò là người định hướng nội dung, cách sưu tầm tài liệu, cách đọc và tìm ra nội dung cần thiết, cách thực hiện các bước lập đề cương chi tiết cho đề tài giúp sinh viên hình dung được các nhiệm vụ cụ thể của việc triển khai nội dung đã lựa chọn theo khả năng nhận thức của bản thân.

Muốn làm được điều này, giáo viên hướng dẫn cần phải có kinh nghiệm, phải tìm nhiều nguồn tài liệu để tham khảo, bên cạnh đó cũng cần có sở trường về đề tài mà mình được giao nhiệm vụ hướng dẫn cho sinh viên. Đây là một trong các điều kiện giúp củng cố, bổ sung và mở rộng phong kiến thức chung cho giảng viên.

Thứ hai, để đạt được thành công với một đề tài tiểu luận cần có kiến thức chuyên môn sâu của giảng viên hướng dẫn. Tuy nhiên, trong thực tế không phải giảng viên nào cũng có thể hiểu sâu mọi kiến thức, mọi lĩnh vực. Chính vì vậy, trong quá trình thực hiện hướng dẫn đề tài, giảng viên có thể nhận ra được những hạn chế của bản thân về kiến thức chuyên ngành, kiến thức chung để tự khắc phục.

Thứ ba, giáo viên được hướng dẫn nhiều đề tài tiểu luận sẽ có rất nhiều lợi thế, đó là việc hình thành phản xạ khi tiếp cận một đề tài cụ thể. Người hướng dẫn có kinh nghiệm sẽ nhanh chóng hình thành đề cương sơ bộ cho đề tài và khi giáo viên đã có phong kiến thức tương đối rộng sẽ dễ dàng cung cấp được nguồn tài liệu đáng tin cậy để sinh viên tra cứu. Do vậy, với kiến thức hiện có, giáo viên sẽ rút kinh nghiệm và chỉ ra cho sinh viên cách giải quyết nội dung đề tài một cách tốt nhất và việc hướng dẫn các đề tài tiểu

luận có liên quan tiếp sau đó của giáo viên cũng trở nên thuận lợi hơn.

Thứ tư, việc hướng dẫn cho sinh viên làm tiểu luận là điều kiện để giáo viên có cơ sở so sánh kiến thức nền giữa sinh viên các lớp trong cùng một ngành, hoặc giữa các khối ngành với nhau để tìm ra nguyên nhân của sự chênh lệch, từ đó có hướng điều chỉnh cách dạy, cách học và hệ thống câu hỏi tiểu luận cho phù hợp với thực tế hiện có.

Thứ năm, ngoài việc thu thập kiến thức trong sách vở, tài liệu, trên mạng internet để hướng dẫn tiểu luận cho sinh viên thì còn giúp giáo viên thâm nhập thực tế, quan tâm đến sự liên hệ thực tế nhiều hơn, tránh được tình trạng truyền đạt lý luận một chiều, thiếu tính thuyết phục đối với một đề tài tiểu luận. Giảng viên của khoa Lý luận chính trị đi tham quan thực tế để thu thập kiến thức, tìm hiểu kinh nghiệm quản lý hay và sáng tạo ở các địa phương ... là một trong những nhiệm vụ quan trọng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể. Đây còn là điều kiện tốt khi giảng viên hướng dẫn cho sinh viên cách tiếp cận và tìm hiểu thực tế để liên hệ, vận dụng vào tiểu luận cho phù hợp với yêu cầu của đề tài.

Thứ sáu, nói theo cách hiểu thực dụng, trong điều kiện hiện nay, việc nhà trường cho phép sinh viên làm tiểu luận thay thế cho bài thi hết học phần, có

phân công giáo viên hướng dẫn sẽ là một trong nhiều yếu tố giúp giáo viên có được số tiết nghiên cứu khoa học theo định mức của nhà trường quy định.

4. Một số đề xuất với nhà trường

(1) Cần thiết mở rộng quy mô viết tiểu luận cho sinh viên đối với các môn học khác để sinh viên có thể tiếp cận đa dạng hơn với nhiều loại đề tài, nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau.

(2) Tiếp tục có chính sách khuyến khích giáo viên hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận bằng cách tính giờ hướng dẫn nghiên cứu khoa học vào định mức hàng năm và tính giờ chấm tiểu luận vào giờ chuẩn giảng dạy.

(3) Bổ sung nguồn tài liệu chính thống vào kho sách của thư viện, đa dạng các nguồn sách để sinh viên kịp thời tra cứu, bởi vì hiện nay sinh viên chủ yếu lấy tài liệu qua mạng hoặc các đề tài có sẵn từ trước.

(4) Tạo điều kiện cho giáo viên khoa Lý luận chính trị đi thực tế theo kế hoạch, vận dụng phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm” để giảm bớt chi phí từ ngân sách nhà trường, với mục đích tìm hiểu thực tế ở địa phương, doanh nghiệp; học tập kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học của các trường bạn để có thêm nguồn thông tin, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên của khoa./.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIAI ĐOẠN THỰC TẬP TẠI TRƯỜNG CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

*ThS. Nguyễn Thị An
Khoa Kế toán Phân tích*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, trường Đại học kinh tế Nghệ An là một địa chỉ giáo dục đáng tin cậy cho người học. Nơi đây đã đào tạo ra hàng ngàn kế toán có chất lượng cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An nói riêng, cũng như các doanh nghiệp trong khu vực Bắc Miền Trung nói chung. Để đào tạo ra đội ngũ kế toán có chất lượng, Khoa Kế toán – Phân tích nói riêng và nhà trường nói chung đã không ngừng đổi mới phương pháp dạy và học. Một trong những phương pháp để nâng cao chất lượng đầu ra cho sinh viên chuyên ngành kế toán đã được áp dụng tại trường đó là giai đoạn thực tập tại trường. Giai đoạn này giúp sinh viên củng cố, bổ sung những kiến thức lý thuyết đã học trên lớp, nâng cao kỹ năng giải quyết các vấn đề trong thực tế, bồi dưỡng cho sinh viên lòng yêu nghề, năng lực công tác thực tế để họ nhạy bén và năng động hơn trong quá trình công

tác thực tế sau này. Ở giai đoạn này, sinh viên được tiếp cận và xử lý các số liệu kế toán thực của doanh nghiệp hay nói cách khác, ở giai đoạn này sinh viên được làm kế toán thực tế. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động này trong thời gian qua vẫn còn hạn chế. Chính vì vậy, làm sao để nâng cao hơn nữa chất lượng giai đoạn thực tập tại trường luôn là vấn đề được Khoa Kế toán - Phân tích cũng như nhà trường quan tâm.

II. NỘI DUNG

1. Giai đoạn thực tập tại trường cho sinh viên chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Giai đoạn thực tập tại trường là giai đoạn mà sinh viên được tiếp cận với số liệu kế toán thực tế tại doanh nghiệp. Căn cứ vào các chứng từ kế toán thực tế, sinh viên sẽ vào sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế cho doanh nghiệp. Thông qua giai đoạn này, sinh viên có thể có được những

kỹ năng thực hành kế toán. Trong những năm qua, chất lượng giai đoạn thực tập tại trường ngày càng được phát huy. Để có được thành công đó phải kể đến sự cố gắng từ phía nhà trường, Khoa Kế toán - Phân tích, đội ngũ giảng viên, cũng như toàn thể sinh viên chuyên ngành kế toán. Cụ thể:

- Về phía Nhà trường

Luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất để thầy và trò phát huy tối đa hiệu quả dạy và học. Hàng năm, nhà trường đã tổ chức các cuộc đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo nhà trường. Từ đó, sinh viên có thể đề xuất ý kiến của mình trong quá trình học tập nói chung và thực tập tại trường nói riêng.

- Về phía Khoa Kế toán - Phân tích

Đội ngũ quản lý khoa có tư duy năng động. Ban chủ nhiệm khoa đã mạnh dạn đưa đội ngũ giảng viên trẻ, có năng lực và trình độ vào hướng dẫn sinh viên trong giai đoạn thực tập tại trường. Việc bố trí, sắp xếp lịch hướng dẫn, giải đáp cũng như lịch kiểm tra được Khoa bố trí một cách khoa học, hợp lý.

- Về phía giảng viên

Đội ngũ giảng viên tương đối trẻ, có trình độ và được đào tạo bài bản cũng như có tâm huyết với nghề.

- Về phía sinh viên

Đội ngũ sinh viên trẻ, năng động, ham học hỏi, tiếp cận nhanh nhạy vấn

đề. Ngoài ra, sinh viên đã được trang bị những kiến thức cần thiết trong quá trình học tập tại trường.

Bên cạnh những ưu điểm trên, giai đoạn thực tập tại trường cho sinh viên chuyên ngành kế toán còn tồn tại một số hạn chế sau:

Thứ nhất, về phía nhà trường

Hệ thống máy chiếu của nhà trường đầu tư, mua sắm cũng khá lâu nên nhiều máy đã mờ, rất khó để sinh viên theo dõi và đối chiếu số liệu.

Thứ hai, về đội ngũ giảng viên

- Do thời gian bị hạn chế nên nhiều khi giảng viên không thể giải thích hết tất cả mọi vướng mắc cho sinh viên trong quá trình xử lý thông tin, số liệu kế toán.

- Một số giảng viên chưa thật sự chặt chẽ, sát sao, thiếu đồng bộ trong việc kiểm tra, dẫn đến kết quả kiểm tra trong giai đoạn thực tập tại trường của sinh viên thiếu sự chính xác.

Thứ ba, về phía sinh viên

- Mặc dù đại đa số sinh viên đến thời điểm sắp ra trường đã xác định được động cơ đúng đắn là phải tích lũy kiến thức thực tế nên đã ra sức nỗ lực trong quá trình thực tập nói chung và thực tập tại trường nói riêng, lấp đi các lỗ hổng còn trống về kiến thức, nhưng bên cạnh đó cũng không ít sinh viên còn chưa hiểu biết hết về tầm quan trọng, vai trò của giai đoạn thực tập tại

trường nên còn chưa mặn mà với giai đoạn này.

- Mặc dù đã được đào tạo trong môi trường chuyên nghiệp nhưng nhiều sinh viên còn thụ động trong việc thu nhận kiến thức, nhiều khi còn tâm lý e dè, không mạnh dạn trao đổi với giảng viên hướng dẫn về những vướng mắc của mình.

- Tâm lý ỷ lại, trông chờ vào người khác (sinh viên khác), coi thường quá trình nghiên cứu thực tế của một bộ phận sinh viên nên dẫn đến tình trạng "thực tập trên giấy": sao chép máy móc việc xử lý số liệu của người khác (sinh viên khác) mà không hiểu được trình tự các bước xử lý số liệu, cũng như nội dung, bản chất của vấn đề.

2. Đề xuất nâng cao chất lượng giai đoạn thực tập tại trường cho sinh viên chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Thứ nhất, về phía nhà trường

- Cần tuyên truyền nhận thức cho sinh viên chuyên ngành kế toán trước khi bước vào giai đoạn thực tập tại trường về tầm quan trọng, vai trò của các giai đoạn thực tập nói chung và giai đoạn thực tập tại trường nói riêng để sinh viên có được thái độ và động cơ thực tập đúng đắn.

- Nâng cấp hệ thống máy chiếu để sinh viên có thể theo dõi rõ nét toàn bộ

quy trình kế toán của doanh nghiệp từ khâu lập, thu thập chứng từ cho đến khâu lập sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp, báo cáo tài chính và báo cáo thuế. Đồng thời, sinh viên có thể đối chiếu kết quả làm việc của mình với giảng viên một cách rõ ràng.

Thứ hai, về phía Khoa Kế toán – Phân tích

Lập một diễn đàn để sinh viên có thể trao đổi những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực tập tại trường. Từ đó, có thể hỗ trợ cho các em trong việc tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong giai đoạn này.

Thứ ba, về phía giảng viên

- Phân bổ thời gian hợp lý để giải đáp mọi vướng mắc cho sinh viên.

- Cần phải quản lý sát sao, chặt chẽ trong cả quá trình trong giai đoạn thực tập tại trường cũng như công tác coi kiểm tra, đánh giá kết quả thực tập của sinh viên.

Thứ tư, về phía sinh viên

- Cần nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của giai đoạn thực tập tại trường. Từ đó, sẽ có động cơ và thái độ đúng đắn đối với giai đoạn thực tập tại trường. Đây là nền tảng để sinh viên có được sự hiểu biết nhất định, giúp các em tự tin hơn trong giai đoạn thực tập tại cơ sở cũng như ra trường làm việc tại các doanh nghiệp.

- Cần chủ động trong việc thu nhận kiến thức, mạnh dạn trao đổi với giảng viên hướng dẫn về những vướng mắc của mình trong quá trình thu thập, xử lý số liệu kế toán.

- Trong trường hợp không thể xử lý mọi vấn đề về số liệu kế toán, sinh viên có thể tổ chức làm việc theo nhóm để có thể học hỏi, trao đổi, hỗ trợ kiến thức cho nhau.

III. KẾT LUẬN

Chất lượng giai đoạn thực tập tại trường cho sinh viên chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An có ý nghĩa to lớn trong việc hình thành kỹ năng thực hành kế toán. Là cơ hội để sinh viên chuyên ngành kế toán củng cố kiến thức về mặt lý luận cũng như lĩnh hội kiến thức thực tiễn. Từ đó, tạo tiền đề cho các em vững tin bước vào giai đoạn thực tập tại cơ sở cũng như ra trường làm việc tại các doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng giai đoạn thực tập tại trường đồng nghĩa với việc nâng cao chất lượng đầu ra cho các sinh viên chuyên ngành kế toán tại trường.

Trên đây là một số đề xuất nâng cao chất lượng giai đoạn thực tập cho sinh viên chuyên ngành kế toán tại

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An. Tôi hy vọng rằng với sự nỗ lực không ngừng của nhà trường, khoa Kế toán - Phân tích, sự nhận thức đúng đắn của sinh viên, giai đoạn thực tập tại trường thực sự trở thành một nấc thang quan trọng để sinh viên bước tiếp những chặng đường tương lai của sự nghiệp học tập và xây dựng đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. (2016), *Kế hoạch thực tập tốt nghiệp cao đẳng kế toán khoá 9*, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

2. (2016), *Kế hoạch thực tập tốt nghiệp trung cấp kế toán khoá 38*, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

3. ThS. Phạm Thị Minh Phương (2016), *Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*, Tạp chí Tài Chính.

4. Website: <http://tapchitaichinh.vn>

5. Website: <http://ldxh.edu.vn/hoi-thao-khoa-hoc-giai-phap-nang-cao-chat-luong-thuc-tap-tot-nghiep-cua-sinh-vien-nganh-ke-toan-tai-truong-dai-hoc-lao-dong-xa-hoi-csii-.html>

TÁC ĐỘNG HAI MẶT TRONG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1988 - 2015

ThS. Trịnh Thị Lê

Khoa Quản trị kinh doanh

I. LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam là một trong nhiều quốc gia đang phát triển, ít vốn, khoa học công nghệ chưa phát triển, thu nhập bình quân đầu người còn thấp, do đó vấn đề phát triển kinh tế xã hội được cả xã hội quan tâm. Và một trong những giải pháp quan trọng giúp Việt Nam thoát nghèo, nâng cao mức sống của người dân, phát triển đất nước, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập với thế giới đó là thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài, đặc biệt vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI. Tuy nhiên trong hơn 25 năm thu hút vốn FDI từ năm 1988 đến 2015 đã mang lại cho nền kinh tế Việt Nam những mặt tích cực và tiêu cực nổi cộm đáng quan tâm.

II. NỘI DUNG

1. Mặt tích cực của FDI

Từ năm 1988, Luật đầu tư nước ngoài ra đời và có hiệu lực đến nay,

Việt Nam đã thu hút ngày càng nhiều các dự án FDI cả về số lượng lẫn chất lượng. Theo số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy, lũy kế từ 1988 đến 2015, Việt Nam thu hút hơn 21.000 dự án FDI với tổng vốn đăng ký hơn 313 tỷ USD.

Từ kết quả thu hút được từ các dự án FDI đã góp phần tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã hội nước ta thể hiện cụ thể đó là:

- FDI là một trong những kênh quan trọng bù đắp sự thiếu hụt về nguồn vốn để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Nước ta là nước có thu nhập thấp dẫn đến tiết kiệm thấp, tiết kiệm thấp thì vốn dành đầu tư ít và hậu quả thu nhập lại thấp. Vòng luân chuyển này cứ xoay quanh các nước đang và chậm phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Do đó thu hút nguồn vốn FDI sẽ là

một bước đột phá khỏi vòng luẩn quẩn đó. Theo Tổng cục thống kê, Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2015 khoảng 32,6% GDP, thì DN FDI đã đóng góp số vốn 23,3% trong tổng vốn. Đây là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế xã hội của nước ta.

- Các doanh nghiệp FDI ghi công lớn trong việc cải thiện cán cân thương mại, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho Việt Nam. Chẳng hạn, khu vực FDI đóng góp chủ yếu vào giá trị xuất khẩu của Việt Nam, năm 2015 giá trị xuất khẩu đạt 115,1 tỷ USD tương đương 71% giá trị xuất khẩu (tính cả dầu thô), trong khi đó năm 1995 chỉ chiếm 27% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Đóng góp của của FDI vào GDP liên tục tăng: năm 2000 là 12,7%; năm 2006 là 16,98%; năm 2011 là 18,97%; năm 2015 là chiếm tới hơn 20% tổng thu nội địa.

- Thông qua FDI giúp Việt Nam đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng đóng góp của khối ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Bên cạnh đó, FDI được xem là kênh chuyên giao công nghệ có hiệu quả nhất thông qua chuyển giao hàng hóa dịch vụ, máy móc thiết bị hay các tài sản vô hình như kỹ năng tổ chức, quản lý, năng lực tiếp cận thị trường...

Khu vực FDI kích thích các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng hàng hóa, tạo ra mẫu mã sản phẩm đa dạng với giá cả cạnh tranh.

- Về mặt xã hội, đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tạo ra nhiều việc làm mới, thu hút một khối lượng đáng kể người lao động vào làm việc tại các đơn vị này. Cụ thể, tổng số lao động làm việc trong các DN FDI năm 2015 là khoảng hơn 3,4 triệu người, gấp hơn 8,5 lần năm 2000. Điều đó góp phần đáng kể vào việc làm giảm bớt nạn thất nghiệp, giảm các tệ nạn xã hội, nâng cao mức sống của người dân

- Khu vực FDI góp phần lớn làm tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước thể hiện rõ rệt thông qua việc nộp ngân sách cho nhà nước qua từng năm không kể thu từ khai thác dầu khí cụ thể: năm 2012 là 83.119 tỷ đồng; năm 2013 là 111.023 tỷ đồng; năm 2015 là 141.019 tỷ đồng.

2. Mặt tiêu cực của FDI

Song song với những kết quả thu được như trên thì việc thu hút nguồn vốn FDI cũng mang lại cho Việt Nam những tác động tiêu cực nổi cộm cho nền kinh tế, đó là:

- Mục tiêu thu hút FDI hướng tới nền kinh tế công nghệ cao, tuy nhiên

phần lớn công nghệ đưa vào Việt Nam đã lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Theo tổng kết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong hơn 25 năm đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, các doanh nghiệp FDI đưa công nghệ trung bình so với thế giới (80%), công nghệ lạc hậu (14%) và chỉ có 6% có công nghệ cao. Một số dự án FDI sử dụng công nghệ lạc hậu đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường đã bị phanh phui trong thời gian qua gây tổn hại nặng nề tới nền kinh tế Việt Nam điển hình như: công ty Vedan xả thải ô nhiễm dòng sông Thị Vải (Đồng Nai), Khu công nghiệp Long Thành xả thải nhiều chất cấm vượt mức cho phép và mới đây nhất là dự án Formosa ở Hà Tĩnh đã đầu độc vùng biển 4 tỉnh miền trung của Việt Nam... Ngoài ra còn rất nhiều vụ việc khác nữa không thể kể hết.

- Doanh nghiệp có vốn FDI chuyển giá khá phổ biến gây ra vấn đề thất thu đối với NSNN từ thuế TNDN rất lớn. Các doanh nghiệp FDI thường đẩy giá mua các yếu tố đầu vào khi nhập khẩu lên cao sau đó xuất khẩu sản phẩm làm ra với mức giá thấp khiến cho các doanh nghiệp này bị thua lỗ giả tạo, hoặc chuyển giá thông qua một số hình thức khác. Trước

những vấn nạn chuyển giá ngày càng gia tăng Tổng cục Thuế đã tiến hành thanh tra kiểm soát các doanh nghiệp nghi vấn, kết quả trong giai đoạn 2012 – 2015 đã truy thu cho ngân sách nhà nước hơn 340 tỷ đồng.

Trường hợp điển hình có những biểu hiện “đáng ngờ” về chuyển giá, phải nói đến Công ty Coca-Cola Việt Nam. Trong hơn 20 năm đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam, Coca-Cola liên tục báo lỗ, lỗ lũy kế tính đến 30/9/2011 của công ty này đã lên tới 3.768 tỷ đồng, vượt cả số vốn đầu tư ban đầu là 2.950 tỷ đồng. Do lỗ liên tục như vậy nên Coca-Cola Việt Nam không phải đóng thuế thu nhập DN, trong khi doanh thu liên tục tăng từ 20-30%/năm. Tuy lỗ lớn như vậy nhưng DN này đã có kế hoạch đầu tư thêm 300 triệu USD tại Việt Nam.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế bất hợp lý, các doanh nghiệp FDI chỉ tập trung vào đầu tư vào các ngành có công nghệ tương đối thấp, có lợi nhuận cao trong thời gian ngắn, dẫn đến tình trạng một số ngành mở rộng quy mô quá mức so với nhu cầu cơ cấu kinh tế gây ra sự phát triển kém bền vững cho nền kinh tế. Chẳng hạn, năm 2015 lĩnh vực công nghiệp chế biến và chế tạo thu hút FDI lớn nhất chiếm

66,9% tổng vốn đăng ký, trong khi đó FDI vào các ngành nông, lâm, thủy sản, tài chính, ngân hàng chiếm tỷ trọng rất khiêm tốn chiếm khoảng 10,03% tổng vốn đăng ký.

Ngoài ra, còn nhiều tồn tại khác nữa như: gây ra thâm hụt thương mại, tình trạng phân hóa giàu nghèo trong xã hội, sự phát triển chênh lệch giữa các vùng miền trong cả nước...

3. Những nguyên nhân dẫn đến tác động tiêu cực của FDI

Thứ nhất, do tư duy nhận thức quá chú trọng về thành tích trong thu hút FDI, nên đưa ra quá nhiều ưu đãi cho nhà đầu tư, sau đó cấp phép bằng mọi giá.

Ở Việt Nam một thời gian dài trải “thảm đỏ” mời gọi các nhà đầu tư nước ngoài với nhiều ưu đãi quá mức mà không đưa ra các điều kiện chặt chẽ về xã hội, môi trường, công nghệ... đặc biệt Việt Nam chưa phát triển ngành công nghiệp phụ trợ nên tạo áp lực nhận các dự án gây ô nhiễm môi trường. Hiện tại, các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam phải nhập khẩu 70-80% lượng sản phẩm phụ trợ.

Thứ hai, do hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam về doanh nghiệp và đầu tư chưa đồng bộ, chưa nhất quán, chưa

nghiêm. Các văn bản pháp luật hiện hành về hoạt động đầu tư chưa thực sự đồng bộ, rõ ràng, các văn bản pháp luật còn chòng chéo, tạo ra các cách hiểu khác nhau trong quá trình áp dụng ở các cấp. Những chế tài xử phạt vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, công tác kiểm tra giám sát còn nhiều hạn chế.

Thứ ba, trình độ quản lý của các nhà quản lý đối với các dự án còn bất cập, công tác phân cấp quản lý đầu tư nước ngoài chưa thực hiện tốt

Chủ trương của nhà nước phân quyền quản lý các dự án đầu tư nước ngoài nhằm tạo ra thể chủ động của các địa phương đó, đồng thời nâng cao trách nhiệm của họ đối với việc quản lý các dự án. Tuy nhiên việc phân quyền này phải đi kèm với chính sách pháp luật rõ ràng, có quy hoạch đồng bộ, địa phương được phân quyền phải có năng lực, phải có sự phối hợp ngang dọc giữa những cơ quan quản lý có liên quan. Nhưng trên thực tế công tác này chưa được thực hiện tốt, một số địa phương chỉ nhìn thấy lợi ích trước mắt mà không biết được ảnh hưởng tiêu cực của dự án trong tương lai, điển hình Hà Tĩnh cấp phép cho công ty Formosa đầu tư khai thác tại đây đã gây ô nhiễm môi

trường trâm trọng không chỉ ở địa phương này mà ảnh hưởng sang nhiều tỉnh khác và cả nước.

Ngoài ra còn một số nguyên nhân khác nữa như: chính sách chuyển giao công nghệ đối với các dự án FDI; chính sách giá chưa hợp lý; chi phí đầu tư vào Việt Nam còn quá cao, cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo...

4. Một số giải pháp hạn chế tác động tiêu cực của FDI

Thứ nhất, trong việc cấp phép các dự án đầu tư cần có sự chọn lọc nguồn đầu tư, chú trọng chất lượng công nghệ của dự án chứ không chạy theo số lượng để lấy thành tích. Hướng FDI vào các ngành sản xuất có giá trị gia tăng cao, tốn ít năng lượng, đảm bảo về môi trường. Cần tạo ra sự liên kết giữa khu vực FDI với các ngành sản xuất nội địa để tạo ra chuỗi liên kết sản xuất và thúc đẩy sản xuất nội địa phát triển cũng như tạo ra các ngành phụ trợ để hạn chế nhập khẩu các thiết bị hay bộ phận mà Việt Nam có thể tự sản xuất được nhằm tạo ra sự phát triển bền vững cho đất nước, phù hợp với quan điểm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016- 2020 của Việt Nam, đại hội lần thứ XII của đảng ta (năm 2016) đã xác định: “Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu,

chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách đầu tư. Cần rà soát lại pháp luật chính sách về đầu tư, sửa đổi các nội dung bất hợp lý, bổ sung các nội dung còn thiếu, loại bỏ các điều kiện ưu đãi không phù hợp. Các cơ quan ban ngành cần ban hành các tài liệu hướng dẫn cho từng ngành, từng địa phương cụ thể khắc phục tình trạng thực hiện luật còn tùy tiện, theo cảm tính. Cần hoàn thiện hành trang pháp lý về chống chuyển giá và tiến tới ban hành Luật Chống chuyển giá.

Đặc biệt với hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường được ban hành năm 2014 có hiệu lực 01/01/2015 cần nhanh chóng cụ thể hóa bằng các văn bản dưới luật để đưa luật có hiệu quả trong công tác quản lý các dự án đầu tư trong thời gian tới.

Thứ ba, nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan nhà nước về các dự án FDI. Việt Nam cần có đội ngũ quản lý có năng lực có trách nhiệm trong việc thực thi chính sách pháp luật đã ban hành, bên cạnh đó phải có khả

năng phân tích các tác động của dự án đầu tư mang lại, nên chọn dự án nào, loại bỏ dự án nào. Thực tiễn hoạt động FDI trong thời gian qua cho thấy bên cạnh các dự án đáp ứng được công nghệ cao thì vẫn còn nhiều dự án FDI công nghệ thấp lọt lưới “quản lý” vào Việt Nam gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng sự phát triển kinh tế quốc gia. Vì vậy cần có chế tài xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm để có đủ sức răn đe các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý các dự án đầu tư.

Và một số giải pháp khác như:

- Thay đổi chính sách thu hút FDI ở các nước sang chính sách thu hút FDI có lựa chọn đối tác nước ngoài phù hợp.
- Tăng cường kiểm soát, kiểm toán các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là các doanh nghiệp báo lỗ thường xuyên.
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các doanh nghiệp FDI đối với quy trình xử lý chất thải...

III. KẾT LUẬN

FDI đã mang lại không ít những tác động tiêu cực đối với nền kinh tế - xã hội, tuy nhiên bên cạnh đó khu vực FDI cũng đã khẳng định những vai trò tích cực không thể phủ nhận. Vì vậy để phát huy những mặt tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của nó chúng ta cần thực hiện nghiêm túc các giải pháp trên để thu hút ngày càng nhiều nguồn vốn FDI có chất lượng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội quốc gia./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Đức Bình - Ngô Thị Tuyết Mai (2013), *Giáo trình Kinh Tế Quốc Tế*, NXB ĐHQG Kinh tế quốc dân
2. Nguyễn Thị Thu Hoài - Dương Văn An (2015), *Chuyển giá trong các doanh nghiệp FDI: Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Tài chính.
3. Cổng thông tin điện tử Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*.
4. Website Tổng cục thống kê: <https://gso.gov.vn>
5. Website Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư: www.mpi.gov.vn

ĐỐI CHIẾU THÀNH PHẦN CÂU CƠ BẢN VIỆT - ANH

ThS. Nguyễn Thị Lan Hương
Khoa Cơ Sở

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngôn ngữ học đối chiếu là một phân ngành của ngôn ngữ học nghiên cứu so sánh hai hay nhiều ngôn ngữ bất kỳ nhằm tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa các ngôn ngữ được đưa ra so sánh đối chiếu. Nhà ngôn ngữ học Pháp Di Pietro đã viết trong cuốn “*Cấu trúc ngôn ngữ qua đối chiếu*” rằng: “Ngôn ngữ học đối chiếu ra đời từ kinh nghiệm dạy tiếng. Mỗi người học và dạy ngoại ngữ dễ dàng nhận ra một điều là trong nhiều trường hợp, tiếng mẹ đẻ đã cản trở không nhỏ việc hiểu và nắm thuần thục ngoại ngữ. Vì vậy, việc tích lũy những tri thức và kinh nghiệm sẽ giúp ta khắc phục một cách có hiệu quả khó khăn này”.

Thực vậy, trong quá trình dạy và học ngoại ngữ việc nghiên cứu đối chiếu ngữ pháp đã giúp giải quyết được các quan hệ tương đồng và không tương đồng về cấu trúc và hoạt động giữa các ngôn ngữ. Trong phân tích đối chiếu ngôn ngữ, các hiện tượng ngôn ngữ càng giống nhau thì càng có nhiều tương đồng về cấu trúc

và hoạt động của ngôn ngữ được đối chiếu. Ví dụ, khi ta đối chiếu tiếng Việt với tiếng Hán thì mức độ giống nhau nhiều hơn là đối chiếu tiếng Việt với tiếng Anh. Các ngôn ngữ khi đối chiếu luôn tồn tại sự không tương đồng về ngữ pháp và ngữ nghĩa. Ví dụ, từ loại tiếng Việt và tiếng Anh có sự không tương đồng về số lượng và loại hình. Vậy trong khuôn khổ bài viết này, khi so sánh đối chiếu về thành phần câu cơ bản tiếng Việt (tiếng mẹ đẻ) - Tiếng Anh (ngoại ngữ), chắc chắn chúng ta sẽ tìm ra được những điểm tương đồng và dị biệt giữa hai ngôn ngữ. Nói đến đặc điểm biểu hiện thành phần câu ở đây là nói về đặc điểm cú pháp. Điều đó có nghĩa là xem xét vai trò của thành phần câu xác định đối với cấu trúc câu và đặc điểm cấu tạo tự thân nó. Ta hãy lần lượt đi vào các thành phần chủ yếu của câu:

II. ĐỐI CHIẾU THÀNH PHẦN CÂU CƠ BẢN VIỆT- ANH

2.1. Chủ ngữ Việt - Anh

Trong tiếng Việt, biểu hiện chủ ngữ có thể gồm hai loại: Chủ ngữ

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

trong câu có động từ và chủ ngữ trong câu có hệ từ là.

- Chủ ngữ trong câu có động từ (vị ngữ) có thể là một danh từ, một cụm danh từ, một động từ, một đại từ hoặc một kết cấu chủ vị đảm nhiệm. Ví dụ:

+ Chủ ngữ là một danh từ: Chim bay- Cầu sập- Nhà cháy

+ Chủ ngữ là cụm danh từ: Xe anh ta mất rồi- Mẹ cô ấy tới rồi

+ Chủ ngữ là động từ: Làm việc giúp con người năng động hơn

+ Chủ ngữ là đại từ: Chúng tôi đá bóng- Anh ta chơi đàn

+ Chủ ngữ là một kết cấu chủ vị: Máy bay rơi làm thiệt mạng hàng trăm người

- Chủ ngữ trong câu có hệ từ là có các khả năng sau:

+ Chủ ngữ là danh từ: Nam là học sinh

+ Chủ ngữ là cụm danh từ: Bố cô ấy là người Anh- Công nhân nhà máy này là người nước ngoài

+ Chủ ngữ là động từ: Lao động là vinh quang- Học tập là nhiệm vụ chính

+ Chủ ngữ là đại từ: Họ là bác sỹ- Anh ta là kỹ sư

+ Chủ ngữ là một kết cấu chủ vị: Công nhân bị ngộ độc tập thể là do họ đã ăn phải thức ăn được chế biến từ thực phẩm bản không rõ nguồn gốc

Trong tiếng Anh chủ ngữ (S) là một danh từ, một đại từ, một cụm danh

từ, một danh động từ, một động từ nguyên mẫu có “to”, một ngữ có chức năng định danh. Ví dụ:

+ Chủ ngữ là một danh từ: Boys are active- Bears like honey

+ Chủ ngữ là một cụm danh từ: Her mother sings very well- The pretty girl is smiling- The gate of the school has just been painted

+ Chủ ngữ là đại từ: He never tells lies- We love animals

+ Chủ ngữ là một danh động từ: Becoming a teacher is my wish- Reading books is my hobby- Working is duty

+ Chủ ngữ là một động từ nguyên mẫu có “to”: To become a teacher is my wish- To see is to believe

+ Chủ ngữ là một ngữ có chức năng định danh: The teacher who teaches us English is Miss Mary Smith- That she is still alive is a mystery

Như vậy trong tiếng Việt, chủ ngữ thường được biểu thị bằng danh từ, đại từ, cụm danh từ, động từ hoặc một ngữ có chức năng định danh và vị trí thuận của chủ ngữ là ở trước vị ngữ trong các thể câu. Chủ ngữ trong tiếng Anh thường chiếm vị trí trước vị ngữ trong câu tường thuật và vị trí ngay sát trợ động từ trong câu nghi vấn và được biểu thị bằng một danh từ, một đại từ, một cụm danh từ, một danh động từ, một

động từ nguyên mẫu có “to”, hay một ngữ có chức năng định danh. Ví dụ:

She is playing tennis- These cars are not made in Japan

Did your mother send you money last week?

Is your teacher young or old?

Has the magazine arrived, yet?

Ngoài ra chủ ngữ trong tiếng Anh có sự phù hợp về ngôi và số với động từ. Ví dụ:

I am learning English- Tôi đang học tiếng Anh

He is learning English- Anh ta đang học tiếng Anh

We are learning English- Họ đang học tiếng Anh

This book is very interesting- Quyển sách này rất hay

These books are very interesting- Những quyển sách này rất hay

Như vậy trong quá trình học tiếng Anh chúng ta cần chú ý đến vị trí của của ngữ trong câu phủ định và nghi vấn cũng như là các quy tắc biến đổi chủ ngữ từ số ít sang số nhiều, đặc biệt là danh từ.

2.2. Vị ngữ Việt - Anh

Vị ngữ là thành phần chủ yếu của câu và có thể nói là thành phần chủ yếu nhất. Bởi vì về mặt ý nghĩa của câu, vị ngữ như là thành tố chính để biểu thị ý nghĩa sự tình. Về mặt cấu tạo, vị ngữ thể hiện, ảnh hưởng trực

tiếp đến đặc điểm chủ ngữ. Vị ngữ là thành phần quy tụ quanh nó nhiều yếu tố ngữ pháp (thời, thể, ngôi) nên nó thường có cấu tạo phức tạp

Trong tiếng Việt, vị ngữ thường có các phó từ đi kèm để chỉ thời, thể, hoặc cách cho vào phía trước động từ và là bộ phận chính của cấu tạo vị ngữ đó. Trong tiếng Anh, ý nghĩa thời, thể cũng biểu thị ở vị ngữ với hình thức khác. Động từ vị ngữ phải chia hợp với chủ ngữ theo thời, thể nhất định. Ví dụ ta hãy phân biệt ý nghĩa thời thể trong các câu sau:

- Sinh viên làm bài tập- The students do their homework

- Sinh viên đang làm bài tập- The students are doing their homework

- Sinh viên sẽ làm bài tập- The students will do their homework

- Sinh viên đã làm bài tập- The students has done their homework

- Sinh viên đang phỏng vấn- The students are interviewing

- Sinh viên đang được phỏng vấn- The students are being interviewed

Một điều đặc sắc trong tiếng Việt là tính từ có thể làm vị ngữ trong câu khi biểu thị ý nghĩa tình thái, đặc điểm, tâm trạng, tính chất của chủ ngữ:

- Cô ấy đẹp - Cô ấy đẹp lắm- Cô ấy rất đẹp

- Anh ta cao- Anh ta gầy- Anh ta mệt

- Thời tiết thật dễ chịu- Bài hát hay

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Nhưng trong tiếng Anh tính từ không bao giờ làm vị ngữ. Khi kết hợp với động từ làm vị ngữ thì tính từ làm bổ ngữ và đứng sau động từ to be hoặc động từ tình thái: seem/ look/ sound/ taste/ smell/ become/get/ appear

- She is beautiful. He is tall/ tired
- She becomes beautiful
- This food tastes good
- He looks smart

Như vậy, chúng ta cần xác định rằng, vị ngữ trong tiếng Anh luôn được bắt đầu bằng một động từ và động từ đó phải được chia hợp ngôi, số với chủ ngữ và được biến đổi phù hợp với thời và thể tương ứng. Ý nghĩa của câu (lời nói) thể hiện ở cách chia trực tiếp động từ còn trong tiếng Việt động từ không biến đổi mà ý nghĩa lời nói được nhấn mạnh thông qua các phụ từ (sẽ, đang, được, bị, đã.....)

2.3. **Bổ ngữ, Tân ngữ Việt -Anh**

Đối với tiếng Việt bổ ngữ là thành phần chủ yếu của câu (nòng cốt câu). Bổ ngữ trong câu có thể là:

+ Danh từ, danh ngữ: Thợ xây xây nhà- Cô ấy tặng tôi một bó hoa

+ Động từ, động ngữ: Anh ta muốn về- Học sinh thích chơi trò chơi điện tử

+ Kết cấu chủ vị: Tôi hy vọng rằng tất cả các em sẽ thành đạt

Ngữ pháp truyền thống thường căn cứ theo dấu hiệu có giới từ để phân

loại thành phần bổ ngữ trực tiếp hay gián tiếp

+ Cô ta gửi thư cho mẹ- (*thư* là bổ ngữ trực tiếp, *mẹ* là bổ ngữ gián tiếp vì có giới từ dẫn xuất *cho*)

Trong tiếng Anh thành phần này được gọi là tân ngữ, tân ngữ trực tiếp và tân ngữ gián tiếp. Tân ngữ trong câu tiếng Anh có thể là:

+ Danh từ, danh ngữ: The masons build houses (tân ngữ)- Thợ xây xây nhà

She gave me a bouquet of flowers (tân ngữ)- Cô ấy tặng tôi một bó hoa

(“*a bouquet of flowers*” là tân ngữ trực tiếp, *tiếp nhận hành động của chủ ngữ*, “*me*” là tân ngữ gián tiếp, là nơi hành động hướng tới)

+ Động từ nguyên mẫu, động danh từ: He wanted to leave - Anh ta muốn về

The children like swimming

+ Động ngữ bắt đầu bằng động danh từ: The students enjoy playing video games- Học sinh thích chơi trò chơi điện tử

+ Kết cấu chủ vị: I hope that all of you will succeed- Tôi hy vọng rằng tất cả các em sẽ thành đạt

Trong tiếng Anh bổ ngữ là một tính từ hoặc một danh từ thường đi sau động từ nối (linking verbs) hoặc đi sau tân ngữ dùng để bổ nghĩa cho chủ ngữ hoặc tân ngữ trong câu, cũng có thể là một trạng từ đi sau động từ, một tính từ hay một trạng từ khác.

Ví dụ:

- The students are active (Tính từ bổ ngữ cho chủ ngữ)
- She is a student. (Danh từ bổ ngữ cho chủ ngữ “she”.)
- He considers himself a super star. (Danh từ bổ ngữ cho tân ngữ himself)
- He drives carefully (Trạng từ bổ ngữ cho động từ)
- He drives very carefully (Trạng từ bổ ngữ cho một trạng từ khác)

Tóm lại, chúng ta cần phân biệt rõ, trong tiếng Anh thành phần đứng sau động từ tiếp nhận hành động của chủ ngữ hoặc là nơi hành động hướng tới được xem là tân ngữ, thường trả lời cho câu hỏi: “What, for whom, to whom”. Thành phần bổ ngữ thường làm nhiệm vụ giải thích nghĩa, làm rõ nghĩa cho chủ ngữ hoặc vị ngữ và trả lời cho câu hỏi “How”

2.4. Trạng ngữ Việt - Anh

Căn cứ vào nghĩa biểu hiện trạng ngữ trong câu tiếng Việt có thể phân chia thành các loại sau:

- + Trạng ngữ chỉ nơi chốn, không gian: Trong tâm tưởng mình, những kỷ niệm tốt đẹp về mẹ sẽ sống mãi với thời gian
- + Trạng ngữ chỉ thời gian: Đạo ấy, chúng tôi rất thân với nhau
Lúc nào cũng vậy, sự giận giữ làm người ta mù quáng

+ Trạng ngữ chỉ mục đích: Anh ta cố gắng làm việc để nuôi sống bản thân

+ Trạng ngữ chỉ nguyên nhân: Anh ta không đến trường vì anh ta bị bệnh

+ Trạng ngữ chỉ phương thức: Mặc dầu biết vậy họ vẫn bình thản ra đi

+ Trạng ngữ hạn định: Tôi đến nhà bạn ngay nếu tôi hoàn thành xong công việc

Căn cứ vào cấu tạo, trạng ngữ tiếng Anh có các hình thức biểu hiện sau:

+ Trạng ngữ là danh ngữ: We went to the cinema last week

+ Trạng ngữ là một giới ngữ: He was playing with great passion

+ Trạng ngữ là mệnh đề trạng ngữ:
Mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian: When the speaker entered the room, we all stood up

Mệnh đề trạng ngữ chỉ mục đích: She is studying hard so that she can pass the next exam

Mệnh đề trạng ngữ chỉ kết quả: She is so kind that everyone loves her

Mệnh đề trạng ngữ chỉ nguyên nhân: Because she is old, she retires.

Mệnh đề trạng ngữ chỉ quan hệ tương phản/ nhượng bộ: Although it rained heavily, they went out with their friends.

Mệnh đề trạng ngữ chỉ thể cách: He is speaking as if he knew the truth

Mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện- If you don't hurry up, you will miss the train

Mệnh đề trạng ngữ chỉ so sánh: It is not so easy as you think

III. KẾT LUẬN

Tóm lại, theo sách “Thành phần câu tiếng Việt, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2004”, câu tiếng Việt gồm có 7 thành phần: chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, định ngữ, khởi ngữ và tình thái từ. Trong tiếng Anh thành phần câu theo “A University Grammar of English” bao gồm 5 thành phần: chủ ngữ, vị ngữ, tân ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ. Qua phần đối chiếu ở trên, nhìn chung cách hiểu nội dung phần lớn các thành phần câu là giống nhau. Những thành phần này cũng là những thành phần có ở nhiều ngôn ngữ trên thế giới. Và chúng ta cũng nhận thấy rằng, có 3 thành phần chỉ có trong tiếng Việt mà không thấy nói đến trong tiếng Anh đó là: định ngữ, khởi ngữ và hình thái từ; trong tiếng Anh có đề cập đến thành phần tân ngữ mà trong tiếng

Việt được xét đến như là thành phần bổ ngữ trong câu.

Ý nghĩa là việc đối chiếu tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) với một ngoại ngữ (Tiếng Anh), giúp cho chúng ta nhận thấy rõ ảnh hưởng tiêu cực của tiếng mẹ đẻ làm phát sinh vấn đề lỗi khi học tiếng Anh. Từ đó cho phép chúng ta giải quyết hàng loạt những vấn đề thuộc lĩnh vực học tập và giảng dạy ngoại ngữ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (2004), *Thành phần câu tiếng Việt*, NXB giáo dục.
2. Đinh Văn Đức (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt-từ loại*, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội.
3. A University grammar of English by Randolph Quirk and Sidney Greenbaum, London. Longman 1973.

ỨNG DỤNG CỦA WORDPRESS ĐỂ TẠO MỘT WEBSITE MIỄN PHÍ MÀ BẠN ĐỌC QUAN TÂM

*ThS. Trần Thị Lê Na
Khoa Cơ sở*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội phát triển về nhiều mặt, kèm theo đó sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Vì thế, nhu cầu chia sẻ thông tin càng ngày càng cần thiết. Và việc xây dựng website là nhu cầu không còn xa lạ với mỗi cá nhân, tập thể trên môi trường Internet. Có rất nhiều cách để xây dựng website, có thể thuê đối tác bên ngoài để tiến hành xây dựng hoặc tự bản thân cũng có thể sử dụng hệ thống mã nguồn mở có sẵn để xây dựng. Trong môi trường là trường học Đại học Kinh tế Nghệ An, có rất nhiều giáo viên, cũng như sinh viên muốn tạo trang Web riêng cho mình để chia sẻ về các kỹ năng trong đời sống hàng ngày, cũng có thể là chia sẻ bí quyết nấu ăn, làm đẹp hay quan tâm nhất đó cũng có thể là giới thiệu các sản phẩm để bán hàng... Từ những thực tiễn đó tác giả viết chủ đề **“Ứng dụng của Wordpress để tạo một Website miễn phí mà bạn đọc quan tâm”**.

Mục đích tác giả muốn hướng dẫn cách thức tạo một Website đơn giản từ khâu đăng kí hosting miễn phí đến việc tạo tên miền cho Website và cuối cùng là xây dựng Website trên phần mềm mã nguồn mở Wordpress. Tùy vào mục đích sử dụng của mỗi cá nhân để tạo Website phù hợp, trong bài này tác giả hướng dẫn tạo một Website thông tin về làm đẹp từ thiên nhiên.

II. NỘI DUNG

1. Các khái niệm

- **Hosting:** Để xây dựng được một website thì trước hết bạn cần phải có hosting, hosting là nơi lưu trữ toàn bộ dữ liệu cho website của bạn. Web Hosting đồng thời cũng là nơi diễn ra tất cả các hoạt động giao dịch, trao đổi thông tin giữa Website với người sử dụng Internet và hỗ trợ các phần mềm Internet hoạt động. Hosting thì chắc chắn bạn phải thuê mới có, cũng có hosting free nhưng nó rất giới hạn và chạy chậm, điều đó cũng giống như bạn thuê một phòng trong một cao ốc để làm văn phòng hay trụ sở làm việc.

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

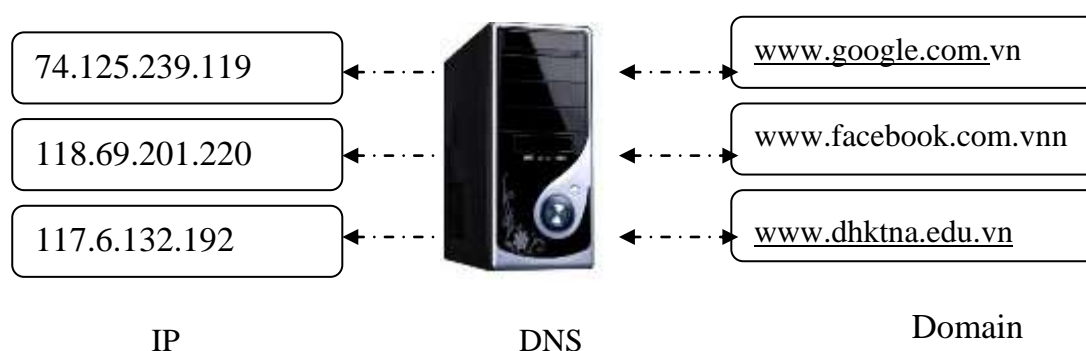
- **Domain:** Hay còn gọi là “*tên miền*”, được biến đổi từ địa chỉ IP thông qua DNS. Là định danh của Website trên internet, là duy nhất.

Ví dụ:

DNS Server: Có nhiệm vụ ánh xạ địa chỉ IP thành Domain và ngược lại. Mỗi

Website trên Internet đều có 1 địa chỉ IP để các máy khác truy cập vào. Do địa chỉ IP khó nhớ nên người ta chuyển nó thành Domain bằng cách sử dụng DNS.

Ví dụ:



Phân cấp Domain: gồm 2 cấp chính “ Cao cấp và thứ cấp”.

Domain cao cấp (Tên miền cấp 1)	Domain thứ cấp (Tên miền cấp 2)
VN: Việt Nam	Là tất cả những Domain còn lại mà phải phụ thuộc vào Domain cao cấp nhất. Không bắt buộc phải có.
US : Mỹ	
UK : Anh	
RU : Nga	
CN : Trung Quốc	
JP : Nhật Bản	
Ngoài ra một số lĩnh vực chung khác như	
EDU : Giáo dục	
ORG: Các tổ chức phi lợi nhuận	
COM : Thương mại	
NET : Mạng lưới	
GOV: Chính phủ ...	

Ví dụ:

Với tên miền www.dhktna.edu.vn
.vn là tên miền cấp 1, .edu là tên
miền cấp 2, dhktna là tên miền cấp 3.

- **FTP**

+ FTP là một khái niệm rất quan trọng vì trong suốt thời gian bạn sử dụng host để làm website, có thể bạn sẽ cần sử dụng FTP nhiều hơn là dùng control panel của host vì nó sẽ giúp bạn tiện lợi hơn trong việc upload/quản lý các tập tin và thư mục trên host, nên chúng ta sẽ cần sử dụng FTP để quản lý dữ liệu trên ổ cứng của host.

+ FTP là chữ viết tắt của **File Transfer Protocol** (Giao thức chuyển nhượng tập tin), đây là một giao thức giúp bạn dễ dàng trao đổi các dữ liệu giữa máy tính của bạn với host và ngược lại. Tại FTP, bạn sẽ có quyền quản lý toàn bộ các dữ liệu dạng tập tin và thư mục có trên host ngoại trừ database.

+ Để kết nối vào FTP trên host bạn cần phải sử dụng một ứng dụng chuyên làm việc này, nó được gọi là FTP Client. Hiện nay, bạn có thể sử dụng phần mềm FileZilla, một phần mềm mã nguồn mở miễn phí, bạn có thể tải về tại địa chỉ: <http://filezilla-project.org/download.php>.

- **WordPress:**

+ Là một phần mềm nguồn mở (Open Source Software) được viết bằng ngôn ngữ lập trình website PHP

(Hypertext Preprocessor) và sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. WordPress được phát triển nhằm phục vụ đối tượng người dùng phổ thông, không có nhiều kiến thức về lập trình website nâng cao.

Có thể tải miễn phí tại trang <https://vi.wordpress.org/wordpress-4.2.10-vi.zip>.

+ Các thao tác trong WordPress rất đơn giản, giao diện quản trị trực quan giúp bạn có thể nắm rõ cơ cấu quản lý một website WordPress trong thời gian ngắn.

+ Dùng WordPress không có nghĩa là bạn chỉ có thể làm blog cá nhân, mà bạn có thể biến website mình thành một trang bán hàng, một website giới thiệu công ty, một tờ tạp chí online bằng việc sử dụng kết hợp các theme và plugin với nhau. Tuy nhiên để làm được, bạn nên chắc chắn là đã hiểu được WordPress. Mặc dù thư viện các giao diện có sẵn (Theme) và Plugin rất nhiều nhưng để tùy biến website sử dụng WordPress tốt hơn, bạn cần phải có kiến thức về PHP, HTML, CSS, Javascript,...tất cả các kỹ thuật liên quan tới website.

2. Các bước thực hiện

Bước 1: Đăng kí hosting miễn phí tại trang Web <http://www.hostinger.vn/>

Sau khi đăng kí thành công chúng ta được hosting miễn phí với những quyền lợi cơ bản sau:

2000 MB dung lượng
100 GB (100,000 MB) băng thông
Host số lượng tên miền không giới hạn
Quản lý bằng cPanel
Không quảng cáo hoặc banner
Công cụ dựng web dễ sử dụng
Tự động cài đặt (Joomla, Wordpress, etc.)
Dịch vụ emails (IMAP/POP3/Webmail)
Hỗ trợ PHP và MySQL database
Kích hoạt tài khoản tức thời

Bước 2: Tạo Domain cho trang Web

Sau khi chúng ta đã đăng kí hosting miễn phí tại bước 1, chúng ta sẽ có tài khoản để đăng nhập vào hostinger.vn và có thể tạo domain miễn phí, lưu ý mỗi một domain tạo ra phải cách 24 tiếng (trong một ngày chỉ tạo được 1 domain).

Trang chủ sau khi đăng nhập
hostinger.vn

<https://cpanel.hostinger.vn/index/index>

Ta thực hiện chọn thẻ Tên miền -> Đăng kí tên miền mới

Xuất hiện cửa sổ và thực hiện theo hướng dẫn.

Tên miền đã đăng kí thành công:

lamdeptuthiennhien.890m.com

Lưu ý:

- Khi đặt tên miền thường đặt ngắn gọn, dễ hiểu, liên quan đến nội dung của Web.

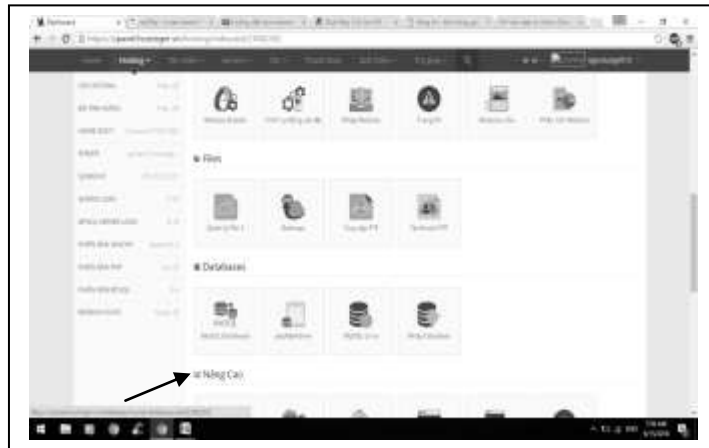
- Vì tên miền là free nên tên miền cấp 2 là 890m hoặc tk ...

- Để có tên miền đẹp chúng ta cũng có thể mua từ các nhà cung cấp.

Bước 3: Tạo database cho web

Mỗi một trang web đều phải có một database và trên host đã tích hợp sẵn để tạo database.

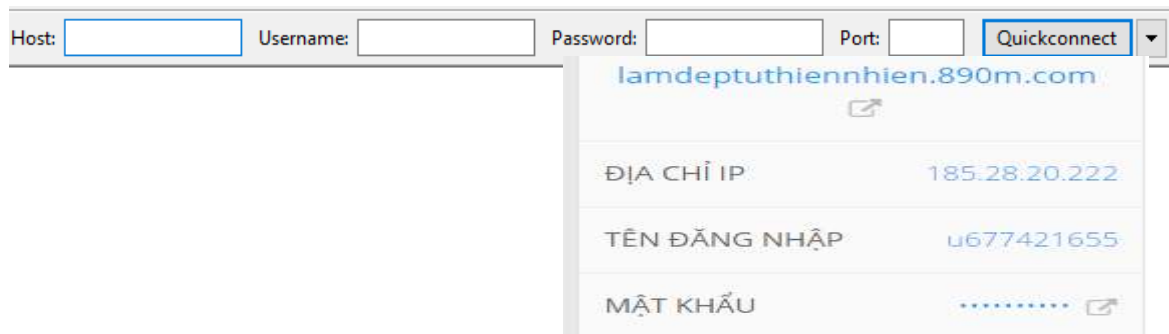
Tại cửa sổ vừa tạo xong tên miền lamdeptuthiennhien.890m.com (hình dưới)



Vào mục MySQL Databases (hình mũi tên ở hình trên), xuất hiện cửa sổ mới điền đầy đủ thông tin và khởi tạo. Như vậy đã hoàn thành xong tạo database cho website.

Bước 4: Cài ứng dụng FTP để quản lý dữ liệu trên ổ cứng của host

Tải phần mềm FileZilla, một phần mềm mã nguồn mở miễn phí, tải về tại địa chỉ: <http://filezilla-project.org/download.php>



Sau khi cài đặt xong -> mở ứng dụng sẽ xuất hiện cửa sổ hỏi các thông số sau: Tiếp tục tại hostinger đã có tên miền lamdeptuthiennhien.890m.com, thực hiện copy các thông số từ hình bên và paste vào ứng dụng Filezilla.

Bước 5: Tải và cài đặt WordPress tại trang web

Tải phần mềm WordPress tại địa chỉ: <https://vi.wordpress.org/wordpress-4.2.10-vi.zip>

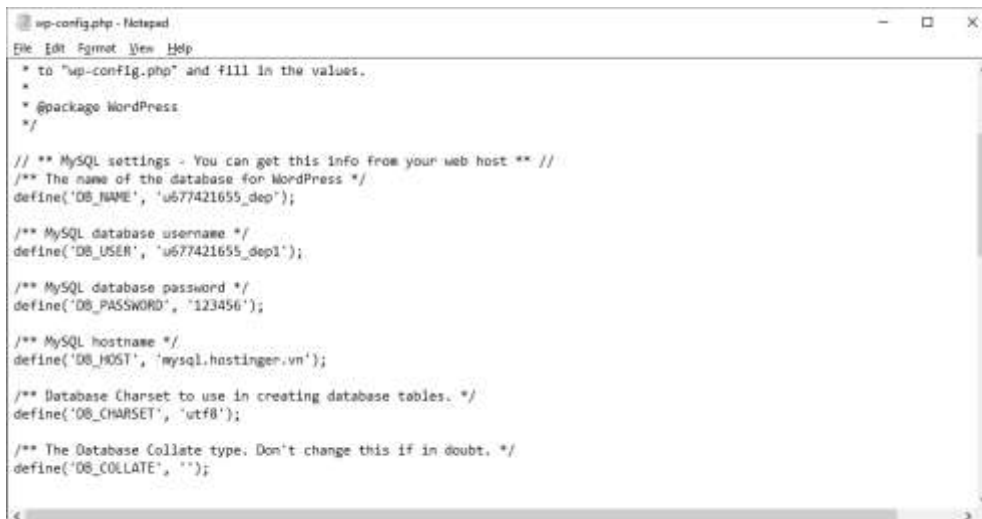
Sau khi tải xong, thực hiện bung nén và copy toàn bộ file trong thư mục WordPress paste vào ứng dụng Filezilla.

Tiếp tục thực hiện biên tập lại file wp-config.php trong cửa sổ

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Filezilla, copy các thông số của Database (DB_NAME, DB_USER, DB_PASSWORD) đã tạo ở bước 2

paste vào tương ứng các dòng trong wp-config.php. Cụ thể như hình sau:



```
wp-config.php - Notepad
File Edit Format View Help
* to "wp-config.php" and fill in the values.
*
* @package WordPress
*/

// ** MySQL settings - You can get this info from your web host ** //
/** The name of the database for WordPress */
define('DB_NAME', 'u677421655_dep');

/** MySQL database username */
define('DB_USER', 'u677421655_dep1');

/** MySQL database password */
define('DB_PASSWORD', '123456');

/** MySQL hostname */
define('DB_HOST', 'mysql.hostinger.vn');

/** Database Charset to use in creating database tables. */
define('DB_CHARSET', 'utf8');

/** The Database Collate type. Don't change this if in doubt. */
define('DB_COLLATE', '');
```

Như vậy chúng ta đã hoàn thành tạo domain thành công cho trang

Lamdeptuthiennhien.890m.com

Chạy lại trang

Lamdeptuthiennhien.890m.com

Xuất hiện cửa sổ thông báo cài đặt WordPress, điền đầy đủ thông tin và cài đặt.

(Chú ý tên đăng nhập và password để sau này vào trang web

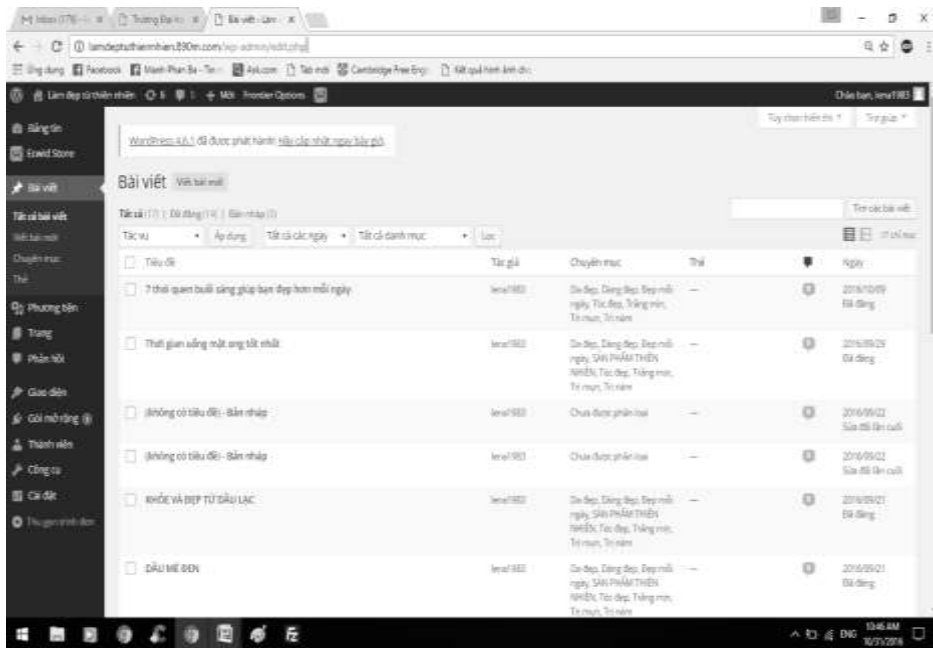
lamdeptuthiennhien.890m.com thực hiện việc quản lý và thiết kế web)

Bước 6: Cách tạo website trên WordPress

- Để làm được bước này đòi hỏi người làm website cần đọc và tìm hiểu về cách tạo Website trên

WordPress thông qua youtube, các trang web, sách hoặc học một lớp online. Từ đó các bạn sẽ dễ dàng tạo ra một trang web chuyên nghiệp hơn. Trong khuôn khổ của bài viết tác giả không thể hướng dẫn chi tiết xây dựng website trên WordPress.

- Phân tích dữ liệu và thiết kế các mục cần đưa lên trang Web là một yếu tố không thể thiếu khi thiết kế website. Trong bài viết tác giả chỉ mới thực hiện chủ yếu tạo trang web dưới dạng cung cấp thông tin. Tuy nhiên chúng ta có thể được các Web về bán hàng để có thể thanh toán trực tiếp hoặc đặt hàng,...



Vào trang chủ của trang web lamdeputhienhien.890m.com/wp-admin để thiết lập và xây dựng website

III. KẾT QUẢ

Dưới đây là kết quả đạt được sau khi xây dựng và thiết kế một website thông tin trên Wordpress



IV. KẾT LUẬN

- Chúng ta có thể dễ dàng xây dựng một trang web từ mã nguồn mở WordPress mà không cần có nhiều kiến thức về lập trình website nâng cao. Các thao tác trong WordPress rất đơn giản, giao diện quản trị trực quan giúp các bạn có thể quản lý một website WordPress trong thời gian ngắn. Về cách cài đặt lại càng dễ dàng hơn, bạn có thể tự cài đặt một website WordPress trên host (máy chủ) riêng của mình và tự vận hành.

- Dùng WordPress bạn có thể biến website thành một trang bán hàng, một website giới thiệu công ty, mở một tờ tạp chí online bằng việc sử dụng các theme và plugin với nhau.

- Tác giả đã xây dựng một website thông tin về làm đẹp từ thiên nhiên và đang trong quá trình chạy thử. www.lamdeputhiennhien.890m.com

- Ngoài ra có rất nhiều website trong nước cũng như trên thế giới thiết kế website dựa vào ứng dụng WordPress như:

Trang thông tin: <http://nguyentandung.org/>

Trang shop: <http://nozashop.com/>

Trang game: <http://fungames24.net/>

Trang thành viên và diễn đàn:

<http://www.impho.com/forums/>

Trang phim: <http://bbphim.com/>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng “Thiết kế và triển khai web” - Bộ môn CNTT, khoa Hệ thống thông tin kinh tế, trường Đại học Thương Mại.

2. Nguyễn Trường Sinh (2009), *Hướng dẫn sử dụng Internet*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

3. Internet

<https://wordpress.org>

[https://hoangluyen.com/huong-dan-su-dung-](https://hoangluyen.com/huong-dan-su-dung-wordpress-toan-tap)

[wordpress-toan-tap](https://hoangluyen.com/huong-dan-su-dung-wordpress-toan-tap)

<http://websitesetup.org>

<https://thachpham.com>

<https://tuhoclamweb.com>

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIỜ THẢO LUẬN TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

*NGŨT.TS. Nguyễn Thị Lan - ThS. Nguyễn Mạnh Hưng
Khoa Lý luận Chính trị*

Đổi mới phương pháp giảng dạy là một hoạt động thường xuyên, tất yếu ở các trường Đại học nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của sinh viên. Đối với việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị, việc đổi mới này bao gồm cả đổi mới phương pháp thực hiện bài giảng và phương pháp thực hiện giờ thảo luận, bởi vì theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phân phối thời gian giảng dạy được chia theo tỷ lệ 70% giờ giảng và 30% dành cho thảo luận dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong bài viết này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả giờ thảo luận.

1. Khoa, Bộ môn thường xuyên kiểm tra việc giảng viên thực hiện giờ thảo luận

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khoa đã cụ thể hóa

trong đề cương các học phần giảng dạy theo học chế tín chỉ, giảng viên phải dành 30% giờ giảng để thảo luận. Tuy nhiên, vẫn có những trường hợp giảng viên chưa thấy được vai trò của giờ thảo luận nên dùng tất cả thời lượng của học phần vào giảng dạy, không tổ chức thảo luận hoặc tổ chức kém hiệu quả. Vì vậy, Khoa, Bộ môn hàng kỳ phải kiểm tra việc thực hiện giờ thảo luận của giảng viên để kịp thời khắc phục những hạn chế, phát huy ưu điểm.

2. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn về chủ đề thực hiện hiệu quả giờ thảo luận

Sinh hoạt chuyên môn là việc phải thực hiện thường xuyên và bắt buộc đối với Khoa, Bộ môn. Nội dung sinh hoạt chuyên môn được Khoa, Bộ môn lên kế hoạch từ đầu năm học theo từng tháng và quá trình thực hiện sẽ có sự điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

Vấn đề nâng cao chất lượng giờ thảo luận là một nội dung quan trọng trong sinh hoạt chuyên môn. Mỗi một học kỳ Khoa sẽ có buổi sinh hoạt học thuật tập trung giải quyết những vấn đề xung quanh thực hiện giờ thảo luận. Nội dung sinh hoạt tập trung vào các vấn đề từ chủ đề thảo luận cho đến hình thức, cách thức tiến hành, vấn đề chấm điểm; phát huy tính tích cực của sinh viên; làm thế nào để giờ thảo luận nhóm trở nên hấp dẫn với sinh viên.... Các Bộ môn sẽ sinh hoạt học thuật với các chủ đề riêng cho từng học phần. Chẳng hạn, làm thế nào để thực hiện tốt giờ thảo luận học phần Nguyên lý Mác 1, hoặc Những vấn đề cần lưu ý khi tổ chức giờ thảo luận học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử các học thuyết Kinh tế.v.v. Khoa và các Bộ môn giao các chủ đề cho giảng viên chuẩn bị, sau đó mới tổ chức sinh hoạt để tìm ra phương án thực hiện tốt nhất để áp dụng

Các buổi sinh hoạt học thuật về chủ đề thảo luận sẽ rất bổ ích cho giảng viên. Bởi vì hình thức và cách thức tổ chức thảo luận rất phong phú. Mỗi đối tượng người học, mỗi lớp học, mỗi thời kỳ, mỗi môn học đều có tính đặc thù khác nhau, do đó, hình thức và cách thức thực hiện cũng phải

thay đổi cho phù hợp. Qua các buổi sinh hoạt học thuật này, giảng viên sẽ tự tìm ra cho mình giải pháp tối ưu để vận dụng cho phù hợp.

3. Tổ chức dự giờ thảo luận của giảng viên

Đánh giá hiệu quả của giờ thảo luận có nhiều kênh nhưng một trong số đó là tổ chức dự giờ thảo luận. Từ tháng 5/2016 đến nay, Khoa Lý luận chính trị đã tổ chức dự được 9 giờ thảo luận, trong đó Bộ môn Nguyên lý Mác 6 giờ, Bộ môn Đường lối 3 giờ. Qua dự giờ mới thấy được những ưu điểm và hạn chế trong quá trình thực hiện của giảng viên để từ đó dần đi tới sự thống nhất, tìm ra cách thức thực hiện hiệu quả nhất để vận dụng. Dự giờ thảo luận cũng là một dịp để giảng viên học hỏi kinh nghiệm tổ chức và thấy được tinh thần hào hứng, sôi nổi hay trầm lắng của các lớp sinh viên, từ đó điều chỉnh cách thức tổ chức. Sau mỗi lần dự giờ, khoa đã tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm rất nghiêm túc.

4. Lấy ý kiến sinh viên về hiệu quả của giờ thảo luận

Từ khi hình thành ý tưởng về việc nghiên cứu về đề tài thảo luận, Khoa đã tiến hành thí điểm lấy ý kiến của sinh viên về giờ thảo luận. Qua các

đợt nhà trường tổ chức lấy ý kiến người học, có nhiều ý kiến của sinh viên đánh giá cao về việc tổ chức giờ thảo luận của một số giảng viên trong Khoa. Từ năm học này, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến của sinh viên về thực hiện giờ thảo luận trên một số nội dung với số lượng trung bình 40 phiếu /lớp đối với các lớp đào tạo theo học chế tín chỉ. Đến nay Khoa đã thực hiện khảo sát được 14 lớp (6 lớp K2 và 8 lớp K3).

Những ý kiến dưới góc nhìn của sinh viên giúp Ban Chủ nhiệm Khoa cũng như từng giảng viên đưa ra những giải pháp để khắc phục hạn chế, phát huy hiệu quả của giờ thảo luận.

5. Đề xuất quy trình thực hiện hình thức thảo luận có hiệu quả : thảo luận nhóm

Nhằm nâng cao hiệu quả giờ thảo luận, Khoa Lý luận Chính trị đang thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường: *Phát huy hiệu quả giờ thảo luận trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị theo học chế tín chỉ*. Đề tài này đã được chuẩn bị trong một thời gian dài. Hội thảo này cũng nhằm mục đích tìm ra những giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả giờ thảo luận. Để thực hiện đề tài,

chúng tôi đã tiến hành điều tra nhiều đợt đối với gần 1000 sinh viên các lớp qua nhiều khóa học từ Cao đẳng K4 và Đại học K1 với các chuyên ngành khác nhau và đã thu được nhiều ý kiến đóng góp rất bổ ích của sinh viên.

Kết quả điều tra về vấn đề lựa chọn giữa hình thức thảo luận độc lập và thảo luận nhóm cho thấy rằng đa số sinh viên chọn hình thức thảo luận nhóm. Vì vậy, chúng tôi đã đề xuất lựa chọn hình thức này để áp dụng trong tổ chức thảo luận. Khi thực hiện hình thức này cần lưu ý về các vấn đề sau:

- Ra chủ đề thảo luận
- Phân chia nhóm thảo luận
- Điều hành giờ thảo luận
- Đánh giá kết quả thảo luận
- Điều kiện để giờ thảo luận nhóm thực hiện có hiệu quả
- Yêu cầu đối với giảng viên và sinh viên trong quá trình thực hiện

Trên đây là một số giải pháp với mong muốn thực hiện hiệu quả hơn giờ thảo luận trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị theo học chế tín chỉ. Chúng tôi mong được sự đóng góp ý kiến để đề xuất được những giải pháp phù hợp góp phần nâng cao chất lượng dạy và học các môn Lý luận chính trị./.

VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN TRONG VIỆC THỰC HIỆN GIỜ THẢO LUẬN CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ DƯỚI HÌNH THỨC THẢO LUẬN NHÓM

*ThS. Nguyễn Thị Kim Dung
Khoa Lý luận Chính trị*

Năm 2008, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quyết định số 52/2008/QĐ - BGDĐT về thực hiện chương trình các môn Lý luận Chính trị trình độ ĐH&CD, qui định 70% thời lượng giảng dạy lý thuyết trên lớp, 30% thảo luận. Như vậy, tổ chức tốt các giờ thảo luận chính là góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn lý luận chính trị. Để các giờ thảo luận nhóm đạt được các kết quả mong muốn thì phải kể đến vai trò của cả người giảng viên và sinh viên trong thảo luận nhóm.

Hiện nay xu hướng đổi mới phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị đang diễn ra mạnh mẽ ở các trường ĐH&CD, theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên trong quá trình tiếp nhận tri thức và hình thành kỹ năng trong cuộc sống. Thực hiện tốt giờ thảo luận cũng chính là góp phần quan trọng đổi mới phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị

Giờ thảo luận có vai trò rất quan trọng đối với sinh viên. Thông qua thảo luận sinh viên có điều kiện, môi trường để thể hiện sự hiểu biết, năng lực đánh giá vấn đề cũng như thực hành ứng xử. Thảo luận là cơ hội để sinh viên rèn luyện khả năng diễn đạt, khả năng lập luận lô gíc, học hỏi lẫn nhau, cùng nhau đối thoại để giải quyết một vấn đề lý luận hoặc thực tiễn đặt ra. Sinh viên tập duyệt nghiên cứu tài liệu, nâng cao năng lực tự học; bước đầu biết phân tích, phê phán, lập luận, dẫn chứng để bảo vệ ý kiến trong quá trình thảo luận.

1. Vai trò của giảng viên trong quá trình thực hiện giờ thảo luận dưới hình thức thảo luận nhóm

Giảng viên có vai trò trong việc tạo nên một không khí lớp học thật sôi nổi và thoải mái bằng cách tăng cường sự đối thoại giữa giảng viên và sinh viên. Người giảng viên bên cạnh việc cung cấp những kiến thức từ sách vở, cần

cung cấp cho sinh viên kiến thức thực tế. Trong các giờ học cần tiến hành lồng ghép những kiến thức thực tế thu thập được từ internet, tivi, sách báo cho sinh viên. Việc cung cấp những kiến thức như vậy sẽ giúp cho các em cảm thấy hứng thú hơn trong giờ học. Để làm được điều này, Ngay từ tiết học đầu tiên của học phần, giảng viên cần thông báo cho sinh viên kế hoạch, phương thức tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm. Cụ thể như sau:

1. *Chia nhóm:* Việc phân nhóm cần thực hiện sao cho GV có thể theo dõi, đánh giá HDN nhưng đồng thời cũng đảm bảo phát huy tính tích cực của mỗi SV. Về lý thuyết, một nhóm lý tưởng nhất gồm 4 - 6 thành viên. Trong thực tế, tùy theo quỹ thời gian môn học và quy mô lớp học, GV có thể thay đổi linh hoạt

2. *Lựa chọn chủ đề cho sinh viên thảo luận:* Việc lựa chọn chủ đề rất quan trọng. Chủ đề quá khó hoặc quá dễ đối với sinh viên đều ảnh hưởng đến hoạt động thảo luận của sinh viên. Lựa chọn vấn đề thảo luận phải hấp dẫn, có tính chất kích thích tính tích cực chủ động làm việc của sinh viên. Chủ đề thảo luận phải là vấn đề chính của bài học, vấn đề có thể có nhiều hướng khai thác khác nhau, nhiều cấp độ nhận thức khác nhau.

3. *Tổ chức thảo luận nhóm:* Thường có hai phương án để GV cho sinh viên trình bày bài nhóm: thứ nhất, là gọi ngẫu nhiên bất kỳ người nào trong nhóm lên thuyết trình; thứ hai, là cho SV chọn người để thuyết trình. Để đảm bảo tất cả mọi thành viên trong nhóm đều phải làm việc, tránh tình trạng ỷ lại vào người khác thì ngay từ ngày đầu tiên, khi phân công làm nhóm chúng ta thông báo trước lớp là có thể chúng ta sẽ chọn 1 trong 2 phương án.

4. *Đánh giá hoạt động nhóm:* Tổng kết đánh giá là khâu cuối cùng của hoạt động thảo luận. Sự đánh giá và kết luận của giảng viên cũng tác động không nhỏ đến chất lượng làm việc nhóm. Sau khi các nhóm trình bày nội dung chủ đề hoặc trả lời câu hỏi, nếu giảng viên đánh giá chi tiết mặt tốt, chưa tốt của sản phẩm, so sánh các sản phẩm của các nhóm với nhau để sinh viên nhận ra được những ưu, khuyết của mình, sau đó giảng viên nêu lên kết luận (đưa ra chân lý khoa học) thì sinh viên sẽ hiểu sâu sắc và nắm vững vấn đề; đồng thời sinh viên sẽ quyết tâm hơn trong lần thảo luận tiếp theo. Ngược lại, nếu giảng viên không coi trọng đánh giá của sinh viên sẽ khiến sinh viên mất đi hứng thú và động lực làm việc và như vậy việc thảo luận nhóm sẽ kém hiệu quả.

Trong việc làm nhóm của sinh viên, giảng viên vẫn phải có một nhiệm vụ quan trọng là tổng kết lại các vấn đề đã thảo luận, đánh giá những ý kiến đúng sai và giải quyết mọi thắc mắc của sinh viên xung quanh vấn đề đó. Việc tổng kết này rất quan trọng vì sẽ giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản cần thiết.

Bên cạnh đó, để sinh viên có thể làm tốt được vai trò của mình thì giảng viên cần phải giới thiệu các tài liệu tham khảo cho sinh viên, để các em có thể tự nghiên cứu trong quá trình chuẩn bị.

2. Vai trò của sinh viên trong quá trình thực hiện giờ thảo luận dưới hình thức thảo luận nhóm

Vai trò của nhóm trưởng

Trước hết là sự phân công nhiệm vụ hợp lí, phù hợp khả năng của từng thành viên. Điều này phụ thuộc nhiều vào vai trò và khả năng chỉ đạo của người nhóm trưởng. Khi công việc được phân chia rõ ràng cho từng thành viên họ sẽ ý thức được vai trò của mình, có trách nhiệm hoàn thành công việc.

Trưởng nhóm giữ vai trò người tổ chức, người thực hiện và người điều hành. Trưởng nhóm phải lo bố trí các cuộc họp từ buổi gặp mặt đầu tiên đến khi kết thúc thảo luận. Việc tổ chức

cuộc họp bàn kế hoạch sao cho có sự tham gia bình đẳng giữa các thành viên là kỹ năng cần có của trưởng nhóm. Lập kế hoạch và phân công công việc cho các thành viên cũng là nghệ thuật của trưởng nhóm. Tất cả các giai đoạn hoạt động của nhóm, người nhóm trưởng phải nắm vững và điều hành cho tốt. Các kỹ năng này được xây dựng dựa trên nền tảng của 4 thái độ: cảm thông, tôn trọng, quan tâm và tin tưởng vào tiềm năng nhóm. Tóm lại trưởng nhóm phải là người có trách nhiệm với công việc của nhóm, với từng thành viên của nhóm và với cả nhóm nói chung.

Vai trò của các thành viên trong nhóm

Các thành viên nhóm thường có vai trò nhất định, được phân công hoặc nhận những nhiệm vụ cụ thể. Nhóm chính thức có trưởng phó nhóm, thư ký, hậu cần... Nhóm không chính thức cũng có thể có các vai trò đó.

Ngoài ra khi đề cập đến vai trò thành viên còn lại trong nhóm người ta thường phân các thành viên thành các “kiểu vai trò” hỗ trợ hay cản trở các hoạt động của nhóm. Có ba loại vai trò như vậy. Loại thứ nhất là các thành viên hỗ trợ cho việc hoàn thành công việc như người khởi xướng, người làm sáng tỏ, người thực hiện, người thông tin, người đóng góp. Loại

thứ hai là các thành viên củng cố nhóm như người khuyến khích, người quan sát, người đề xuất và củng cố quy tắc, người đùa vui. Loại thứ ba là nhóm những người tiêu cực như người gây hấn, người phụ thuộc, người thống trị, người đùa dai, người lè phè, người phá đám...

Một điều đặc biệt quan trọng khác phải nói đến sự tự ý thức của các cá nhân trong nhóm, bản thân sinh viên nên thấy trách nhiệm của một phần trong đó, và sản phẩm hoàn thành có một phần đóng góp của bản thân. Một nhóm học chỉ hiệu quả khi các thành viên có ý thức tự giác: tự giác về thời gian, bài vở, tự giác “phát biểu”... Chỉ khi nào mỗi sinh viên phát huy cao độ tinh thần độc

lập, suy nghĩ về những vấn đề cần đưa ra học tập nghiên cứu tập thể khi đó việc học nhóm, tổ mới phát huy được tác dụng.

Và cuối cùng, tinh thần học hỏi, chịu khó lắng nghe, hết mình vì tập thể đó sẽ là chìa khóa giúp một bài tập nhóm thành công. Học nhóm chỉ đạt hiệu suất cao khi nó được thực hiện trên cơ sở có sự chuẩn bị chu đáo cả về mặt nội dung lẫn phương pháp tổ chức của mọi thành viên.

Các bạn sinh viên hãy chuẩn bị cho mình một thái độ học tập nghiêm túc và một nhóm học hiệu quả! Nếu các bạn làm được như vậy chắc chắn rằng giờ thảo luận nhóm trong các môn Lý luận chính trị sẽ rất sôi nổi và hiệu quả./.

LỢI ÍCH CỦA THƯ ĐIỆN TỬ

ThS. Đinh Chung Thành

Phòng TTKT & QLCL

1 - Thư điện tử là gì ?



Để gửi một bức thư thông thường ta có thể mất một vài ngày với một bức thư trong nước và nhiều thời gian hơn để gửi một bức thư ra nước ngoài. Do đó, để tiết kiệm thời gian và tiền bạc ngày nay nhiều người đã sử dụng thư điện tử. Thư điện tử được gửi đến người nhận rất nhanh, dễ dàng và rẻ hơn nhiều so với sử dụng thư tay truyền thống.



Vậy thư điện tử là gì ? Nói một cách đơn giản, thư điện tử là một thông điệp gửi từ máy tính này đến một máy tính khác trên mạng máy tính mang nội dung cần thiết từ người gửi đến người nhận. Do thư điện tử gửi qua lại trên mạng và sử dụng tín hiệu điện vì vậy tốc độ truyền rất nhanh. Nó có thể chuyển mẫu thông tin từ một máy nguồn tới một hay rất nhiều máy nhận trong cùng lúc. Ngoài ra bạn có thể gửi hoặc nhận thư riêng hoặc các bức điện giao dịch với các file đính kèm như hình ảnh, các công văn tài liệu thậm chí cả bản nhạc, hay các chương trình phần mềm...

Thư điện tử còn được gọi tắt là E-Mail (Electronic Mail) là cách gửi điện thư rất phổ biến. E-Mail có nhiều cấu trúc khác nhau tùy thuộc vào hệ thống máy vi tính của người sử dụng. Mặc dù khác nhau về cấu trúc nhưng tất cả đều có một mục đích chung là gửi hoặc nhận thư điện tử từ một nơi

này đến một nơi khác nhanh chóng. Ngày nay, nhờ sự phát triển mạnh mẽ của Internet, người ta có thể gửi điện thư tới các quốc gia trên toàn thế giới. Với lợi ích như vậy nên thư điện tử hầu như trở thành một nhu cầu cần phải có của người sử dụng máy vi tính. Giả sử như bạn đang là một nhà kinh doanh nhỏ và cần phải bán hàng trên toàn quốc. Vậy làm thế nào mà bạn có thể liên lạc với khách hàng một cách nhanh chóng và dễ dàng. Thư điện tử là cách giải quyết tốt nhất và nó đã trở thành một dịch vụ phổ biến trên Internet. Tại các nước tiên tiến cũng như các nước đang phát triển, các trường đại học, các cơ cấu thương mại, các cơ quan chính quyền v.v. đều đã và đang kết nối hệ thống máy vi tính của họ vào Internet để sự chuyển thư điện tử được nhanh chóng và dễ dàng.

Thư điện tử là loại thư được viết trên máy vi tính, sau đó nó được một máy chủ chuyển sang máy chủ khác, cuối cùng được gửi vào máy vi tính của người nhận thư. Như vậy, thư gửi đi và thư nhận (trong máy vi tính) chính là thư điện tử.

2. Lợi ích của thư điện tử

Thư điện tử có rất nhiều công dụng vì chuyển nhanh chóng và sử dụng dễ dàng. Mọi người có thể trao

đổi ý kiến tài liệu với nhau trong thời gian ngắn. Thư điện tử ngày càng đóng một vai trò quan trọng trong đời sống, khoa học, kinh tế, xã hội, giáo dục, và an ninh quốc gia. Ngày nay, người ta trao đổi với nhau hằng ngày những ý kiến, tài liệu với nhau bằng điện thư mặc dù cách xa nhau hàng ngàn cây số. Vì thư điện tử phát triển dựa vào cấu trúc của Internet cho nên cùng với sự phát triển của Internet, thư điện tử càng ngày càng phổ biến trên toàn thế giới. Người ta không ngừng tìm cách để khai thác đến mức tối đa về sự hữu dụng của nó.

Một lá thư thông thường được gửi qua bưu điện và ở dạng bưu kiện, trong khi thư điện tử được gửi đi khắp toàn cầu ở dạng điện tử (HTML và Text) qua đường truyền Internet. Bằng cách này, thư điện tử cung cấp cho bạn một phương thức giao tiếp và trao đổi thư từ nhanh chóng hơn, đơn giản hơn và hiệu quả hơn. Khác với thư từ thông thường, thư điện tử rút ngắn thời gian chuyển giao thông tin từ vài ngày thậm chí trên 10 ngày chỉ còn trong vài phút. Hơn nữa, thư điện tử dễ dàng sử dụng. Bạn có thể gửi nó ngay sau khi được soạn thảo, điều này sẽ giúp bạn không phải nghĩ đến việc dán tem và đến bưu điện để gửi.

Những thư điện tử này có thể ở hình thức văn bản, hình ảnh và âm thanh. Trong cùng thời điểm, chúng ta có thể nhận một số lượng lớn thư từ Báo chí và các chuyên mục, và có thể tìm kiếm thông tin một cách dễ dàng. Không có phương thức liên lạc truyền thống nào có thể cạnh tranh với thư điện tử. Nếu so sánh với điện thoại, thư điện tử rất tiết kiệm và chuyên giao tự do. Thêm vào đó, chúng ta có thể sử dụng dịch vụ này như là một dịch vụ một - đối - một để gửi thư cho một nhóm người, hoặc gửi chính xác cho một người nào đó. Với những thuận lợi này, hàng trăm triệu người lướt web đều có địa chỉ thư điện tử. Thư điện tử trở thành một ứng dụng Internet được sử dụng nhiều nhất.

Thư điện tử chuyển tải tin tức của người sử dụng trên mạng qua đường dây điện tín, nó sử dụng kỹ thuật thông tin và máy vi tính để thực hiện việc này. Thư điện tử được lưu giữ tại hộp thư của người sử dụng, hộp thư này được đặt trong máy vi tính. Khi sử dụng người ta chỉ cần ấn vào mã số hộp thư của riêng mình, lập tức nội dung bức thư sẽ hiện lên màn hình vi tính. Một bức thư gửi từ Mỹ về Việt Nam chỉ cần mấy phút thậm chí mấy chục giây là đến được địa chỉ.

Thư điện tử ngoài các ưu điểm như tốc độ nhanh, tính bảo mật cao, giá rẻ, không cần giấy, nó còn có nhiều chức năng đặc biệt. Thư điện tử có thể đến mọi nơi trên thế giới, cũng như có khả năng tự động truy cập, tự động gửi đi, tự động lưu hồ sơ và lúc nào cũng có thể xem.

Trên đây chỉ là vài ví dụ điển hình mà thư điện tử đang phát triển. Với trình độ khoa học kỹ thuật như hiện nay những việc trên sẽ thực hiện không mấy khó khăn. Những trở ngại lớn nhất hiện giờ là đường truyền tải tín hiệu của Internet còn chậm cho nên không thể nào truyền tải số lượng lớn của tín hiệu. Ngoài ra còn trở ngại khác như máy tính không đủ sức chứa hết tất cả tín hiệu mà nó nhận được. Nên biết rằng những âm thanh (voice) và hình ảnh (graphics) thường tạo ra những số lượng lớn thông tin. Gần đây người ta đã bắt đầu xây dựng những đường truyền tải tốc độ cao cho Internet với lưu lượng nhanh gấp trăm lần so với đường cũ. Hy vọng rằng với đà tiến triển như vậy, sẽ có một ngày mọi người trên Internet sẽ được nhiều lợi ích về việc sử dụng điện thư.

3. Địa chỉ thư điện tử

Tương tự như việc gửi thư bằng bưu điện, việc gửi nhận thư điện tử

cũng cần phải có địa chỉ của nơi gửi và địa chỉ của nơi nhận. Địa chỉ của E-mail được cấu trúc như sau: user-mailbox@domain-part (Hộp thư@vùng quản lý). Với user-mailbox là địa chỉ của hộp thư người nhận, có thể hiểu như số nhà và tên đường như thư bưu điện. Vùng quản lý tên miền (domain-part) là khu vực quản lý của người nhận trên Internet, có thể hiểu nó giống như tên thành phố, tên tỉnh quốc gia như địa chỉ nhà trên thư bưu điện. Phần cuối domain cho biết về cái địa chỉ ở đâu hoặc thuộc về nước nào quản lý hay tổ chức nào. Ví dụ những cái phổ biến là:

- COM - Thương mại
- EDU - Các trường ĐH-CD
- GOV - Cơ quan chính quyền
- MIL - Quân đội
- NET - Những trung tâm lớn

cung cấp dịch vụ Internet

- ORG - Những hội đoàn ...

4. Đường đi của thư

Mỗi một bức thư truyền thống phải đưa tới các bưu cục khác nhau trên đường đến với người nhận. Tương tự, thư điện tử cũng chuyển từ máy chủ thư điện tử này tới máy chủ thư điện tử khác trên Internet. Khi thư được chuyển đến đích thì nó được

chứa tại hộp thư điện tử tại máy chủ thư điện tử cho đến khi được mở bởi người nhận. Toàn bộ quá trình xử lý chỉ xảy ra trong vài phút, do đó nó cho phép nhanh chóng liên lạc với mọi người trên thế giới một cách nhanh chóng tại bất kỳ thời điểm nào dù ngày hay đêm.

Đường đi của thư



5. Những điều cần biết khi viết một lá thư điện tử

5.1. Subject, Cc: và Bcc:

- Subject (tiêu đề) cho người nhận biết bức thư của bạn nói về cái gì trước khi họ đọc thư. Nó giúp cho người nhận có thể sắp xếp được Email (theo từng loại). Bao giờ Subject cũng phải mang ý chính của bức thư. Tránh viết những Subject không có nghĩa, hoặc mơ hồ vì như vậy không có thông tin nào. Ngoài ra, nếu bạn gửi đi một bức thư với Subject nào đó khi người nhận

đọc và nhấn vào nút Reply, thì nó sẽ được tự động thêm vào bức thư trả lời (với từ Re nghĩa là Về). Và bạn được nhận lại chính tiêu đề của mình. Nếu bạn là người gửi nhiều thư thì bạn có thể nhớ được nội dung bức thư mà mình đã gửi không?

- Hai cái hộp nữa là Cc: (Carbon Copy) và Bcc: (Blind carbon copy). Bất cứ một địa chỉ Email nào bạn gõ vào Cc: đều nhận được một bản sao của bức thư, và người nhận trong hộp To: sẽ thấy địa chỉ Cc: mà bạn đã cho bản sao. Còn với Bcc thì không như vậy người nhận trong To: sẽ không biết là bức thư này còn được sao gửi cho Bcc.

5.2. Chỉ sử dụng file đính kèm khi cần thiết.

Email có thể có hai dạng khác nhau:

- Inline plain text
- Attachment

Inline text là những văn bản bình thường mà bạn viết trong thư. Một attachment là một file trong máy tính của bạn (ví dụ như một file tài liệu .Doc hay bức ảnh .Gif) mà bạn đính kèm hay thêm vào bức Email. Khi một người nào đó nhận được một bức Email với văn bản bình thường (Inline text), họ có thể đọc nó trực tiếp. Khi họ nhận được một file đính

kèm (attachment) họ buộc phải mở file đính kèm bằng chương trình thích hợp (ví dụ như Word hay Paintshop).

Có rất nhiều vấn đề với file đính kèm:

a. Người nhận không có chương trình thích hợp để mở file đính kèm.

b. File đính kèm có thể mang theo Virus (!!!)

c. Một số file đính kèm có kích thước lớn có thể phải mất rất nhiều thời gian Download. Nhiều người không hề thích nhận file đính kèm. Chỉ gửi file đính kèm khi bạn phải chắc chắn người nhận đồng ý.

5.3. Một dòng không nên quá dài

Một chương trình đọc Email nào đó có thể không xử lý một dòng văn bản theo cùng một cách với chương trình của bạn. Và do đó một dòng văn bản khi người nhận đọc sẽ không giống như bạn viết. Vậy đâu là giải pháp? Hãy viết từng dòng ngắn thôi. Tốt nhất là 64 kí tự hoặc ngắn hơn (kể cả dấu trống). Điều đó có nghĩa là sau khi gõ được 64 kí tự thì bạn nên nhấn Enter. Và, giữa những dòng với nhau, bạn nên cách khoảng bằng một lần enter nữa vì khi đọc trên máy tính, nếu viết dính liền thì rất khó đọc.

5.4. Hãy cẩn thận với những chữ viết tắt

Viết tắt là một cách tốt để tiết kiệm thời gian và công sức nếu như cả hai người (gửi và nhận) đều hiểu. Nhưng nếu người nhận không hiểu, bạn đã không thành công trong giao tiếp. Vì vậy nên hạn chế viết tắt trong các lá thư điện tử, đặc biệt là với những thư quan trọng.

5.5. Hãy ký tên trong Email của bạn

Viết tên mình dưới bức thư là một điều tốt và là hành động biểu hiện lịch sự. Bạn có thể ghi thêm các thông tin khác nữa như địa chỉ, số điện thoại... Bạn có thể tạo một khuôn mẫu chữ ký mà bạn sẽ thêm vào cuối bức thư. Một số dịch vụ Email có thể có khả năng tự thêm chữ ký của bạn vào cuối thư như Yahoo, Gmail.

Ngày 3/12/2008, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã ban hành Chỉ thị 34/2008/CT-TTg về tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước

nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, năng suất lao động, thực hành tiết kiệm. Cụ thể, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện triển khai hệ thống thư điện tử tại cơ quan nhà nước các cấp; tạo lập hộp thư điện tử cho cơ quan, CBCCV. Đồng thời, tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn bảo đảm cán bộ có thể sử dụng thư điện tử trong công việc. Công khai danh mục địa chỉ thư điện tử chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan. Chỉ thị nêu rõ, các loại văn bản như lịch công tác, các tài liệu trao đổi phục vụ công việc, phục vụ các cuộc họp, những văn bản gửi đến những cơ quan để biết, để báo cáo thì thực hiện gửi, nhận qua hệ thống thư điện tử./.

GIỜ THẢO LUẬN GIÚP ÍCH GÌ CHO SINH VIÊN TRONG HỌC TẬP CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

Sinh viên Cao Thị Thu Trà

Lớp Kế toán K2- 06

Qua gần hai năm học ở trường, sinh viên khối Kinh tế K2 đã được học 3 học phần do Khoa Lý luận Chính trị đảm nhận giảng dạy là Nguyên Lý Mác I và Nguyên lý Mác II, Lịch sử các học thuyết kinh tế. Do đào tạo theo học chế tín chỉ nên thời gian giảng ở lớp giảm xuống, thời gian tự học của sinh viên tăng lên. Do đó, trong quá trình giảng bài, các thầy cô giáo khó có thể làm rõ các nội dung trong thời gian ít ỏi, khó có thể đi sâu vào liên hệ thực tiễn. Do đó, việc giao các chủ đề cho sinh viên về chuẩn bị và tổ chức thảo luận là rất cần thiết và bổ ích, nhất là các môn Lý luận chính trị nặng về lý thuyết. Theo ý kiến của em cũng như nhiều bạn sinh viên trong lớp, giờ thảo luận đã giúp ích rất nhiều cho sinh viên trong quá trình học tập các môn Lý luận Chính trị.

Trước hết, thực hiện giờ thảo luận sẽ có điều kiện để sinh viên trình bày thắc mắc của mình và sẽ được giảng viên hoặc các bạn khác trong lớp giải đáp được thắc mắc đó.

Khi tham gia các giờ thảo luận, sinh viên sẽ phải tự trình bày dựa trên những hiểu biết của mình, do đó buộc sinh viên phải tham khảo tài liệu trên các trang mạng, nhiều sách vở. Vì thế sẽ giúp sinh viên ghi nhớ bài lâu hơn, chủ động trong kiến thức của mình, hiểu bài hơn. Từ đó kích thích tính tư duy, sáng tạo của sinh viên để họ cảm thấy thích các môn Lý luận Chính trị hơn. Vì thực tế, hầu hết các sinh viên chỉ học để đối phó, lười nhác ghi nhớ kiến thức, nhất là đối với các môn hầu hết là lý thuyết như thế này.

Các giờ thảo luận sẽ giúp sinh viên trau dồi kiến thức, tạo cho sinh viên sự tự tin về kỹ năng nói khi

đứng trước tập thể. Các giờ thảo luận sẽ giúp cho các thành viên trong lớp, gần gũi nhau, học hỏi lẫn nhau và cũng giúp sinh viên và giảng viên gắn kết, thân thiện với nhau hơn, hiểu nhau hơn. Giờ thảo luận cũng giúp cho sinh viên có điều kiện để thể hiện năng lực học, khả năng thuyết trình, tính năng động và giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy và diễn đạt, khả năng điều hành. Nhiều bạn trong giờ học khá trầm lắng nhưng đến giờ thảo luận mới biết các bạn nắm rất vững kiến thức, diễn đạt lưu loát, rất cuốn hút. Buộc mọi người phải chú ý nghe.

Giờ thảo luận cũng tập cho sinh viên biết lắng nghe ý kiến của người khác một cách kiên nhẫn, lịch sự, tập đánh giá ý kiến của người khác một cách độc lập. Có những bạn trình bày ý kiến khá dài dòng nhưng cũng phải tập trung chú ý lắng nghe để còn biết bạn nói đúng hay sai để nhận xét bổ sung. Thảo luận giúp kích thích thi đua giữa các nhóm, các thành viên bởi vì không nhóm nào muốn bị thua nên rất cố gắng bởi vì tâm lý sinh viên vẫn là “thua thầy một vạn không bằng thua bạn một ly”.

Qua giờ thảo luận sinh viên càng hiểu ra rằng kiến thức về môn học của

mình còn thiếu diện và nhận thức còn mang tính áp đặt. Chính thực hiện giờ thảo luận đã giúp giảm bớt tính chủ quan, phiến diện, tăng tính khách quan, khoa học trong hiểu biết của sinh viên.

Theo em, rất cần có những tiết học thảo luận để sinh viên không bị nhàm chán, áp lực về lý thuyết, tăng tính sinh động cho bài học.

Trong học tập các môn Lý luận Chính trị, một trong những điều mong muốn của sinh viên là bên cạnh giờ giảng hiệu quả, có những giờ thảo luận thật sôi nổi, hấp dẫn, cuốn hút để sinh viên có thể hiểu rõ hơn nội dung môn học, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, thấy được cái hay, cái hữu ích của các môn học đóng vai trò là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

Để có giờ thảo luận đạt hiệu quả cao, em mạnh dạn đề xuất một số vấn đề đối với các thầy, cô giáo:

- Nên tăng cường đối thoại giữa giảng viên với sinh viên, đặt ra các câu hỏi xoay quanh vấn đề mà sinh viên trình bày.

- Khi sinh viên trình bày, giảng viên cần có những câu khích lệ hoặc tuyên dương để sinh viên tự tin vào câu trả lời của mình.

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

- Khi sinh viên trình bày vấn đề dài dòng, đi xa vấn đề, giảng viên phải kịp thời dẫn dắt sinh viên trả lời các câu hỏi để không bị lan man, sai bài học.

- Sau mỗi nhóm thuyết trình, giảng viên tổng hợp lại nội dung, chỉ ra chỗ chưa được để nhóm khắc phục và nhấn mạnh những chỗ mà nhóm làm tốt để khích lệ nhóm.

- Để giờ thảo luận không bị nhàm chán, giảng viên tạo điều kiện cho các thành viên đặt ra câu hỏi, khuyến khích sinh viên thuyết trình bằng powerpoint.

* Đối với các bạn sinh viên

- Trước hết, mỗi bạn sinh viên cần hiểu rõ vai trò của các giờ thảo luận để từ đó tham gia thảo luận nhiệt tình, sôi nổi và nghiêm túc hơn.

- Thứ hai, Phát huy được tính tự giác của mỗi thành viên, không ỷ lại cho nhóm trưởng, mỗi người đều tham gia tìm hiểu để vấn đề được giải quyết trên nhiều khía cạnh.

- Thứ ba, chuẩn bị tốt bài thuyết trình, tránh lạm dụng quá nhiều vào giáo trình và cần có sự sáng tạo về khâu trình bày để bài thuyết trình sinh động hơn (có gắn chuẩn bị trên slide).

- Thứ tư, sinh viên trong giờ thảo luận phải nghiêm túc, lắng nghe ý kiến người khác, đặt ra các câu hỏi để hỏi ngược lại nhóm thuyết trình, nhận xét phần thuyết trình của nhóm khác để tăng tính cạnh tranh.

- Thứ năm, để giờ thảo luận đạt kết quả cao, sinh viên cần trau dồi kiến thức của mình, tự tin thuyết trình, bộc lộ những hiểu biết của bản thân. Khi trả lời câu hỏi của các nhóm phản biện, cần linh hoạt, nhạy bén và bảo vệ tính lập trường của mình nếu như nhận thấy quan điểm mình đã đưa ra là đúng.

- Thứ sáu, sinh viên cần chuẩn bị bài thuyết trình đúng nội dung chủ đề, không đi lan man, xa với chủ đề, không quá phân tích dài dòng làm người nghe mệt mỏi, không nói quá nhanh, phải nói to, rõ, rành mạch. Khi trả lời câu hỏi cần đi thẳng vào vấn đề và nên trả lời ngắn gọn.

Trên đây là một số ý kiến của em với mong muốn cá thầy cô giáo cùng giúp chúng em thực hiện có hiệu quả hơn giờ thảo luận trong các môn học Lý luận Chính trị cũng như các môn học khác./.

CẢM NHẬN CỦA TÂN SINH VIÊN K3 VỀ BUỔI THẢO LUẬN NHÓM ĐẦU TIÊN CỦA MÔN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Sinh viên Lê Thị Hoài Thương

Lớp Quản trị kinh doanh K3

Trước hết, thay mặt các bạn tân sinh viên K3, em rất cảm ơn Khoa Lý luận chính trị và Nhà trường đã tổ chức cuộc hội thảo này để tân sinh viên K3 có dịp được học hỏi từ các thầy cô giáo và các anh chị sinh viên khóa trước, được giao lưu, được làm quen với nghiên cứu khoa học khi mới bước vào trường Đại học.

Rời xa tuổi học trò bước những bước chân đầu tiên tới giảng đường đại học chắc hẳn các bạn tân sinh viên ít nhiều cũng mang cảm xúc mới mẻ, bên cạnh đó còn có những nỗi lo lắng không biết vào đại học thì sẽ học như thế nào, gồm những môn nào, khó hay không.

Sau hơn một tháng chính thức bước chân vào cổng trường đại học, vừa qua lớp em có một buổi thảo luận nhóm về môn học Triết học Mác- Lênin (Nguyên lý Mác 1) với

nội dung *Quan điểm của Chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất* dưới sự hướng dẫn của cô giáo Tiến sỹ Nguyễn Thị Lan. Với tư cách là một tân sinh viên khóa K3 em có một số cảm nhận về buổi thảo luận nhóm như sau.

Thảo luận nhóm là một khái niệm mà những năm tháng học trò chúng ta đã từng nghe rất nhiều nhưng ở giảng đường đại học nó vẫn là một khái niệm mới đối với tân sinh viên.

Thực ra khi chưa tham gia vào buổi thảo luận trong tâm trí em có những băn khoăn lo lắng và đầy hoài nghi lo lắng là vì môn Triết học Mác Lênin là một môn học khó và vô cùng trừu tượng nếu như bản thân chúng ta không có cách học đúng thì chắc chắn sẽ không thể tiếp thu được môn học này. Buổi thảo luận nếu không chuẩn bị rõ ràng cẩn thận và đầu tư kỹ thì

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

khó có thể nắm bắt được bài học. Đối với buổi thảo luận nhóm vừa qua của lớp em, đây cũng là buổi thảo luận đầu tiên em nhận thấy rằng:

Thứ nhất, phương pháp thảo luận nhóm đã xây dựng tinh thần đoàn kết, tạo nên sự gắn kết giữa các thành viên trong nhóm. Tính độc lập tự chủ trong học tập, mọi thành viên được tự do phát biểu ý kiến của mình về chủ đề thảo luận. Thảo luận nhóm tăng khả năng hòa nhập, có thêm tinh thần học hỏi biết lắng nghe người khác tranh luận làm cho các sinh viên trưởng thành và nhận ra được nhược điểm của bản thân để khắc phục. Có nhiều vấn đề mà bản thân không hiểu hay không biết thông qua thảo luận nhóm, mình có thể tiếp thu và bổ sung thêm kiến thức cho bản thân, từ đó hoàn thiện bản thân.

Thứ hai, thảo luận nhóm còn rèn luyện kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng giao tiếp với người khác. Đây là một trong những kỹ năng quan trọng cần thiết cho mỗi sinh viên để phục vụ trong quá trình học và công việc sau này.

Thứ ba, về nội dung thảo luận, vấn đề đặt ra phù hợp với khả năng của sinh viên. Những vấn đề đó nằm trong chương trình học không cần đi

đâu xa để tìm kiếm nó nằm trong giáo trình.

Các câu hỏi được các bạn trong lớp đưa ra có nhiều câu hỏi hay làm cho không khí trở nên sôi nổi hơn. Các câu trả lời được các thành viên trong lớp góp ý cùng với sự giúp đỡ của cô giáo. Như vậy cô sẽ giúp cho sinh viên nhớ lâu hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh đó em thấy vẫn còn nhiều hạn chế trong việc thảo luận nhóm. Thứ nhất, hiệu quả hoạt động nhóm chưa cao, nội dung của các nhóm làm thì chủ yếu nằm trong sách giáo khoa, chưa có sự chủ động tìm tài liệu từ các nguồn bên ngoài nên nội dung vấn đề được ra chưa thực sự phong phú và đa dạng. Chúng em là những tân sinh viên là những người mới bắt đầu học theo phương pháp này nên còn có nhiều bỡ ngỡ chưa thực sự hiểu và thực hiện đúng nên không đem lại kết quả tốt.

Về phong cách trình bày của các nhóm vẫn còn nhiều hạn chế hầu như các nhóm còn phụ thuộc tài liệu quá nhiều trong một thời gian nhất định nhưng bài thuyết trình lại chuẩn bị dài dòng. Các nhóm còn hạn chế trong việc sử dụng slide để trình chiếu.

Ý thức tham gia đóng góp của sinh viên còn chưa cao còn mang tính

chất trông chờ còn phụ thuộc vào các bạn trong nhóm. Một số bạn còn chưa có sự hợp tác giữa các thành viên trong nhóm, vì vậy bài thuyết trình của nhóm chưa đạt kết quả cao.

Em thấy rằng học thảo luận nhóm là rất bổ ích, đem lại nhiều hứng thú cho người học khác với cách học truyền thống trước đây, giảng viên nói sinh viên chép. Còn cách học này đem lại sự chủ động cho sinh viên bởi vì hứng thú nên sẽ nhớ được lâu hơn. Đặc biệt đối với môn học Triết học Mác Lênin là một môn học vừa khó vừa trừu tượng thì với cách học như thế này thì sinh viên đưa ra ý kiến xây dựng tranh luận lẫn nhau cùng với sự hướng dẫn của giảng viên thì sẽ dễ hình dung hơn, hiểu rõ hơn về nội dung môn học. Cách chấm điểm cũng rõ ràng từng phần như điểm trình bày, điểm trả lời câu

hỏi, điểm phong cách cũng giúp đánh giá chính xác hơn, toàn diện hơn kết quả thảo luận. Nhóm nào có bạn làm mất trật tự hay đi chậm đều bị trừ điểm phong cách nên trong giờ thảo luận vẫn giữ được trật tự, sôi nổi nhưng nghiêm túc. Bạn nào có đóng góp nhiều cho nhóm được cộng thêm điểm nên khuyến khích được các bạn phát biểu và hơn nữa cũng lo bị thua nhóm khác.

Qua đây em mong muốn có nhiều buổi thảo luận nhóm để chúng em có thể khắc phục và hoàn thiện hơn kiến thức môn học cũng như phong cách trình bày, tạo không khí học tập sôi nổi vui vẻ thì kết quả học tập sẽ tốt hơn. Em cũng mong muốn các môn học khác cũng có những buổi thảo luận nhóm như thế này để giúp chúng em có kết quả học tập tốt hơn, rèn luyện kỹ năng toàn diện hơn./.

VÌ SAO ĐA SỐ SINH VIÊN LỰA CHỌN HÌNH THỨC THẢO LUẬN NHÓM TRONG GIỜ THẢO LUẬN CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Sinh viên Nguyễn Thị Thùy Linh

Lớp Kế toán K1-02

1. Thảo luận nhóm có nhiều ưu điểm

Thảo luận được áp dụng trong giờ thảo luận các môn Lý luận Chính trị có hai hình thức: thảo luận nhóm và thảo luận độc lập. Theo số liệu điều tra của khoa Lý luận chính trị, khảo sát 600 sinh viên cho thấy rằng: 593 sinh viên đồng ý chọn phương pháp thảo luận nhóm, chiếm tỷ lệ 98,84%. Trên cương vị là một sinh viên đang học tập tại trường, em cũng là một trong những sinh viên đồng ý lựa chọn phương pháp thảo luận nhóm. Em cho rằng phương pháp này đem lại hiệu quả cao cho việc dạy và học của giảng viên trực giảng và sinh viên. Và những lí do cho rằng sinh viên lựa chọn hình thức thảo luận nhóm nhiều hơn là gì?

Thảo luận nhóm có nhiều ưu điểm. Phương pháp thảo luận độc lập, có tác động tích cực tới sự động não của từng cá nhân riêng lẻ những lại không có sự

phối hợp giữa các thành viên trong tập thể. Trái lại phương pháp thảo luận nhóm lại phát huy được ưu điểm và khắc phục được nhược điểm trên:

- Việc ứng dụng phương pháp này đã tích cực hóa người học. Qua đó, giúp họ chủ động tìm tòi, khám phá kiến thức giải quyết được những vấn đề còn vướng mắc, nên tạo được sự thích thú, khơi dậy niềm đam mê trong việc tìm kiến thức và từ đó sinh viên sẽ hiểu đúng bản chất về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chính sách của Đảng mà trong quá trình giảng giảng viên chưa có điều kiện để làm rõ.

- Thông qua việc chủ động tìm tòi và khám phá kiến thức mới giúp sinh viên tư duy chủ động thay vì tư duy thụ động lối cũ chỉ nghe thầy cô giảng, lĩnh hội kiến thức một chiều. Thảo luận nhóm giúp người học khai thác được

nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển năng lực phân tích và tổng hợp. Trong quá trình làm việc nhóm giúp sinh viên rèn luyện tính tự chủ trong công việc (nhóm phân công) và biết cách phối hợp với các thành viên khác trong nhóm (tổng hợp thành công việc chung), từ đó giúp sinh viên nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, một kỹ năng mềm cần thiết cho công việc sau này. Đồng thời giúp cho sinh viên biết cách tập lắng nghe ý kiến người khác một cách kiên nhẫn và lịch sự. Tập đánh giá ý kiến người khác một cách độc lập.

- Giảm bớt tính chủ quan, phiến diện, tăng tính khách quan khoa học trong kiến thức của sinh viên.

- Thảo luận nhóm giúp cho sinh viên hình thành nên thói quen tương tác trong học tập. Giúp sinh viên phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, có tinh thần đoàn kết cao, sự tin cậy lẫn nhau. Sinh viên hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình học tập, tự đánh giá, tự điều chỉnh vốn tri thức của bản thân bằng phương pháp tự học và khám phá thêm những kiến thức liên quan từ thực tiễn.

- Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày (kỹ năng thuyết trình), sự tự tin trong giao tiếp trước đám đông

thông qua thuyết trình bài thảo luận của nhóm.

- Đa số sinh viên đều dùng phương pháp suy luận và tư duy để giải quyết vấn đề. Nên những tri thức khoa học mà sinh viên thu thập được sẽ khắc sâu và dễ nhớ. Đồng thời thảo luận cũng tăng cường tính linh hoạt và tư duy của người học trong các môn lý luận chính trị.

- Khi nhóm thảo luận hoạt động dưới sự giám sát của thầy cô giáo, giúp hạn chế những thói quen xấu như nói chuyện, làm việc riêng, mất tập trung,...

- Cải thiện mối quan hệ thầy - trò, trò - trò, giảng viên có thông tin phản hồi từ sinh viên để điều chỉnh việc dạy của thầy, việc học của trò đồng thời tăng cường mối giao cảm thầy trò, khiến cho giờ học trở nên sinh động, hấp dẫn hơn.

Tuy nhiên, dù là cái gì, đứng ở góc nhìn nào, phương pháp gì cũng có tính hai mặt của nó. Phương pháp thảo luận nhóm có nhiều ưu điểm, song phương pháp này cũng có những nhược điểm:

- Phương pháp này thực sự có hiệu quả khi dung lượng kiến thức trong một bài không quá nhiều, số lượng sinh viên trong lớp không quá đông và giảng viên phải viên phải theo dõi sát

sao hoạt động của nhóm.

- Bên cạnh đó, vẫn còn tạo kẽ hở cho một số đối tượng lười học, thiếu ý thức tự chủ trong học tập, chờ hưởng lợi từ thành tích của nhóm.

- Việc đánh giá khó có sự công bằng tuyệt đối giữa các thành viên trong nhóm, vì giảng viên không thể biết hết mức độ đóng góp của từng sinh viên, mặc dù nhóm đưa ra tỷ trọng điểm mỗi thành viên được hưởng.

2. Vì sao sinh viên không thích thảo luận độc lập

Thảo luận độc lập là hình thức thảo luận giảng viên cho các chủ đề trước, đến giờ thảo luận gọi tên hoặc các bạn phong lên trả lời, sau đó mọi người nêu những vấn đề chưa rõ để người đó trả lời, thầy cô giáo nhận xét và cho điểm và lại tiếp người khác đứng lên trình bày. Hình thức này sinh rất ít sinh viên ủng hộ vì không tạo khí thế cạnh tranh ganh đua giữa các nhóm một cách sôi nổi, thiếu sự hấp dẫn, cuốn hút, không khí lại rất nặng nề nếu như người được gọi không trả lời được, giờ thảo luận trở nên nhàm chán và sinh viên sẽ sợ giờ thảo luận. Em đề nghị quá trình tổ chức thảo luận các thầy cô giáo không nên áp dụng hình thức thảo luận độc lập

3. Một số đề xuất từ phía sinh viên khi sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong việc học các môn Lý luận chính trị

Để phương pháp thảo luận nhóm trở nên có hiệu quả hơn, em xin mạnh dạn đề xuất một số vấn đề sau:

3.1. Về phía giảng viên

Giảng viên cần sớm cho sinh viên các chủ đề cần thảo luận để sinh viên có thời gian chuẩn bị. Chủ đề thảo luận của các nhóm không nên trùng lặp nhau. Trong chủ đề nên kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

Quy mô nhóm có thể lớn hoặc nhỏ, tùy theo vấn đề thảo luận. Tuy nhiên, nhóm từ 8-10 sinh viên là tốt nhất bởi như vậy vừa đủ nhỏ để đảm bảo tất cả sinh viên có thể tham gia đóng góp ý kiến. Và cũng vừa đủ lớn để đảm bảo rằng sinh viên không có ý tưởng và không có gì để nói.

Mỗi nhóm cần chọn một nhóm trưởng, một thư kí ghi nội dung câu hỏi, Trưởng nhóm phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, điều hành việc thảo luận, mời các thành viên phát biểu, chuyển sang câu hỏi khác khi thích hợp, đảm bảo mọi người đều có cơ hội đóng góp ý kiến. Sinh viên luân phiên nhau đại diện cho nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Trong quá trình sinh viên thảo luận theo nhóm, giảng viên phải kiểm tra tinh thần làm việc, lắng nghe ý kiến của sinh viên, gợi ý cho các em nếu cần thiết. Khi các nhóm trình bày xong, giảng viên tóm tắt, tổng hợp, liên kết nội dung từng nhóm để khái quát nội dung.

3.2. Về phía sinh viên

Bản thân mỗi sinh viên cần nâng cao tính tự giác, tác phong, thái độ làm việc trong nhóm nghiêm túc, kỷ luật, nhiệt tình và có trách nhiệm. Trong nhóm các thành viên đều phải làm việc tích cực và giúp đỡ lẫn nhau để giải

quyết những vấn đề nêu ra trong không khí thi đua với những nhóm khác, không nên ỷ lại cho một số bạn.

Tóm lại, mặc dù phương pháp thảo luận nhóm còn có những nhược điểm và khó khăn khi thực hiện nhưng nó cũng tạo ra chuyển biến tích cực trong việc dạy và học. Phương pháp thảo luận nhóm không chỉ giúp củng cố, mở rộng kiến thức cho sinh viên, phát huy tính tích cực học tập của sinh viên mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc rèn luyện năng lực hợp tác giữa các thành viên để cùng học tập và lao động trong tương lai./.

NHỮNG HẠN CHẾ CẦN KHẮC PHỤC TRONG GIỜ THẢO LUẬN NHÓM CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Sinh viên Ngô Thị Phương Anh

Lớp kế toán K1.04

Hôm nay tôi rất vinh dự được có mặt ở đây để tham dự buổi “Hội thảo khoa Lý luận Chính trị”. Bản thân tôi đã được học các môn Lý luận Chính trị như Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1, 2 (năm nhất), Lịch sử học thuyết kinh tế, tư tưởng Hồ Chí Minh (năm hai) và bây giờ sang năm thứ 3 tôi đang được học môn Đường lối Cánh mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong quá trình học tập, nghiên cứu đó, trên cơ sở hiểu biết của mình và được tham gia nhiều giờ thảo luận, bên cạnh những mặt tích cực của các giờ thảo luận mà này giờ chúng ta đã nghe rất nhiều thì tôi nhận thấy vẫn còn những tồn tại nhất định. Sau đây tôi xin trình bày ý kiến cá nhân về “*Những hạn chế cần khắc phục trong giờ thảo luận nhóm các môn Lý luận Chính trị*”.

Theo tôi các giờ thảo luận vẫn còn những hạn chế như sau:

- Sĩ số của lớp đông nên việc mỗi nhóm có rất nhiều sinh viên tham gia mỗi chủ đề đều chưa đem lại hiệu quả cao. Tuy có phân chia công việc nhưng một số sinh viên còn chưa thật sự tham gia, đùn đẩy cho các bạn khác.

- Một số nhóm lựa chọn người thuyết trình chưa phát huy hết khả năng. Nhóm trưởng hầu hết luôn được cố định một bạn nào đó trong suốt thời gian tồn tại của nhóm mà không có sự thay đổi, gây ra sự nhàm chán và không tạo cơ hội thử sức với vai trò nhóm trưởng cho các thành viên khác. Thực tế có nhiều nhóm trưởng chưa thực hiện hết trách nhiệm của mình, các bạn không vạch ra kế hoạch hoạt động cụ thể cho nhóm và điều hành nhóm thực hiện các mục tiêu mà chỉ làm cho có, được chăng hay chớ, không lôi cuốn, thu hút được sự tham gia hiệu quả của các thành viên. Có những nhóm trưởng không quyết đoán

để cho ý kiến thành viên chi phối nên hiệu quả hoạt động nhóm không cao. Đồng thời cũng có không ít nhóm trưởng quá nhiệt tình, ôm đồm nhiều công việc, phân chia không hợp lý khiến thành viên ít có cơ hội phát huy khả năng của mình.

- Sự phân chia nhóm đôi khi còn chưa hợp lí. Có những nhóm rất nhiều bạn nổi bật, bên cạnh đó lại có những nhóm rất ít sinh viên sôi nổi, năng động.

- Nội dung thảo luận gồm rất nhiều vấn đề trong khi thời gian dành cho hoạt động lại có hạn (ví dụ như bản thân tôi đã từng là người thuyết trình trong rất nhiều giờ thảo luận, có những giờ thảo luận miệng thì nói liên tục rất nhanh nhưng có những giờ trình chiếu slide hoặc đề tài rộng mà thời gian chỉ cho phép hoàn thành trong 15 phút nên rất khó để thực hiện. Hay là một tiết 2 nhóm trình bày cũng chưa có thời gian để các bạn tranh luận làm rõ hết vấn đề).

- Sự phân chia bố cục còn thiếu khoa học hoặc còn thừa hay còn thiếu ý.

- Cách đặt câu hỏi còn thiếu tính sáng tạo và chưa có chiều sâu

- Đặc biệt, một số giờ thảo luận nhiều bạn thậm chí không có ý kiến, không phản biện và chỉ ngồi nghe một cách rất thụ động. Khi nhóm mình

phải tranh luận với các nhóm khác, một số sinh viên không hề góp ý mà chờ cho bạn nhóm trưởng hay một số bạn khác tích cực hơn trả lời.

- Nhiều bạn học xong giờ thảo luận vẫn chưa đúc kết và hiểu rõ được vấn đề nêu ra, chưa liên hệ được vào thực tế.

Trên cơ sở những tồn tại đó tôi thiết nghĩ chúng ta nên:

- Một là: giờ thảo luận chỉ phát huy hiệu quả khi tất cả các sinh viên đều tham gia nên để đảm bảo cho nhiều sinh viên được trình bày, tranh luận, sĩ số của mỗi lớp thảo luận không quá 40 sinh viên, tức là mỗi nhóm không quá 10 người.

- Hai là: Chúng ta nên phân chia nhóm đồng đều không nhất thiết phải phân chia theo tổ để nhóm nào cũng có những bạn giỏi và những bạn chưa năng động, giúp các bạn rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.

- Ba là: Khi lựa chọn nhóm trưởng cần tìm người có năng lực phân tích lãnh đạo. Nếu trong một nhóm có nhiều người nổi bật thì nên thay nhau làm nhóm trưởng để phát huy khả năng của bản thân.

- Bốn là: Mỗi môn có thể có nhiều lần thảo luận, chúng ta nên thay đổi người thuyết trình thường xuyên

◆ THÔNG TIN KHOA HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

để các bạn khác có cơ hội luyện tập kỹ năng đứng trước đám đông, tự tin thể hiện mình. Khi trả lời các câu hỏi trong phần tranh luận có thể chỉ định bất kỳ bạn nào trả lời, không nhất thiết phải là các bạn nhóm trưởng, các bạn tích cực, có như thế mới kiểm tra được các bạn khác hiểu đến đâu. Tích cực khuyến khích tranh luận và phản biện.

- Năm là: Thời gian để các nhóm thảo luận nên kéo dài hơn. Theo tôi thì mỗi chủ đề nên làm trong 2 tiết chứ không phải 1 tiết như hiện nay. Có thể hai nhóm một chủ đề, sau khi cả 2 nhóm cùng trình bày xong thì mới nhận xét và tranh luận. Làm như thế thứ nhất là tiết kiệm được thời gian, thứ hai là để 2 nhóm đó cùng trả lời, cùng tranh luận những vấn đề các bạn đưa ra vừa tạo tính sáng tạo, thú vị, kịch tính hơn là chỉ có một nhóm trả lời mỗi câu hỏi vừa giúp so sánh đánh giá được các nhóm rõ ràng.

- Sáu là: Trong quá trình thảo luận sinh viên sẽ trình bày chủ đề có tính ngẫu hứng nhất định theo cách hiểu của mình, cho nên có thể sẽ xuất hiện những quan điểm không phù hợp với chủ đề hoặc tranh luận giữa các nhóm, giảng viên nên định hướng nhận thức cho sinh viên, giữ thế chủ động trong quá trình điều hành. Từ đó, giảng viên nhận xét, giải thích, đúc rút ra mấu chốt vấn đề thì sinh viên sẽ dễ hiểu, dễ hình dung và nhớ lâu hơn.

Trên đây là những suy nghĩ, ý kiến của tôi về “*Những hạn chế cần khắc phục trong các giờ thảo luận nhóm*”, là một người lần đầu viết báo cáo tham luận, kinh nghiệm chưa nhiều nên không tránh khỏi những thiếu sót, chủ quan, vì vậy rất mong nhận được sự góp ý của các quý thầy cô và các bạn. Xin chân thành cảm ơn đã lắng nghe. Cuối cùng, tôi xin chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

